Tích Truyện Pháp Cú - 3 [Buddhist Legends] (Eugène Watson Burlingame; Thiền viện Viên Chiếu dịch)

Kinh Pháp Cú — các bản dịch & giảng giải

XXIV. Phẩm Tham Ái 1. Con Cá Vàng

Người sống đời phóng dật...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ viên, trong trường hợp của cá vàng Kapilamaccha.

Chuyện quá khứ

1A. Thầy Tỳ Kheo Tự Phụ - Đảng Cướp

Thuở xưa, thời đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có hai anh em một gia đình quý tộc xuất gia làm Sa-môn. Người anh tên Sodhana và người em tên Kapila. Cả người mẹ Sàdhinì và cô em gái Tàpanà cũng xuất gia làm Tỳ-kheo ni. Khi xuất

gia, cả hai anh em đều làm tròn bổn phận với bậc thầy thế độ và các vị Giáo thọ một cách thành kính. Một ngày nọ, họ hỏi thầy:

- Bạch thầy, trong tôn giáo này có bao nhiêu bổn phận chánh yếu?

- Có hai bổn phận: học và thiền định.

Nghe thế, người anh cả nghĩ thầm: "Ta sẽ hoàn thành bổn phận thiền định". Và thầy ở lại bên vị Bổn sư năm năm. Nhận một đề mục thiền định dẫn đến quả Tuệ giác, thầy vào rừng và sau khi nỗ lực hết sức mình, thầy chứng A-la-hán.

Người em nói: "Ta còn trẻ, khi nào già, ta sẽ thiền định". Thầy chọn bổn phận học tập. Thầy học thông Tam tạng, do đó thầy có đông đồ chúng và được nhiều lợi

dưỡng. Say sưa với kiến thức đa văn của mình và bị ma tham danh chi phối, thầy trở nên tự phụ. Thầy hay sửa lưng người khác. Khi người ta nói đúng thầy bảo sai, khi người ta nói sai thầy bảo đúng, việc có tội thầy nói là vô tội, việc vô tội cho là có tội.

Các vị Sa-môn hiền đức vẫn hay khuyên thầy:

- Này huynh Kapila, đừng nói như vậy.

Các vị nhắc thầy về điều luật, về Phật pháp. Nhưng Kapila trả lời:

- Các ông biết được gì? Hỡi những con cá rỗng?

Thầy lại tiếp tục nhục mạ người.

Các vị Sa-môn kể lại với thầy Sodhana. Thầy Sodhana khuyên em:

- Này Kapila, với cương vị Tỳ-kheo, em nên cư xử đúng đắn. Em đừng khinh thường, bác bỏ các lời khuyên chân thật, và nói năng theo cách của em như thế.

Nhưng thầy Kapila chẳng màng gì đến lời khuyên của anh. Thầy Sodhana kiên nhẫn khuyên hai, ba lần thầy Kapila cũng không đếm xỉa gì đến. Thầy chỉ còn biết nói:

- Này sư đệ, em sẽ mang tiếng xấu vì những hành động thầy nữa.

Thầy Kapila cư xử xấu và kết hợp một số đồ chúng cũng tệ như thầy. Ngày nọ, thầy tự nói: "Ta sẽ trùng tuyên Luật tạng tại Pháp đường". Thầy cầm quạt, lên tòa

ngồi, tuyên đọc Luật với câu hỏi thường lệ.

- Thưa các đại đức, chúng đã nhóm, có ai cần phát lồ?

Các vị Tỳ-kheo nghĩ thầm: "Trả lời ông ấy chẳng ích lợi gì". Tất cả yên lặng. Kapila tiếp:

- Này chư huynh, ở đây không có Giáo lý cũng không có Giáo luật, các vị có nghe đọc luật cũng như không nghe thôi.

Nói rồi Kapila xuống tòa. Như thế, thầy đã làm chậm trễ việc giảng dạy giáo pháp của đức Phật Ca-diếp.

Trong đời ấy, Trưởng lão Sodhana vào Niết-bàn. Kapila với thái độ như thế đã vào ngục A-tỳ. Cả mẹ và em gái thầy

theo chế nhạo các vị Sa-môn hiền đức, cũng rơi vào địa ngục.

Thời ấy, có năm trăm tên cướp, một ngày kia chúng bị rượt bắt, phải vào rừng ẩn náu. Chúng không tìm được nơi nương thân, và khi gặp một vị ẩn sĩ, chúng vái chào và thưa:

- Bạch Ngài, hãy cho chúng con nương tựa.

Vị ấy trả lời:

- Không có nơi nương tựa nào bằng đạo đức. Tất cả các anh có thể giữ năm giới được không?

- Thưa được.

Chúng bằng lòng thọ năm giới cấm.

Tôn giả ẩn sĩ khuyên họ:

- Hôm nay các anh đã thọ giới, cho dù mạng sống bị đe dọa đi nữa, các anh cũng không được phạm giới hay có tư tưởng ác.

- Được thôi.

Các tên cướp hứa sẽ giữ giới luật đã thọ.

Dân làng đuổi theo tận nơi bọn cướp ẩn náu, và giết chết hết tất cả. Chúng được tái sinh lên cõi trời, tên cầm đầu bọn cướp thành vị thiên chủ cai quản các vị kia. Sau khi tái sinh nhiều lần nơi các cõi trời, lúc ở cõi cao lúc cõi thấp suốt vô số kiếp trôi qua trong thời kỳ giữa hai vị Phật, chúng lại tái sinh trong đời Phật hiện tại vào một làng chài lưới có năm trăm gia đình gần thành Xá-vệ.

Vị Thiên chủ đầu thai vào nhà ông xã trưởng làng, những vị còn lại đầu thai trong các nhà kia. Như thế cùng một ngày tất cả năm trăm vị đầu thai và đều sanh ra một lượt. Ông xã trưởng nghĩ thầm: "Không biết hôm nay trong làng có các cậu bé khác chào đời hay không?". Cho người kiểm tra khắp làng ông được biết tất cả đều tái sinh vào một nơi. "Các cậu này sẽ là bạn của con trai ta". Ông nghĩ vậy rồi gởi thực phẩm đến nhà nuôi hết các cậu bé. Chúng lớn lên, chơi đùa với nhau, kết bạn thân cho đến lúc cùng trưởng thành. Chàng trai lớn nhất trở nên một người danh tiếng, được trọng vọng, làm thủ lãnh cả nhóm.

Kapila thọ khổ trong ngục A-tỳ suốt vô số kiếp trôi qua trong thời gian giữa hai vị Phật, và do

dư báo của nghiệp ác, lúc ấy tái sinh làm con cá nơi dòng sông Aciravatì. Mình cá màu vàng óng nhưng hơi thở hôi thối vô cùng.

Chuyện hiện tại:

1B. Nhóm Dân Chài Và Con Cá Hôi

Một ngày kia, đám bạn thanh niên ấy bảo nhau:

- Ta hãy tung lưới kiếm ít cá.

Họ lấy lưới quăng xuống sông, xui khiến thế nào con cá vàng lọt vào lưới. Khi dân làng trông thấy cá, họ mừng rỡ kêu lên:

- Các con chúng ta lần đầu bủa lưới, đã tóm được chú cá vàng. Thế nào đức vua

cũng ban thưởng một cách hậu hỷ.

Đám bạn thanh niên ném con cá lên thuyền, đi yết kiến đức vua. Thấy con cá, vua hỏi:

- Cái gì đấy?

Đám thanh niên tâu:

- Tâu đại vương, đây là một con cá.

Nhận ra đó là một con cá vàng, vua nghĩ thầm: "Đức Thế Tôn sẽ biết vì sao con cá này màu vàng". Vua liền ra lệnh mang cá đi đến ra mắt đức Thế Tôn. Cá vừa mở miệng ngáp, cả tinh xá Kỳ Viên tràn ngập mùi hôi thối. Vua bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, vì duyên cớ gì con cá này có màu vàng? Và tại sao hơi thở nó

hôi thối đến thế?

- Đại vương, vào thời Phật Ca-diếp, con cá ấy là một vị Tỳ-kheo tên Kapila, đa văn, được đồ chúng theo đông đảo. Do vì buông lung theo lợi dưỡng, ông ấy đã chửi mắng, lăng mạc các Tỳ-kheo không theo mình. Ông gây chậm trễ việc truyền bá giáo pháp đức Phật Ca-diếp và bị đọa vào ngục A-tỳ. Sau, từ dư báo nghiệp ác, lại đầu thai làm con cá. Do nhân duyên giảng dạy giáo pháp Phật, đọc tụng kinh điển tán thán Phật trong thời gian khá lâu, mình cá mới có màu vàng ấy. Còn hơi thở thối vì ông đã chửi mắng lăng

mạ các Tỳ-kheo. Đại vương, Như Lai sẽ khiến ông ấy kể về chính mình đây.

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài dùng mọi cách để ông ấy tự kể về mình.

Đức Phật hỏi con cá:

- Ngươi có phải là Kapila?

- Bạch Thế Tôn vâng, con là Kapila.

- Ngươi từ đâu đến?

- Bạch Thế Tôn, con từ ngục A-tỳ đến.

- Còn anh ngươi, Sodhana, ra sao rồi?

- Bạch Thế Tôn, anh ấy đã nhập Niết- bàn.

- Mẹ ngươi, bà Sàdhini đâu?

- Bạch Thế Tôn, người bị đọa địa ngục.

- Còn em gái ngươi, Tàpanà, thì sao?

- Cô ấy cũng đọa địa ngục, Bạch Thế

Tôn!

- Giờ ngươi đi đâu?

- Bạch Thế Tôn, ngục A-tỳ.

Nói xong, lòng đầy ăn năn, cá đập đầu chết ngay tại chỗ, bị tái sanh trong ngục A-tỳ. Thính chúng vây quanh đều xúc động, lông tóc dựng ngược cả lên. Đức Thế Tôn thấy tâm họ thuần phục, bèn giảng bài pháp thích hợp:

Hằng sống trong chánh kiến, Hằng tu hạnh thanh tịnh, Đấy hạt ngọc sang đẹp, Quý hơn trong tất cả.

Nói kệ rồi, đức Phật giảng tỉ mỉ toàn bài kinh "Kapila"; sau này được chép trong tập Suta Nipàta. Ngài nói kệ tiếp:

(334) Người sống đời phóng dật,

Ái tăng như dây leo,

Nhảy đời này đời khác,

Như vượn tham quả rừng.

(335) Ai sống trong đời này, Bị ái dục buộc ràng, Sầu khổ sẽ tăng trưởng, Như cỏ bị gặp mưa.

(336) Ai sống trong đời này, Ái dục được hàng phục, Sầu rơi khỏi người ấy, Như giọt nước lá sen.

(337) Đây điều lành Ta dạy, Các người tụ họp đây, Hãy nhổ

tận gốc ái, Như thổ gốc cỏ bỉ, Chớ để ma phái hoại, Như dòng nước cỏ lau.

2. Con Heo Nái Tơ

Như cây bị chặt đốn...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc Lâm, liên quan đến chị heo nái tơ nọ sống lăn lóc trong đống phân.

Chuyện kể rằng, một hôm đức Thế Tôn vào thành Vương-xá khất thực, gặp một con heo nái tơ. Ngài mỉm cười, Trưởng lão A-nan trông thấy vầng hào quang chói sáng từ răng Ngài, liền hỏi lý do:

- Bạch Thế Tôn, tại sao Ngài cười?

Đức Phật bảo:

- Này A-nan, hãy nhìn con heo nái tơ kia.

- Con có thấy nó, bạch Thế Tôn!

- Vào thời đức Phật Kakusandha, con heo tơ này là một chị gà ở gần Thiền đường nọ. Chị thường chăm chú nghe một thầy Tỳ-kheo niệm đề mục thiền tu chứng Tuệ giác. Chỉ nghe những âm thanh thiêng liêng kia thôi, cũng khiến chị thoát kiếp được tái sinh vào cung vua, làm công chúa tên Ubbari.

Một hôm công chúa đi vào nhà xí, thấy đống dòi. Liền tại chỗ ấy, chăm chú quan sát đám dòi, tâm định tĩnh, cô nhập Sơ thiền. Sau khi mãn kiếp làm công chúa, cô được sanh vào dòng dõi Bà-la-môn. Từ giai cấp Bà-la-môn, do nghiệp tạo

trong kiếp ấy, bây giờ cô lại tái sinh làm con heo nái tơ này. Ta biết những cảnh huống ấy nên cười.

Các Tỳ-kheo đi sau Trưởng lão A-nan lắng nghe đức Thế Tôn nói, rất xúc cảm. Sau khi tác động tâm tư họ, đức Phật liền giảng giải sự ngu si của tham ái, và vẫn đứng giữa đường đi, Ngài nói kệ tiếp:

(338) Như cây bị chặt đốn, Gốc chưa hại vẫn bền, Ái tùy miên chưa nhổ, Khổ này vẫn sanh hoài.

(339) Ba mươi sáu dòng ái, Trôi người đến khả ái, Các tư tưởng tham ái, Cuốn trôi người tà kiến.

(340) Dòng ái dục chảy khắp, Như dây leo mọc tràn, Thấy dây leo vừa sanh, Với tuệ, hãy đoạn gốc.

(341) Người đời nhớ ái dục, Ưa thích các hỷ lạc, Tuy mong cầu an lạc, Họ vẫn phải sanh, già.

(342) Người bị ái buộc ràng, Vùng vẫy và hoảng sợ, Như thỏ bị sa lưới, Chúng sanh ái trói buộc, Chịu khổ đau dài dài.

(343) Người bị ái buộc ràng, Vùng vẫy và hoảng sợ, Như thỏ bị sa lưới, Do vậy vị Tỳkheo, Mong cầu mình ly

tham, Nên nhiếp phục ái dục.

Sau kiếp ấy, chị heo nái tơ tái sinh vào cung vua ở Suvannabhùmi. Hết kiếp, cô tái sanh ở Ba-la-nại, kiếp sau cô tái sanh ở cảng Supàraka trong nhà một người lái ngựa, rồi sanh vào nhà một thủy thủ cảng Kavìra. Kế tiếp, cô sanh vào nhà một gia đình quý tộc cao sang ở Anuràdhapura. Cuối cùng, cô tái sanh làm con gái ông Sumanà làng Bhokkkanta thuộc vùng phía Nam, được đặt tên theo cha là Sumanà.

Khi dân chúng bỏ làng đi hết, cha cô đến vương quốc Diighavaapi, lập nghiệp tại làng Mahàmuni. Lakuntaka Atimbara, Tể tướng vua Dutthagàmanì, có việc đến đấy gặp cô, liền cưới làm vợ, đưa về sống tại làng Mahàpunna. Một hôm,

Trưởng lão Anula trú tại tinh xáKotipabbata đi khất thực ngang qua nhà trông thấy cô bèn bảo các thầy Tỳ- kheo:

- Này chư huynh, con heo nái tơ đã trở thành phu nhân ngài Lakuntaka Atimbara, Tể tướng của đức vua, thật lý thú biết bao!

Nghe những lời này cô bỗng nhớ hết các tiền kiếp của mình và chứng Túc mạng thông. Xúc dộng sâu xa, cô xin phép chồng từ bỏ đời thế tục xuất gia theo Tăng đoàn Tỳ-kheo ni Pancabalaca. Sau khi nghe giảng bài pháp Mahà satipatthàna tại tinh xá Tissa, cô đắc qủa Dự lưu. Rồi khi người Damilas bị tiêu diệt, cô trở về làng Bhokkanta sống với cha mẹ. Tiếp đó, nghe bài pháp Asìvisopama tại tinh xá Kallaka, cô

đắc qủa A-la-hán. Ngày cô nhập Niếtbàn, đáp lời hỏi của các Tỳ-kheo và Tỳkheo ni, cô kể hết câu chuyện cho các Tỳ-kheo Ni nghe. Giữa một buổi nhóm chúng của các thầy Tỳ-kheo, với sự giúp đỡ của Trưởng lão Maha Tissa, vị Tỳkheo thường giảng nói Pháp Cú đang trú tại Mandalàràma, cô kể như sau;

- Vào thời xa xưa, con đánh mất thân người, sanh làm gà mái. Bị diều hâu xớt, và tái sanh ở thành Vương xá, từ bỏ cuộc đời thế tục, làm một Tỳ- kheo ni hành khước đây đó và tu đạt đến Sơ thiền. Hết kiếp ấy, con tái sanh vào nhà một trưởng giả. Nhưng chỉ sống ít lâu, con đã bị đọa làm heo nái. Hết kiếp, con tái sanh ở Suvannabhùmi, rồi ở Ba-la-nại, ở cảng Suppàraka, ở cảng Kavìra, ở Anuràdhapura và sau cùng tại làng Bhokkanta. Sau khi trải qua mười ba

kiếp thăng trầm như vậy, kiếp này con cảm nhận được sự bất như ý của cuộc sống nên từ bỏ thế tục, xuất gia, và chứng quả A-la-hán. Xin chư vị mỗi người hãy tự mình chánh niệm tinh tấn tiến đến giải thoát.

Lời cô làm tứ chúng vô cùng xúc động. Sau đó cô nhập Niết-bàn.

3. Thầy Tỳ Kheo Bỏ Đạo

Được thoát khỏi buộc ràng...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc lâm, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo hoàn tục.

Thầy Tỳ-kheo kia vốn là đồ đệ Trưởng

lão Đại Ca-diếp, tuy đã đạt Tứ thiền nhưng một hôm đến chơi nhà ông chú làm thợ vàng, trông thấy nhiều đồ trang sức đẹp mắt, thầy sanh lòng tham luyến, bèn hoàn tục. Thầy lại làm biếng chẳng chịu mó tay vào việc gì nên bị đuổi ra khỏi nhà. Từ đấy thầy kết bạn với kẻ xấu, chuyên sống bằng nghề cướp bóc. Một hôm người ta bắt thầy, trói chặt hai tay sau lưng, mang đi hành hình, trên đường cứ gặp mỗi ngã tư lại dùng roi da đánh đập thầy.

Trưởng lão Đại Ca-diếp vào thành khất thực, thấy thầy Tỳ-kheo bỏ đạo bị dẫn ra cửa Nam liền làm cho dây trói lỏng đi, và bảo thầy.

- Ông hãy quán tưởng lại đề mục định như đã từng làm.

Vâng lời dạy, thầy Tỳ-kheo bắt đầu thiền định, và nhập Tứ thiền. Lính áp tải đưa thầy đến chỗ hành hình, bảo:

- Bọn ta sẽ cho ngươi chết.

Rồi chúng nung đỏ chông sắt lên. Nhưng tên cướp chẳng hề lo sợ mảy may. Lính xử tội vây tứ phía đưa cao gươm giáo, lao phóng sáng lòa.

Thấy tên cướp không tỏ dấu sợ hãi chi cả, chúng phải kêu:- Thưa các Ngài, hãy nhìn người này xem. Đứng giữa trăm người lăm lăm vũ khí, ông ta chẳng run chẳng sợ. Thật là điều lạ lùng.

Quá kinh ngạc và thán phục, chúng reo hò ầm ĩ, rồi đến tâu lên vua. Nghe hết chuyện, vua phán:

- Hãy thả người ấy ra.

Họ đến bạch Phật câu chuyện. Đức Thế Tôn phóng hào quang, phân thân đến pháp trường nói kệ:

(344) Lìa rừng lại hướng rừng, Thoát rừng chạy theo rừng, Nên xem người như vậy, Được thoát khỏi buộc ràng, Lại chạy theo ràng buộc.

Nghe pháp âm mầu nhiệm, thầy Tỳ-kheo bỏ đạo đang nằm trên bàn chông lính vây quanh kín đặc, liền quán tưởng đề mục sanh tử, quán tam pháp ấn, thấu rõ ngã không và đắc quả Dự lưu. Trong niềm an lạc của đạo quả vừa đắc, thầy bay lên không đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài. Ngay giữa chúng hội, trong đó có cả nhà vua, thầy đắc quả A-la-hán.

4. Ngôi Nhà Tù

Người trí xem chưa bền...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến ngôi nhà tù.

Một hôm, các tội phạm bị dẫn đến trước vua Ba-tư-nặc, nào trộm đạo, cướp đường, nào những kẻ giết người. Vua ra lệnh dùng gông cùm, dây thừng và dây xích trói họ lại. Lúc ấy, có ba mươi thầy Tỳ-kheo ở vùng quê đến thăm đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài rồi lui. Hôm sau, đi quanh thành Xá-vệ khất thực, các thầy qua chỗ nhà tù và thấy bọn tội phạm. Chiều lại, khất thực xong các thầy đến yết kiến Phật và bạch:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay đi khất thực chúng con thấy các tội nhân ở trong nhà tù. Họ bị trói bằng gông cùm, dây thừng, dây xích, vô cùng đau khổ. Họ chẳng cởi nổi các gông cùm này để trốn thoát được. Bạch Thế Tôn, có thứ gì trói buộc bền chắc hơn nữa không?

Đức Phật đáp:

- Này các Tỳ-kheo, những thứ đó đâu đã lấy gì làm bền chắc. Hãy xem sự trói buộc của si mê, gông xiềng có tên là tham ái, sự ràng rịt của lòng tham luyến của cải, lúa thóc, vợ con. Dây trói buộc này còn bền chắc gấp trăm, nói cho đúng, gấp nghìn lần hơn những thứ các ông đã thấy. Nhưng dầu nó bền chắc như vậy và khó cởi bỏ đến thế mà xưa kia người có trí vẫn cởi bỏ được, ra đi vào Hy-mã-lạp-sơn, xa lìa thế tục.

Rồi Ngài kể chuyện tiền thân:

Chuyện quá khứ:

4A. Chồng Và Vợ

Vào thuở xa xưa, khi vua Brahmadatta đang trị vì ở Ba-la-nại, Ngài là con trai một gia đình nhà nghèo nọ. Khi đến tuổi trưởng thành thì cha chết, chàng phải đi làm mướn nuôi mẹ. Bà mẹ chọn cưới cho chàng một cô gái con nhà tử tế, mặc những lời phản đối của chàng. Thời gian sau, mẹ già qua đời, vợ chàng hoài thai đứa con đầu lòng.

Chẳng biết vợ đang mang thai, chàng bảo:

- Này em, hãy tự kiếm sống nhé. Anh sẽ đi tu.

Vợ chàng đáp:

- Em đang có thai. Xin đợi đến ngày em sinh nở, chàng thấy mặt con rồi đi tu cũng không muộn.

- Thôi được.

Khi cô vợ sanh đứa bé xong, chàng từ giã vợ:

- Em thân yêu, em đã sanh nở mẹ tròn con vuông. Anh có thể đi tu được rồi chứ.

Nhưng cô vợ nói:

- Xin chàng chờ đến lúc con dứt sữa hãy đi.

Trong khi chàng chờ, cô vợ có thai đứa

con thứ hai.

Chàng tự nghĩ: "Nếu ta làm theo lời yêu cầu của nàng thì chẳng bao giờ đi được. Ta sẽ bỏ trốn và xuất gia, đừng cho nàng hay gì cả". Thế là không nói một lời về dự định của mình, giữa đêm chàng trở dậy trốn đi. Lính gác thành bắt chàng. Nhưng chàng thuyết phục được họ thả ra:

- Thưa các ông, tôi phải săn sóc mẹ già. Xin các ông tha cho tôi.

Ở lại quanh đấy một thời gian, chàng lên đường về vùng Hy-Mã-lạp-sơn sống đời ẩn sĩ. Sau khi đắc thần thông và tu chứng được những quả vị cao hơn, chàng tiếp tục sống ở đấy, vui hưởng thiền duyệt. Chàng thầm nghĩ: "Ta đã bứt tung được sợi dây trói thật quá ư bền chắc, sợi dây tham dục xấu xa, sợi dây của lòng luyến

ái vợ con".

Nghĩ rồi, chàng đọc một bài kệ.

(Kết Thúc Chuyện Quá Khứ)

Kể xong chuyện quá khứ, đức Thế Tôn nói kệ làm rõ nghĩa bài kệ của nhà ẩn sĩ:

(345) Sắt, cây, gai trói buộc, Người trí xem chưa bền, Tham châu báu, trang sức, Tham vọng vợ và con.

(346) Người có trí nói rằng: "Trói buộc này thật bền, Trì kéo xuống, lún xuống, Và thật sự khó thoát. Người trí cắt trừ nó, Bỏ dục lạc không màng".

5. Sắc Đẹp Phù Du

Người đắm say ái dục...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ngụ tại Trúc Lâm, liên quan đến hoàng hậu Khema, vợ vua Tần-bà-sa-la.

Người ta nói rằng bà Khema, do phước báu lời nguyện dưới chân Phật Padumuttara, nhan sắc vô cùng lộng lẫy. Nghe đồn đức Thế Tôn thường chê trách sắc đẹp thể chất, bà tránh không gặp Phật. Vua Tần-bà-sa-la biết bà rất tự kiêu về sắc đẹp của mình nên cho người làm những bài ca tán thán Trúc Lâm, rồi ra lịnh cho các nghệ sĩ hát các bài ca ấy khắp nơi.

Nghe các bài ca, Trúc Lâm đối với bà thật là một nơi xa xôi nào chưa từng biết. Bà hỏi các nghệ sĩ:

- Các ngươi hát về khu rừng nào thế?

- Tâu hoàng hậu, chúng con hát về rừng Trúc Lâm của lệnh bà đấy.

Tức thì hoàng hậu muốn xem Trúc Lâm. Lúc ấy, đức Thế Tôn đang ngự trên tòa giảng pháp cho tứ chúng, biết bà đến bèn hóa phép cho một cô gái tuyệt đẹp cầm quạt đứng quạt hầu Phật.

Hoàng hậu Khema bước vào Pháp đường, thấy cô gái bà nghĩ thầm: "Ta vẫn nghe nói đấng Đại Giác chê trách sắc đẹp thể chất. Mà đây lại có cô gái này đứng quạt hầu Ngài.

Ta chẳng sánh được một góc sắc đẹp cô ấy. Quả thực ta chưa bao

giờ thấy ai đẹp như vầy. Chắc chắn người ta nói về đức Thế Tôn không được đúng lắm".

Hoàng hậu cứ dán mắt vào người đẹp, lời giảng pháp của đứa Thế Tôn chẳng lọt một tiếng vào tai bà. Phật biết bà đang chú tâm vào cô gái, liền biến người đẹp trẻ trung diễm lệ kia thành bà già lụ khụ, rồi cuối cùng chỉ còn là một túi da bọc xương. Thấy thế, hoàng hậu Khema suy nghĩ: "Chỉ trong phút chốc thôi, một hình hài tuyệt mỹ như thế đã đi đến chết chóc, hoại diệt. Quả nhiên hình hài vật chất này không thật chút nào!"

Đức Thế Tôn đọc được tư tưởng bà, liền bảo:

- Khema, bà nghĩ một cách sai lầm rằng sắc đẹp thể chất là có thật. Bà hãy xem

cái không thật của nó kìa.

Ngài nói kệ:

Bà Khema có thấy Mớ duyên hợp kia không? Đầy bệnh hoạn thối ung Đồ bất tịnh dơ xấu Từng phút giây rỉ chảy Chỉ những kẻ ngu si Mới đắm say thứ ấy.

Nghe xong, hoàng hậu Khema đắc quả Dự-lưu. Đức Thế Tôn bảo bà:

- Này Khema, chúng sanh trong thế gian này đắm say ái dục, bị lòng sân hận làm hư hỏng, bị ngu si đánh lừa, do đó dính chặt trong dòng sông tham ái, không thể vượt thoát ra nổi.

Và Ngài nói kệ giảng pháp:

(347) Người đắm say ái dục, Tự lao mình xuống dòng, Như nhện sa lưới dệt, Người trí cắt trừ nó, Bỏ mọi khổ, không màng.

Khi bài pháp kết thúc, hoàng hậu Khema đắc quả A-la-hán. Hội chúng cũng được lợi lạc.

Đức Phật bảo vua Tần-bà-sa-la:

- Đại vương, bà Khema giờ hoặc phải xa rời thế tục, hoặc phải nhập Niết-bàn.

Vua bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy nhận bà ấy vào Tăng đoàn, khoan nhập Niết- bàn.

Bà Khema xuất gia và trở thành một trong những Trưởng lão ni xuất sắc của Tăng đoàn đức Phật.

6. Chàng Trai Có Cô Vợ Diễn Viên Nhào Lộn

Bỏ quá, hiện, vị lai...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Uggasena.

Thuở ấy tại thành Vương-xá, mỗi năm một hoặc hai lần, năm trăm diễn viên xiếc nhào lộn lại đến biểu diễn cho nhà vua xem suốt bảy ngày. Họ kiếm được nhiều tiền và

vàng: quả thực, người ta tung quà thưởng tới tấp vào họ. Khán giả

chồng chất giường ngủ lên nhau thật cao, trèo lên xem cho rõ những màn xiếc hấp dẫn.

Hôm ấy, một nữ diễn viên leo lên cây cột cao, quay lộn một vòng rồi cô nhẹ nhàng đặt chân lấy thăng bằng trên đầu cột, cứ lơ lửng trên không như thế cô vừa khiêu vũ vừa hát. Trong đám khán giả có con trai quan chưởng khố cũng đứng trên đống giường với bạn chàng, xem cô biểu diễn. Tay chân cô cử động mềm mại duyên dáng quá làm chàng nhìn say sưa, và chàng yêu cô gái luôn. Tan hát về nhà chàng nói: "Nếu cưới được nàng ấy ta mới sống, còn không ta chết quách cho xong". Chàng gieo mình xuống giường, chẳng chịu ăn uống gì nữa.

Bố mẹ chàng hỏi:

- Con ơi, con bịnh làm sao?

Chàng đáp:

- Nếu con cưới được con gái người hát xiếc con mới sống. Còn không, con sẽ chết thôi.

Bố mẹ chàng khuyên:

- Con ơi, đừng làm vậy. Cha mẹ sẽ cưới cho con một cô vợ khác mới là môn đăng hộ đối chứ.

Chàng vẫn một mực nói câu ấy và nằm lỳ trên giường. Cha chàng kiên nhẫn giảng cho chàng hiểu, rốt cuộc cũng không làm cho chàng tỉnh trí được chút nào. Cuối cùng ông cho gọi người bạn của chàng đến đưa một ngàn tiền vàng và bảo:

- Cậu hãy trao số tiền này cho người hát xiếc và bảo ông ấy đưa con gái về cho con trai ta.

Người hát xiếc nói:

- Tôi đâu bán con lấy tiền. Nếu cậu ấy không thể sống thiếu con gái tôi thì hãy để cậu ấy đi với bọn tôi. Chịu như vậy tôi mới gả con gái.

Bố mẹ chàng cho chàng hay tin. Chàng liền bảo:

- Tất nhiên,con sẽ đi với họ thôi.

Bố mẹ chàng năn nỉ, khuyên lơn. Chàng chẳng màng đến những lời họ nói, bỏ theo đoàn hát xiếc.

Chàng cưới cô gái diễn viên và cùng

đoàn hát đi biểu diễn qua khắp làng mạc, thành thị, kinh đô. Chẳng bao lâu, cô vợ sanh một đứa con trai. Mỗi khi chơi đùa với con, cô gọi con là "con bác đánh xe" hoặc "con chú loong toong", hay "con gã chẳng biết gì ráo". Anh chồng quả cũng có đảm nhiệm việc chăm sóc cỗ xe gánh xiếc. Mỗi khi đoàn biểu diễn, chàng sửa soạn dụng cụ, dàn dựng lên hoặc dọn dẹp khi tan hát.

Chính muốn ám chỉ các việc làm ấy mà vợ khi nựng con đã dùng những từ trên. Chàng đi đến kết luận là cô muốn nói bóng gió mình, bèn hỏi:

- Nàng muốn ám chỉ ta ư?

- Đúng thế, tôi nói anh đấy.

- Đã vậy, ta sẽ bỏ nàng.

- Anh đi hay ở đâu việc gì đến tôi.

Cô vẫn dùng những từ ngữ ấy đùa với con. Sắc đẹp và số lợi tức khổng lồ cô kiếm được làm cô bất cần chồng.

Chàng nghĩ: "Sao cô ta kiêu ngạo thế?" Ngay sau khi ấy chàng hiểu ra: "Chính vì cô ta là một diễn viên tài năng". Chàng quyết định: "Được! Ta sẽ học làm xiếc".

Chàng học tất cả các ngón biểu diễn với cha vợ. Chàng đi trình diễn khắp làng mạc, thành thị, kinh đô, hết chỗ này đến chỗ kia, cuối cùng lại trở về Vương-xá, chàng truyền rao khắp thành: "Bảy ngày nữa, Uggasena con trai ngài chưởng khố sẽ biểu diễn nghệ thuật cho dân thành Vương-xá xem". Dân chúng rộn rịp dựng khán đài thật cao, và đúng ngày thứ bảy, họ kéo nhau đến. Uggasena leo lên cây

cột cao ba chục mét và đứng lơ lửng trên đầu sào.

Hôm ấy, từ sớm đức Thế Tôn quan sát thế gian và Uggasena xuất hiện trong tầm quán sát của Ngài. Thế Tôn tự nghĩ: "Người thanh niên ấy sẽ ra sao?". Ngay sau đó, Ngài biết được: "Con trai quan chưởng khố sẽ đứng lơ lửng trên đầu sào kia để biểu diễn màn xiếc của chàng và đông đảo khán giả sẽ tụ tập xem. Vào thời điển ấy ta sẽ đọc bài kệ bốn câu. Nghe xong tám vạn bốn ngàn người sẽ được Pháp nhãn thanh tịnh, còn Uggasena thì đắc quả A-la-hán".

Ngày hôm sau, lựa đúng giờ thích hợp, đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo lên đường vào thành Vương-xá khất thực.

Trước khi Phật đặt chân vào thành, tại

chỗ biểu diễn, Uggasena đưa tay ra dấu chào trả tiếng vỗ tay của khán giả. Và giữ thăng bằng trên đầu cột, chàng bay lộn bảy vòng trong không, đặt chân trở lại trên đầu cột và đứng giữ thăng bằng ở đấy. Đúng lúc này, đức Thế Tôn vào thành, và do sự xếp đặt của Ngài, khán giả quay nhìn Ngài thay vì nhìn Uggasena biễn diễn. Thấy khán giả không còn quan tâm đến mình nữa, Uggasena vô cùng thất vọng. Chàng nghĩ: "Ta phải mất một năm mới luyện được màn biểu diễn này. Thế mà đức Thế Tôn vừa đặt chân đến thành, khán giả đã bỏ ta quay lại chiêm ngưỡng Ngài. Buổi biểu diễn của ta thế là hoàn toàn thất bại. "Phật đọc được tư tưởng của chàng liền bảo Trưởng lão Mục-kiền liên:

- Ông hãy đến bảo con viên chưởng khố ta muốn xem chàng biểu diễn tài nghệ.

Tôn giả đến bên cây cột nói với chàng diễn viên:

Này, Uggasena Diễn viên xiếc tài ba! Hãy phô trương tài nghệ, Cống hiến dân thành ta.

Uggasena nghe vậy vô cùng hoan hỉ: "Chắc đức Thế Tôn muốn xem tài năng của ta". Nghĩ vậy, chàng liền đáp, trong lúc vẫn đứng lơ lửng trên đầu cột:

Hãy xem tôi, Mục-kiền-liên Tôn giả! Bậc đại trí, bậc đại thần thông! Tôi trổ tài cống hiến đám đông Và làm họ cười reo thỏa thích

Từ trên đầu cột chàng tung mình lên

không, quay lộn mười bốn vòng rồi đặt chân trở lại, giữ thăng bằng trên đầu cột.

Đức Thế Tôn bảo:

- Này Uggasena, người trí phải biết cởi bỏ buộc ràng của thân ngũ uẩn trong quá khứ, hiện tại và vị lại. Như vậy, người ấy mới thoát được sanh, già, bệnh, chết.

Ngài nói kệ:

(348) Bỏ quá, hiện, vị lai, Đến bờ kia cuộc đời, Ý giải thoát tất cả, Chớ vướng lại sanh già.

Phật nói xong, tám vạn bốn ngàn người được pháp nhãn thanh tịnh, con trai quan chưởng khố đắc quả A-la-hán và được thần thông ngay khi chàng còn đứng lơ lửng đầu cột.

Chàng tụt xuống, tiến tới trước đức Thế
Tôn, năm vóc gieo xuống đất đảnh lễ
Phật và xin được gia nhập Tăng đoàn.
Phật đưa tay nói: "Hãy đến, Tỳ-kheo!"
Chàng liền biến thành một vị Trưởng lão chừng sáu mươi tuổi, với đầy đủ tám vật dụng tùy thân. Các thầy Tỳ-kheo hỏi
Trưởng lão:
- Này huynh Uggasena, huynh leo từ cây cột ba chục thước xuống mà không sợ sao?

Uggasena đáp:

- Chư huynh đệ, tôi chẳng sợ chút nào.Chúng Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Uggasena nói "Tôi chẳng sợ chút nào" là nói điều không thật. Ông ấy phạm việc dối trá.

Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như Uggasena đã diệt trừ tham ái, không còn lo âu sợ hãi gì nữa.

Ngài nói kệ:

(397) Đoạn hết các kiết sử, Không còn gì lo sợ, Không đắm trước buộc ràng, Ta gọi Bà-lamôn

Một hôm, chúng Tỳ-kheo bàn luận với nhau trong Pháp đường: "Chư huynh đệ, vì sao một vị Tỳ-kheo có khả năng chứng A-la-hán như vị này lại lưu lạc theo đoàn xiếc chỉ vì

cô con gái của người hát xiệc? và làm thế nào ông ấy có khả năng chứng A-la-hán?"

Đức Thế Tôn đến gần, hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông tụ tập luận bàn gì thế?

Khi nghe họ bạch, Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo, hai việc này xảy ra trong cùng một trường hợp thôi.

Để làm sáng tỏ câu chuyện, Phật kể:

Chuyện quá khứ:

6A. Lời Nói Đùa Và Qủa Báo

Thuở xa xưa, khi ngôi tháp bằng vàng thờ xá lợi Phật Ca-diếp đang được xây cất, con cái một số Phật tử thuần thành ở Ba-la-nại đến chỗ xây tháp công quả bằng cách đích thân bắt tay vào việc xây

cất công trình ấy, và họ mang theo những cỗ xe chất đầy thực phẩm. Trên đường đi, họ gặp nột Trưởng lão đang đi vào thành khất thực. Trong những người đi công quả có một phụ nữ trẻ thấy Trưởng lão bèn nói với chồng cô:

- Này anh, vị Trưởng lão tôn kính của chúng ta đang vào thành khất thực. Xe ta chứa vô số thực phẩm cả cứng lẫn mềm. Anh hãy đến đỡ bình bát của Ngài và cúng dường đi.

Người chồng đến đỡ bình bát Trưởng lão và họ múc đầy bát thức ăn vừa cứng vừa mềm. Xong hai vợ chồng phát nguyện:

- Bạch Đại đức, chúng con nguyện được dự phần với Ngài chân lý mà Ngài đã sáng tỏ.

Vị Trưởng lão đã đắc A-la-hán. Ngài quan sát xem thử đời vị lai lời nguyện họ được thành không. Khi biết lời nguyện sẽ thành, Ngài mỉm cười. Cô vợ nhìn thấy nụ cười ấy bảo chồng:

- Anh à, vị Trưởng lảo tôn quý của chúng ta cười. Chắc Ngài cũng là diễn viên.

Anh chồng đáp:

- Ừ phải, chắc Ngài là diễn viên thật em ạ!

Họ tiếp tục đi lo công việc của mình. Đây là nghiệp họ tạo trong quá khứ.

(Chấm Dứt Chuyện Quá Khứ)

Khi mãn kiếp, hai vợ chồng được tái sinh lên cõi trời. Vào thời đức Phật hiện tại,

người vợ thọ sanh trong nhà một diễn viên xiếc, người chồng thì làm con trai quan chưởng khố. Do chàng nói: "Ừ phải, chắc Ngài là diễn viên thật em ạ", kiếp này chàng phải phiêu bạt theo đoàn xiếc. Do chàng cúng dường một bữa ăn cho vị Trưởng lão A-la-hán, nên chàng đắc quả A-la-hán.

Cô gái con người hát xiếc tự bảo: "Chồng ta chứng đắc quả vị gì thì ta cũng sẽ chứng đắc như chàng"

Cô bèn xuất gia và cũng đắc quả A-la- hán.

7. Xạ Thủ Trẻ Tài Ba

Người tà ý nhiếp phục...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang trú tại Kỳ viên, liên quan đến thầy Tỳ-kheo trẻ tên Culla dhanuggaha Pandita, có nghĩa là chàng xạ thủ tài ba.

Một hôm, một thầy Tỳ-kheo trẻ đến lượt đi nhận thức ăn cúng dường, cầm bát cháo về đến trai đường thấy hết nước uống. Thầy vào nhà đàn việt xin. Trong nhà lại có côn gái trẻ vừa trông thấy thầy Tỳ-kheo liền đem lòng luyến ái, cô nói:

- Bạch Đại Đức, khi nào cần nước uống, xin Ngài trở lại đây chớ đừng đi nơi khác.

Từ đấy, mỗi khi không có nước uống, thầy chỉ đến nhà cô gái xin. Cô đích thân đỡ bình bát đổ đầy nước cho thầy. Dần dà, cô cúng dường cả cháo. Một hôm, cô đem ghế mời thầy ngồi và cúng dường

cơm. Cô ngồi kề bên, gợi chuyện:

- Bạch Đại Đức, nhà đây thật là cô quạnh. Chúng con suốt ngày chẳng có bóng người khách viếng thăm.

Sau khi nghe cô trò chuyện vài lần, thầy Tỳ-kheo bắt đầu thấy chán đời tu.

Bữa kia, có vài thầy Tỳ-kheo khác đến thăm thầy, hỏi:

- Huynh sao trông vàng vọt thế?

- Thưa chư huynh, tôi đang phiền muộn.

Các thầy Tỳ-kheo bèn đem thầy đến gặp thầy tế độ và Giáo thọ của thầy. Hai vị lại đưa thầy đi gặp Phật và bạch lên sự việc, Phật bảo:

- Này Tỳ-kheo, có đúng là ông đang phiền não?

- Thưa đúng, Bạch Thế Tôn!

Nghe thầy Tỳ-kheo trả lời, đức Thế Tôn nghiêm nghị trách:

- Này Tỳ-kheo làm sao mà sau khi xuất gia được nhập vào Tăng đoàn của Như Lai đại hùng đại lực, thay vì khiến mọi người phải nói rằng ông đã đắc quả Tuđà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, ông lại để họ nói rằng ông bị phiền não? Ông thật là có lỗi lớn.

Rồi đức Thế Tôn hỏi tiếp:

- Tại sao ông phiền não?

- Bạch Thế Tôn, có cô nọ nói với con

như vầy, như vầy.

- Này Tỳ-kheo, cô ta làm như thế chẳng có gì lạ lùng. Trong khiếp trước cô ta đã bỏ rơi Dhanuggaha, người bắn cung giỏi nhất trên toàn cõi Ấn độ. Chỉ vì sự đam mê bồng bột

nhất thời với một tướng cướp, cô đã sát hại chồng.

Các thầy Tỳ-kheo xin Phật kể rõ câu chuyện. Ngài nói:

Chuyện quá khứ:

7A. Xạ Thủ Trẻ Tài Ba

Thuở xa xưa, có chàng trai tên Xạ Thủ Tài Ba, Culla Dhanuggaha. Chàng theo học bắn cung với một vị thầy rất danh tiếng ở Takkasilà. Chàng tiến bộ thật nhanh chóng khiến thấy hài lòng vô

cùng, bèn gả con gái cho chàng. Cưới hỏi xong, chàng đưa vợ về Ba-la-nại. Đến một khu rừng, chàng giết được năm mươi tên cướp, chỉ dùng năm mươi mũi tên. Khi tên cạn, chàng túm lấy tên cầm đầu bọn cướp, quất xuống đất rồi kêu cô vợ:

- Nàng ơi! Hãy đưa kiếm cho ta.

Nhưng vừa thấy tên cướp, cô vợ bỗng đem lòng say mê, bèn trao kiếm cho hắn. Gã lập tức giết chàng xạ thủ rồi dẫn cô đi theo.

Vừa đi gã vừa nghĩ:

- Nếu cô ta thấy tên đàn ông khác cũng sẽ giết ta như đã giết chồng, ta giữ nàng phỏng có ích gì?

Đến con sông, gã để cô ở lại bên này, mang hết đồ trang sức sang sông và nói:

- Nàng ở lại đây, ta đem đồ qua trước đã.

Rồi gã bỏ mặc cô đấy. Cô kêu:

- Hỡi chàng Bà-la-môn! Chàng mang hết sang sông Đồ trang sức em đó Xin chàng mau trở lại, Đem em theo qua cùng.

Tên tướng cướp đáp:

- Cô nàng ơi! Cô dỗi người chồng bao năm kề vai sát cánh Để lấy ta, kẻ chưa hề quen. Cô đem anh chồng từng ngọt bùi chia xẻ, Đổi một người cô chẳng biết ra sao. Cô ạ, cô sẽ

lại bỏ ta theo kẻ khác Thôi chào cô, ta lo tránh xa đây.

Để làm người đàn bà phải xấu hổ, Đế Thích liền hiện xuống mang theo người đánh xe và viên nhạc thần. Đế Thích hóa thành con chó rừng, người đánh xe đội lốt cá, còn nhạc thần làm con chim. Chó ngậm miếng thịt đứng trước người đàn bà. Con cá nhảy lên nhảy xuống dưới nước, chó phóng xuống chụp, đánh rơi miếng thịt, chim cắp thịt bay vù đi. Cá biến dạng xuống dòng sông. Chó mất cả chì lẫn chài. Người đàn bà phá ra cười. Chó hỏi:

- Ai đứng bên bụi cây cười đó? Xin nói đi, vì sao người đẹp cười Đâu phải nơi vũ hội, hát ca Đây đâu phải lúc vỗ tay đánh

nhịp Chính là lúc phải khóc, người đẹp ạ!

Người đàn bà đáp:

- Chó ngu ơi, trí khôn mày thật chỉ bé tẹo, Mày chỉ có nước khóc như tên ăn mày, Mày đánh mất cả cá lẫn thịt

Chó đáp:

- Chân mình thì lấm mê mê, Mà đi lấy đuốc để rê chân người, Cả tình nhân lẫn chồng, cô mất Chính cô mới nên khóc đấy ạ!

Bấy giờ cô ta mới nói:

- Đúng vậy, hỡi chó rừng, vua loài thú, Thôi từ đây ta ngoan

ngoãn theo chồng.

Chó đáp lại:

- Ăn cắp trứng sẽ ăn cắp gà nữa Làm ác rồi, cô sẽ tiếp tục thôi.

Đức Thế Tôn kể xong câu chuyện tiền thân về chàng Culla Dhanuggaha (có trong quyển năm bộ Nipàta, Ngài nói:

- Kiếp ấy, ông là chàng xạ thủ trẻ, người đàn bà kia là cô gái cho ông uống nước đó. Vua Đế Thích chính là ta. Cô kia chỉ mới thấy tên cướp đã mê mệt, giết mất chàng trai tài giỏi nhất Ấn Độ. Này Tỳkheo, ông hãy nhổ hết gốc rễ lòng tham ái trong ông đối với người đàn bà này.

Khuyên răn thầy xong, Phật giảng pháp

thêm cho thầy nghe, Ngài nói kệ:

(349) Niệm xấu làm não loạn Dục lạc nhiều thường cầu Rèn thêm xiền tham ái Dây ràng xiết càng sâu.

(350) Ai vui, an tịnh ý, Quán bất tịnh, thường niệm Người ấy sẽ diệt ái, Cắt đứt ma trói buộc.

8. Ma Vương Chẳng Nhát Được La- Hầu-La

Ai tới đích, không sợ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ma vương.

Một hôm, nhiều Trưởng lão Tỳ-kheo đến tịnh xá Kỳ Viên không phải thời. Các thầy vào thất Trưởng lão. La-hầu-la, đánh thức Tôn giả dậy. Thấy chẳng còn chỗ nào để ngủ, Tôn giả bèn đến nằm trước hương thất Phật. Vị Trưởng lão tôn kính này tuy mới tám tuổi nhưng đã đắc quả A-la-hán. Ma vương Vasavattì thấy vậy bèn nghĩ: "Con của Sa-môn đang nằm trước cửa hương thất, còn Sa-môn Cồ-đàm thì nghỉ ở trong. Nếu ngón tay người con bị kẹp đau, vị Sa-môn cũng sẽ thấy đau như mình bị kẹp vậy".

Rồi hắn biến thành voi chúa khổng lồ tiến đến bên vị Trưởng lão, dùng vòi quấn đầu Tôn giả và gầm lên thật to. Trong hương thất, đức Thế Tôn thấy hết, bèn nói:

- Này Ma vương, trăm ngàn kẻ như

ngươi cũng không làm La-hầu-la sợ hãi được. Người này không còn kinh sợ vì đã diệt trừ tham ái, mạnh mẽ hùng tráng, đại trí đại huệ.

Ngài nói kệ:

(351) Ai tới đích, không sợ, Ly ái. không nhiễm ô, Nhổ mũi tên sanh tử, Thân này thân cuối cùng.

(352) Ái lìa, không chấp thủ, Cú pháp khéo biện tài, Thấu suốt từ vô ngại, Hiểu thử lớp trước sau, Thân này thân cuối cùng, Vị như vậy được gọi, Bậc đại trí, đại nhân.

Phật nói xong, rất nhiều người đắc quả

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm. Ma vương tự bảo: "Sa-môn Cồ-đàm thấy ta", hắn bèn biến mất.

9. Nhà Tu Khổ Hạnh Hoài Nghi

Ta hàng phục tất cả...

Đức Thế Tôn dạy những lời này kiên quan đến đạo sĩ khổ hạnh Ngài tình cờ gặp tên là Upaka, thuộc giáo phái Ajìvaka.

Sau khi thành đạo dưới cội Bồ đề, Phật lưu lại bảy tuần tại đó. Rồi Ngài mang y, cầm bát lên đường đi mười tám dặm về Ba-la-nại để chuyển bánh xe pháp. Trên đường đi, Ngài gặp đạo sĩ thuộc giáo phái khổ hạnh Ajìvaka. Đạo sĩ hỏi:

- Huynh đệ, các căn Ngài thật tịch tịnh, da Ngài sáng đẹp quá. Ngài theo ai xuất gia? Ai là thầy Ngài? Ngài tu theo giáo lý của ai?

Phật đáp:

- Như Lai không có thầy tế độ, cũng không có giáo thọ.

Ngài nói kệ:

(353) Ta hàng phục tất cả, Ta rõ biết tất cả, Không bị nhiễm pháp nào, Ta từ bỏ tất cả, Ái diệt, tự giải thoát, Đã tự mình thắng trí, Ta gọi ai thầy Ta?

Upaka chẳng lộ vẻ đồng ý hay bất bình trước những lời của Đức

Như lai. Đạo sĩ chỉ lắc đầu, chép miện rồi rẽ vào đường tẻ, đi đến lều một thợ săn.

10. Pháp Thí Thắng Mọi Thí

Pháp thí thắng mọi thí...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang trú ở Kỳ Viên, liên quan đến vua trời Đế Thích.

Một hôm, chư thiên cõi trời Ba mươi ba tụ họp lại đưa ra bốn câu hỏi:

- Vật gì bố thí cao quý nhất?

- Vị ngon nào trên tất cả?

- Hạnh phúc nào cao tột đỉnh?

- Tại sao diệt trừ tham ái là việc làm tối hệ trọng?

Chư thiên không ai trả lời được, vị này hỏi vị kia, vị kia hỏi vị nọ, cho đến lúc mỗi vị đã hỏi đủ các vị khác. Suốt mười hai năm, chư thiên đi khắp mười ngàn thế giới cũng không tìm ra được kẻ đáp được các câu hỏi trên.

Cuối cùng, tất cả chư thiên mười ngàn thế giới họp lại và cùng nhau đến gặp Tứ thiên vương. Các Ngài hỏi:

- Có việc gì mà chư vị tụ họp đông đảo thế này?

Chư thiên đáp:

- Chúng thần có bốn câu hỏi không ai trả lời được, nên kéo nhau đến hầu các đại vương.

- Những câu hỏi gì thế?

Nghe xong các câu hỏi, Tứ thiên vương đáp:

- Chư vị, chúng tôi cũng chịu thua. Có đức vua thường suy tư về các câu hỏi mà cả ngàn người khác cũng suy tư, và Ngài biết ngay câu trả lời. Phước đức trí tuệ Ngài hơn hẳn chúng tôi. Ta hãy đến hầu Ngài.

Tứ thiên vương kéo đoàn chư thiên đông đảo kia đến gặp Đế Thích. Vua hỏi:

- Chư vị có việc gì tụ họp đông đúc thế?

Họ tâu lên Đế Thích mục đích cuộc viếng thăm. Vua nói:

- Chư vị, không ai có thể trả lời, trừ đức Phật. Các vấn đề này nằm trong phạm vi hiểu biết của chư Phật. Hiện giời đức Thế Tôn đang ở đâu?

- Thưa tại Kỳ Viên.

- Ta hãy đến hầu đức Thế Tôn.

Vua Đế Thích cùng đoàn chư thiên đông đảo đang đêm bay đến Kỳ Viên, hào quang sáng cả tinh xá. Vua đảnh lễ Phật rồi lui ra một bên. Phật hỏi:

- Đại vương, có việc gì mà đại vương cùng đông đảo chư thiên đến viếng hôm nay?

- Bạch Thế Tôn, các vị này nêu bốn câu hỏi không ai trả lời được, ngoại trừ Thế Tôn. Xin Ngài giảng giải cho chúng con rõ.

- Đại vương, lành thay! Chính vì để dứt trừ nghi hối cho các chúng sanh như chư vị mà Như Lai hoàn thành mười ba-lamật, hành năm pháp đại xả, và chứng quả Chánh giác. Về câu hỏi của đại vương ư? Pháp thí thắng mọi thí. Pháp vị thắng mọi vị, pháp hỉ thắng mọi hỉ. Có diệt trừ tham ái mới đắc quả A-la-hán, cho nên đó là việc làm tối hệ trọng.

Ngài nói kệ:

(354) Pháp thí, thắng mọi thí! Pháp vị, thắng mọi vị! Pháp hỉ, thắng mọi hỉ! Ái diệt, thắng mọi khổ.

Chú Giải Trong Nguyên Bản:

Pháp thí thắng mọi thí: dù cúng dường pháp y đúng màu đài hoa chuối cho tất cả các vị Phật, Các vị Bích Chi Phật, các vị A-la-hán nhiều đến nỗi họp lại thành một hàng dọc nối từ dưới đất lên đến cõi trời Phạm thiên cũng không bằng đọc một bài kệ hồi hướng công đức ở giữa hồi chứng. Bởi vì công đức cúng dường y này không bằng một phần mười sáu của việc đọc lên bài kệ. Do vậy mới biết tầm quan trọng của việc giảng pháp, đọc tụng pháp và nghe

pháp.

Kẻ nào giúp chúng sanh được nghe pháp sẽ nhận được phước báo lớn hơn phước báo cúng dường vật thực, cho dù người múc đầy bình bát tất cả các vị Phật, Bích Chi Phật, A-la-hán nói trên với những thức ăn thượng vị. Phước báo do cúng dường pháp cũng lớn hơn cúng dường các thứ thuốc men bổ dưỡng như bơ, sữa... cũng lớn hơn cùng dường nhà ở, cho dù người ấy xây dựng không kể xiết cả trăm ngàn tinh xá lớn như Maha Vihàra, những tinh xá tiện nghi như Loha Pàsadà. Phước báo ấy cũng lớn hơn cả phước báo ông Cấp Cô Độc và các vị khác được hưởng do công cúng dường kho báu xây

dựng các tinh xá. Bố thí pháp dù chỉ đọc lên một bài kệ hồi hướng bốn câu, được phước báo vô lượng vô biên nhiều hơn cacù thứ bố thí ấy.

Tại sao thế? Tất cả những kẻ bố thí nó trên sở dĩ cúng dường do có nghe pháp. Nếu chưa được nghe, không bao giờ họ thực hiện những việc cúng dường ấy. Chúng sanh trong cõi Ta-bà này nếu không từng nghe pháp chẳng ai bố thí một vá cháo, hoặc chỉ một muỗng cơm. Vì lý do ấy, pháp thí thắng mọi thí.

- Thực thế, trừ trường hợp ngoại lệ của chư Phật và các vị Bích Chi Phật, những vị như Tôn giả Xá-lợiphất và bạn bè Ngài dù có

thần thông đếm được hết những giọt mưa của tất cả những trận mưa trong suốt một kiếp, cũng không thể tự mình đắc quả Tu-đàhoàn và các quả vị khác mà phải nhờ đến bài pháp của Trưởng lão Ác bệ, của các vị khác. Và sau cùng, khi nghe pháp của đức Thế Tôn, tôn giả mới hành trì được các ba-la-mật Đại Vương, vì lý do ấy, pháp thí thắng mọi thí.

Nói về các vị ngon, từ đường mật... cho đến sơn hào hải vị quý hiếm như thức ăn của chư thiên đều lôi cuốn người ham thích phải trôi lăn trong sanh tử luân hồi, cho nên nó là gốc khổ của chúng sanh. Chỉ có hương vị của Giáo pháp, hiểu thấu ba mươi bảy phần trợ đạo đưa đến Chánh giác

và chín bậc thiền định là thượng vị. Cho nên nói: Pháp vị thắng mọi vị.

Những lạc thú của người đời như con cái, dục lạc, ca nhạc, hát múa... cũng chỉ lôi cuốn người ham thích trôi lăn trong sinh tử luân hồi, nó cũng là gốc khổ của chúng sanh.

Nhưng pháp hỉ sanh trong tâm kẻ nói pháp, hoặc nghe pháp, khiến họ được hưởng trạng thái an lạc vô biên, khiến nước mắt phải chảy, tóc lông phải dựng ngược. Sự an lạc này lại chấm dứt sanh tử luân hồi, cứu cánh đạt đến quả vị A-la-hán. An lạc này mới là tối thắng? Cho nên nói: Pháp hỉ thắng mọi hỉ.

Cuối cùng đến vấn đề tham ái.

Khi tham ái diệt, hành giả chứng đắc A-la-hán. Do ái diệt nên dứt sạch hết đau sanh tử luân hồi, cho nên nói: Ái diệt thắng mọi khổ.

Phật nói pháp xong, vua Đế Thích đảnh lễ Phật và nói:

- Bạch Thế Tôn, nếu pháp thí tôn quý như vậy sao Ngài không dạy hồi hướng công đức ấy cho chúng con? Từ đây mỗi khi Thế Tôn nói pháp cho chúng hội Tỳkheo, cúi xin Ngài khiến họ hồi hướng công đức cho chúng con.

Phật nghe lời thỉnh cầu ấy liền họp chúng Tỳ-kheo bảo:

- Này các Tỳ-kheo từ đây trở đi mỗi khi có thuyết pháp, dù trong chúng hội lớn hay chỉ một buổi giảng pháp bình

thường , hoặc một bài pháp vắn tắt, hoặc khi nói lời cảm tạ, các ông hãy nhờ hồi hướng lại công đức cho tất cả chúng sanh.

11. Quan Chưởng Khố Không Con

Tài sản hại người ngu ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang trú tại Kỳ Viên, liên quan đến quan chưởng khố không con tên Aputtaka.

Chuyện kể rằng khi quan chưởng khố chết, vua Ba-tư-nặc hỏi:

- Người không con khi chết tài sản thuộc về ai?

- Muôn tâu, thuộc về bệ hạ.

Vua cho chở tài sản người quá cố về cung suốt bảy ngày mới hết. Rồi vua đến hầu Phật, Phật hỏi:

- Kìa Đại vương, do đâu giữa trưa đại vương đến dây?

- Bạch Thế Tôn, tại thành Xá-vệ này có quan chưởng khố không con chết ngày hôm kia. Con vừa cho chở xong tài sản về cung rồi liền đến đây.

Vua bạch tiếp:

- Con nghe mỗi khi thức ăn thượng vị đựng trong dĩa vàng đem đến cho quan chưởng khố, ông ấy nói: "Người ta ăn thức ăn này à? Tại sao bọn ngươi dám đùa cợt với ta ngay tại nhà ta?" Nếu các

người hầu đánh bạo dọn cho ổng ăn, ổn sẽ ném đất đá hoặc lấy gậy đánh đuổi họ đi. Ông chỉ ăn cháo cám hoặc cháo chua, nói rằng: "Người ta chỉ ăn những thức ăn này thôi". Người hầu đem đến những quần áo đẹp, xe cộ tốt, ô dù, đều bị ông đánh đuổi

bằng đất đá, gậy gộc như trên. Ông chỉ mặc áo quần vải gai thô, đi cỗ xe cũ kỹ cọc sạch, đầu thì hái lá che.

Phật bèn kể chuyện kiếp trước của quan chưởng khố:

Chuyện quá khứ:

11A. Quan Chưởng Khố Bỏn Xẻn

Đại vương, vào thời quá khứ, quan chưởng khố này đã cúng dường thức ăn cho một vị Bích Chi Phật tên Tagarasikhi.

- Hãy đem thức ăn cho thầy Tỳ-kheo.

Ông bảo vợ vậy, rồi đứng lên đi làm việc khác. Bà vợ mộ đạo nghe lời chồng, nghĩ thầm: "Thực lâu lắm ta mới nghe miệng ông ấy thốt ra chữ "đem cho". Hôm nay, niềm nở mơ ước được cúng dường của ta biến thành sự thật". Bà đỡ lấy bình bát của vị Bích Chi Phật, múc đầy những thức ăn ngon lành nhất.

Quan chưởng khố quay lại, thấy vị Bích Chi Phật liền hỏi:

- Thầy đã nhận thức ăn chưa?

Ông cầm bát thầy và trông thấy các thức ăn thượng vị, bất giác tiếc rẻ nghĩ thầm: "Phải chi các thứ này để bọn người hầu ta ăn thì tốt hơn biết mấy! Chúng ăn xong sẽ làm việc tích cực. Còn thầy Tỳ-

kheo chỉ ăn rồi nằm ngủ. Thực phẩm này cho đi thật chẳng được gì"

Quan chưởng khố lại còn giết chết con trai độc nhất của anh mình để đoạt gia tài. Người cháu thường nắm tay chú dẫn đi chỗ này, chỗ nọ, miệng liến thoắng:

- Cỗ xe này thuộc tài sản cha cháu đấy! Bò này cũng là bò của người.

Quan chưởng khố nghĩ: "Lúc này hắn còn nói thế. Hắn khôn lớn rồi còn có thể thấy được của cải hắn trong nhà này?". Một hôm, ông dắt cháu vô rừng, xiết cổ cho chết như người ta bẻ một củ cải vậy, rồi quăng xác vào bụi rậm. Đấy là tội ác của ông trong kiếp trước nữa.

(Chấm Dứt Chuyện Quá Khứ)

Đại vương, do quan chưởng khố kêu người vợ đem thức ăn cúng dường vị Bích Chi Phật, suốt bảy kiếp liền ông thọ phước lành rồi tái sanh trên cõi trời. Do dư báo của việc thiện ấy, suốt bảy kiếp ông giữ độc quyền chức chưởng khố thành Xá-vệ. Đại vương, trái lại do tiếc rẻ việc thiện mình đã làm và thốt lời báng bổ, khi quả báo đến ông không thể dùng thức ăn ngon, mặc đồ đẹp, đi xe tốt, không thể thưởng thức ngũ dục thế gian.

Hơn thế, do giết cháu để đoạt gia tài, ông bị đọa địa ngục hàng trăm ngàn kiếp. Và do một phần của dư báo ác ấy, suốt bảy kiếp liền ông chết không con, tài sản bị tịch biên sung vào kho vua. Đây là kiếp thứ bảy của ông. Đại vương, do ông ta đã cạn phước báo mà không tạo nên phước mới, quan chưởng khố giờ bị dọa tại địa ngục Roruva.

Phật kể xong, vua Ba-tư-nặc thưa:

- Bạch Thế Tôn, quan chưởng khố này tội thật quá lớn. Gia tài đồ sộ thế kia hắn chẳng chi dùng cho hắn hoặc phát tâm cúng dường đức Thế Tôn, vị Phật đang trú tại tịnh xá gần sát ngay nhà hắn.

Phật dạy:

- Đúng vậy đại vương. Quả có thế, khi kẻ ngu được giàu sang họ chẳng tìm cầu Niết-bàn. Trái lại, của cải chỉ khiến tham ái nổi lên trong tâm họ làm khổ họ lâu dài thôi.Ngài nói kệ:

(355) Tài sản hại người ngu, Không người tìm về bờ kia, Kẻ ngu vì tham giàu, Hại mình và hại người.

12. Bố Thí Nhiều Và Bố Thí Ít

Cỏ làm hại ruộng vườn...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Yellowstone Rock, Pandukambala Silà, liên quan đến Ankura. Câu chuyện đã được kể đầy đủ chi tiết trong phần chú giải câu kệ "Người chuyên tâm thiên định" truyện liên quan đến Indaka.

Một hôm, Trưởng lão A-na-luật vào làng khất thực. Indaka cúng dường Tôn giả một muỗng thức ăn của phần mình. Đây là việc thiện ông làm trong đời trước. Còn Ankura thì cung cấp lò sưởi trên khắp năm mươi cây số suốt mười ngàn năm và bố thí cúng dường rất nhiều vật

thực. Indaka được phước báo lớn hơn.

Phật dạy:

- Này Ankura, khi bố thí nên suy xét kỹ càng. Làm vậy sẽ giống như hạt giống gieo trên đất lành, đơm hoa kết trái sum suê. Nhưng ông đã không làm thế. Do đó, việc bố thí của ông chẳng đưa đến phước báo lớn.

Để làm sáng tỏ vấn đề, Phật bảo:

Bố thí nên suy xét, Mới gặt nên quả tốt. Bố thí có suy xét, Được người trí ngợi khen. Vật thực dâng cúng trước Người xứng đáng cúng dường, Sẽ được vô lượng phước, Như hạt giống đem gieo, Trên mảnh đất lành

tốt.

Ngài nói kệ tiếp:

(356) Cỏ làm hại ruộng vườn, Tham làm hại người đời. Bố thí người ly tham, Do vậy được quả lớn.

(357) Cỏ làm hại ruộng vườn, Sân làm hại người đời. Bố thí người ly sân, Do vậy được quả lớn.

(358) Cỏ làm hại ruộng vườn, Si làm hại người đời. Bố thí người ly si, Do vậy được quả lớn.

(359) Cỏ làm hại ruộng vườn,

Dục làm hại người đời. Bố thí người ly dục, Do vậy được quả lớn.

XXV. Phẩm Tỳ Kheo 1. Giữ Gìn Ngũ Căn

Lành thay phòng hộ mắt...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài trú tại Kỳ Viên, liên quan đến năm thầy Tỳ-kheo.

Khi Phật ở tại Kỳ Viên có năm thầy Tỳkheo, mỗi thầy tự điều phục một trong năm giác quan. Một hôm, các thầy gặp nhau bàn cãi. Thầy thì nói:

- Chỉ có giác quan của tôi khó điều phục.

Thầy khác cũng nói:

- Chỉ có tôi là người tự chế ngự giác quan khó nhất.

Rốt cuộc các thầy cùng nhau đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, mỗi người trong chúng con tự chế ngự một giác quan, và cứ tưởng giác quan mình chế ngự khó hơn hết. Hôm nay chúng con xin Ngài xác định người nào trong chúng con điều phục giác quan khó nhất.

Đức Phật thận trọng tránh không cho biết thầy Tỳ-kheo nào kém hơn các huynh đệ mình. Ngài dạy:

- Này các Tỳ-kheo, tất cả các căn đều khó canh phòng. Nhưng không phải đây là lần đầu các ông thất bại trong việc canh phòng ngũ căn. Trong một kiếp quá khứ, các ông cũng thất bại trong việc kềm chế ngũ căn. Vì các ông không nghe lời khuyên của bậc thiện tri thức nên đã bị hại.

Chuyện quá khứ:

1A. Thành Hoa Thị

Theo lời yêu cầu của năm thầy Tỳ-kheo, đức Phật kể rằng trong một kiếp quá khứ, Ngài là vị lãnh đạo năm ông quan cận thần đi đến thành Hoa Thị để nhận ngôi báu, sau khi toàn thể hoàng tộc vua bị quỷ Dạ xoa hại sạch. Trên đường đi, bọn quỷ Dạ xoa quyến rũ họ bằng đủ mọi âm thanh, hình ảnh, mùi hương, thức ăn

ngon và gái đẹp. Bồ tát lúc ấy khôn ngoan không để bị đắm trước và căn dặn năm ông quan chớ bị để quyến rũ. Nhưng họ đều bỏ rơi khí giới đầu hàng trước sức cám dỗ của Dạ xoa, và rốt cuộc bị ám hại. Chỉ riêng Ngài kềm chế được mình, không mềm lòng trước cạm bẫy, không màng đến con quỷ Dạ xoa với vẻ đẹp sắc nước hương trời đeo theo Ngài bén gót, và thẳng tiến an toàn đến thành Hoa Thị, trở thành một vị quốc vương.

Khi nhận lễ đăng quang, ngồi trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng, nhìn lại vẻ uy nghiêm và sự vinh hiển của mình, Ngài tự mình: "Người ta nên sử dụng sức mạnh của ý chí mình". Ngài nói kệ:

Kiên trì tuân phục Hiền Trí, Lòng can đảm chẳng lung lay, Khỏi bị Dạ xoa khống chế, Vì ta

không sợ không lo. Qua cơn hiểm nguy gian khó, Đến nơi ta được an toàn.

Phật kết luận: "Năm ông quan thuở ấy là các ông, người đến được thành Hoa Thị an toàn và làm vua chính là Ta".

Ngài nói thêm:

- Một Tỳ-kheo cần phải canh phòng cẩn mật tất cả các căn, vì chủ thu hút căn mới thoát được khổ não.

Ngài nói kệ:

(360) Lành thay, phòng hộ mắt! Lành thay, phòng hộ tai! Lành thay, phòng hộ mũi! Lành thay, phòng hộ lưỡi!

(361) Lành thay, phòng hộ thân! Lành thay, phòng hộ lời! LÀnh thay, phòng hộ ý! Lành thay, phòng tất cả! Tỳkheo phòng tất cả, Thoát được mọi khổ đau.

2. Thầy Tỳ Kheo Giết Ngỗng

Người chế ngự tay chân...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo giết ngỗng.

Thuở ấy, tại Xá-vệ có hai thanh niên xuất gia, cùng ở trong tăng đoàn và trở thành bạn thân, thường đi chung với nhau. Một ngày nọ, hai thầy ra bờ

sông Aciravati tắm, và lên bờ đứng phơi nắng nói chuyện chơi. Lúc ấy có hai con ngỗng bay ngang. Thầy Tỳ-kheo trẻ bèn nhặt hòn đá cuội nói:

- Tôi sẽ chọi trúng mắt một con ngỗng.

Thầy Tỳ-kheo kia nói:

- Huynh chọi không trúng đâu.

- Rồi huynh coi, tôi sẽ chọi trúng cả hai mắt nó.

- Huynh chẳng làm được.

- Vậy thì huynh coi đây.

Thầy thứ nhất lượm hòn đá ném theo con ngỗng. Nghe tiếng viên đá bay rít trên không trung, con ngỗng quay đầu lại

nhìn. Thầy thứ hai nhặt tiếp hòn đá và ném ngay mắt con ngỗng. Hòn đá chọi nhằm mắt bên này, xuyên qua mắt bên kia của ngỗng. Nó kêu lên đau đớn, lộn nhào xuống

đất và rơi dưới chân hai thầy Tỳ-kheo.

Một số thầy Tỳ-kheo khác đứng gần đấy thấy vậy bèn nói:

- Này các huynh, sau khi từ bỏ thế gian vào cửa Phật, các huynh đã làm việc không đúng khi sát hại sinh vật như thế.

Các Tỳ-kheo bèn đem hai thầy đến chỗ đức Phật. Phật hỏi thầy Tỳ-kheo giết ngỗng:

- Có phải ông đã sát sanh?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Phật quở:

- Này Tỳ-kheo, sao đã xuất gia từ bỏ gia đình theo Ta để cầu đạo giải thoát mà ông lại làm như thế? Người trí thời Phật chưa ra đời, dù sống ở thế gian, cũng còn e dè thận trọng từng việc nhỏ nhặt. Các ông đã xuất gia theo Phật, lại không lo dè dặt chút nào vậy.

Rồi Ngài kể chuyện tiền thân.

Chuyện quá khứ:

2A. Chuyện Tiền Thân Kuradhamma.

Vào thuở lâu xa, dưới triều vua Dhananjaya của vương quốc Kuru, Ngài là thái tử con vua. Đến tuổi trưởng thành, thái học tử học nghề bắn tên tại thành Hoa Thị. Khi thành nghề, thái tử

trở về vương quốc, được vua cha phong làm phó vương. Khi vua cha băng hà, thái tử lên nối ngôi. Nhà vua nghiêm trì năm giới cấm và tuân theo mười đức của một vị vua. Ngay cả những người trong hoàng cung như hoàng thái hậu, hoàng hậu, hoàng đệ, phó vương, thầy tử tế, quan cận thần, người đánh xe, quan chưởng khố, quan coi kho, người canh cổng và cả thứ phi nữa, mười một người đều giữ ngũ giới nghiêm túc.

Lúc ấy, tại thành Dantapura của vương quốc Kalinga, trời hạn hán nhiều năm không một giọt mưa. Dân chúng ở vương quốc này biết nhà vua xứ Kuru có một thớt tượng tên Anjanasannibha thật đầy đủ ân đức. Họ tin rằng xin được Anjanasannibha về nước, chắc sẽ mưa. Vì thế, vua Kalinga cho gởi các vị Bà-la-môn sang Kuru để xin thớt tượng

ấy. Họ sang yết kiến vua xứ Kuru và trình bày lời yêu cầu, xưng tụng đức hạnh của nhà vua. Nhưng dù có tượng Anjanasannibha, trong xứ kalinga vẫn không có mưa. Vua kalinga thầm nghĩ: Vua Kuru đã giữ năm giới nên trong nước thường được mưa. Vua bèn ra lệnh cho các thầy Bà-lamôn và các quan cận thần sang Kuru khắc năm giới cấm lên một dĩa vàng về nước.

Khi những người này sang Kuru một lần nữa, cả triều đình từ vua trở xuống đều tự do, chối rằng:

- Chúng tôi không giữ được năm giới cấm toàn vẹn.

- Các vị đã không làm điều gì xâm phạm đến năm giới cấm đâu.

Họ năn nỉ mãi, cuối cùng nhà vua Kuru dạy họ năm giới. Khi mang về vương quốc Kalinga cũng tuân giữ thành kính năm điều cấm, và lập tức trời mưa. Trong nước lại thịnh vượng, ấm no.

Đức Phật kết luận: "Lúc ấy thứ phi là Liên Hoa Sắc, người canh cổng là Punna, người giữ ngựa là Kaccàna, quan giữ kho là Kolita, quan chưởng khố là Xá-lợi-phất, người đánh xe là A-naluật, thầy Bà-la-môn là Trưởng Lão Cadiếp, hoàng đệ phó vương là Nan Đà, hoàng hậu là mẹ của La-hầu-la, hoàng thái hậu là bà Ma-da và vua Kuru là Ta".

Đức Phật nói tiếp:

- Này các Tỳ-kheo, người trí thời xưa, dù một lỗi nhỏ họ cũng cảm thấy ái ngại. Còn các ông, đã xuất gia vào đạo của

Phật đà lại chấp nhận một lỗi lơn là sát hại sanh vật. Một Tỳ-kheo phải hằng kiểm soát được tay chân, và ngôn ngữ của mình.

Ngài nói kệ:

(363) Người chế ngự tay chân, Chế ngự lời và đầu, Vui thích nội thiền định, Độc thân, biết vừa đủ, Thật xứng gọi Tỳkheo.

3. Thầy Tỳ Kheo Không Giữ Gìn Mồm Miệng

Tỳ-kheo chế ngự miệng...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài

đang trú tại Kỳ Viên, liên quan đến Kokàlika. Trong bài kinh Kokàlika, câu chuyện bắt đầu với dòng chữ: "Lúc bấy giờ thầy Tỳ-kheo Kokãlika đến gần đức Đạo Sư", ý nghĩa câu chuyện được giải thích trong tập chú giải liên quan đến bài kinh.

Thuở Phật còn ở Kỳ Viên, có thầy Tỳkheo tên Kokàlika vì đã phỉ báng hai đại đệ tử Phật là Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên nên bị đọa địa ngục. Câu chuyện bắt đầu khi các vị Tỳ-kheo tụ họp ở Pháp đường, bàn tán:

- Trời ơi! Thầy Tỳ-kheo Kokàlika bị trầm luân vĩnh kiếp vì đã không giữ gìn miệng mồm. Ngay khi thầy chửi rủa hai vị Tôn giả lãnh chúng, đã bị đất chôn xuống địa ngục.

Lúc ấy đức Phật đến và hỏi:

- Các ông tụ họp ở đây bàn tán chuyện gì?

Khi các thầy thuật lại, Phật bảo:

Không phải lần đầu Kokàlika bị đọa vì không giữ gìn khẩu nghiệp. Trong quá khứ cũng đã xảy ra chuyện ấy.

Các Tỳ-kheo muốn nghe Phật thuật lại câu chuyện. Phật kể:

Chuyện quá khứ:

3A. Con Rùa Ham Nói

Hồi xưa, có con rùa kia ở tại cái hồ nước trên vùng núi Hy Mã. Một ngày nọ có đôi ngỗng đi lang thang tìm thức ăn, gặp

rùa ta và vài ngày sau chúng kết tình thân hữu. Có lần ngỗng khoe với rùa:

- Bác ạ, chúng tôi ở trên ngọn Cittakuta, trong một động vàng. Thật là một nơi ở thích thú. Bác có muốn đi với chúng tôi không?

- Làm sao tôi có thể đi đến đó?

- Nếu bác chịu ngậm miệng trong lúc chúng tôi đưa đi, thì bác sẽ đến nơi.

- Được rồi, tôi sẽ ngậm chắc miệng mồm. Hãy mang tôi đi với.

- Tốt lắm.

Đôi ngỗng bảo bác rùa ngậm một cây gậy, và hai con tha hai đầu gậy, bay lên không trung.

Vài đứa bé ở thôn xóm dưới đất thấy rùa bay qua với ngỗng, bèn la lên:

- Bay ơi, ra xem hai con ngỗng mang con rùa trên cây gậy.

Rùa nghĩ thầm: Tụi nhóc con du đãng này, bạn ta tha ta đi đâu thì có dính dánh gì tới tụi bây mà phải la lối!

Ngay khi nó vừa mở miệng định nói ra ý nghĩấy, vì cặp ngỗng bay mau, nó liền rơi xuống đất và bể làm hai mảnh ngay trong sân của một hoàng cung ở Ba-la-nại.

Rùa tự hại vì ham nói chuyện, Gậy ngậm rồi miệng vẫn thày lay, Rớt liền xuống đất tan thây, Người khôn ngoan thấy gương đây giữ mình. Lựa lời nói đúng lúc đúng chỗ, Xem gương

rùa chịu khổ thiệt thân.

Đức Phật kết luận:

- Này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo phải kiểm soát lời nói, sống lặng thinh, không tự kiêu và thoát khỏi phiền não.

Phật nói kệ:

(363) Tỳ-kheo chế ngự miệng, Vừa lời, không cống cao. Khi trình bày pháp nghĩa, Lời lẽ dịu ngọt ngào.

4. Bằng Sự Tinh Tấn Làm Vinh Dự Cho Phật

Vị Tỳ-kheo thích pháp....

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài trú tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Dhammarama.

Khi đức Phật tuyên bố "Còn bốn tháng nữa, Ta sẽ vào Niết-bàn", hằng ngàn vị Tỳ-kheo bỏ hết thì giờ để hầu cận Ngài. Những vị chưa chứng Sơ quả thì khóc lóc, những vị chứng A-la-hán cũng cảm động sâu xa, tất cả đều tụ năm họp ba, bàn tán: "Chúng tan nên làm gì?"

Riêng có một vị Tỳ-kheo tên Dhammarama (Trú Pháp Hỷ) thì không như vậy. Thầy tự nghĩ: "Đức Thế Tôn đã tuyên bố bốn tháng nữa nhập Niết-bàn, mà ta chưa thoát khỏi ràng buộc của tham ái. Ngày nào Ngài còn tại thế, ta sẽ cố gắng chứng A-la-hán". Và thầy tự sống một mình, tư duy, quán tưởng, ôn lại những lời dạy của Phật,

chẳng màng trả lời những câu hỏi tò mò của các Tỳ-kheo khác, mà cũng chẳng lui tới hầu hạ Phật.

Các Tỳ-kheo mách đức Như Lai:

- Bạch Thế Tôn, thầy Dhammarama không có lòng thương kính Thế Tôn. Khi nghe chúng con báo tin "Phật sắp nhập Niết-bàn, chúng ta sẽ làm gì?", thầy chẳng nói, chẳng hoạt động chung với chúng con.

Đức Phật gọi Tỳ-kheo Dhammarama đến hỏi. Thầy thưa thật ý định của mình muốn cố gắng chứng quả A-la-hán. Nghe xong, Phật ngợi khen thầy:

- Lành thay! Lành thay!

Và Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, mỗi vị nên bày tỏ sự kính mến Ta như Dhammarama đã làm. Chẳng phải dùng hương hoa, hoặc những thứ cúng dường mà tôn kính ta. Chỉ có người thực hành theo giáo lý mới thật sự tôn kính Ta.

Ngài nói kệ:

(364) Vị Tỳ-kheo thích pháp, Mến pháp, suy tư pháp, Tâm tư niệm chánh pháp, Không rời bỏ chánh pháp.

Nghe xong, thầy Trú Pháp Hỷ liền chứng quả A-la-hán, hội chúng cũng được lợi lạc.

5. Thầy Tỳ Kheo Lạc Bầy

Không khinh điều mình được ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài trú tại Trúc Lâm, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo lạc bầy.

Khi đức Phật ở tại Trúc Lâm, có một thầy Tỳ-kheo kết bạn thân với một thầy Tỳ-kheo ly khai Tăng đoàn, thuộc nhóm Đề-bà-đạt-đa. Một ngày kia, đi khất thực về, gặp thầy Tỳ-kheo bạn, thầy nọ hỏi thăm:

- Huynh đi đâu thế?

- Tôi đi thất thực về.

- Có được ai cúng dường không?

- Có.

- Nơi chỗ tôi ở, có nhiều vật thực và tặng phẩm giá trị, Hãy đến chỗ tôi vài hôm.

Thầy Tỳ-kheo nhận lời, lưu lại nhóm của Đề-bà-đạt-đa vài ngày, và sau đó trở về với Tăng đoàn. Các vị Tỳ-kheo trong Tăng đoàn đến mách Phật:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo kia đã thọ lãnh vật thực, tặng phẩm của nhóm Đềbà-đạt-đa, thầy ấy đã theo Đề-bà-đạt-đa rồi:

Đức Phật cho gọi ông thầy nọ đến và hỏi:

- Có phải họ mách thầy như vậy là đúng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con ở trong nhóm Tỳ-kheo của Đề-bà-đạt-đa vài ngày, nhưng con không hợp với quan điểm của Đề-bà-đạt-đa.

- Ta thừa nhận rằng ông không theo tà kiến, nhưng ông không có lập trường nhất định nên hay bị lung lạc bởi ý kiến người khác. Trong thuở quá khứ ông cũng đã làm như vậy.

Theo lời các vị Tỳ-kheo yêu cầu, Phật bèn kể chuyện con Voi Damsel-face:

Voi Damsel-face rất ngoan, nhưng khi đi đường nghe một nhóm trộm cướp du đãng nói chuyện thô lỗ với nhau, nó cũng đâm ra hung hăng, bất trị và chạy bậy, giết người. Rồi sau đo, nghe các vị Bàla-môn luận đạo, nó trở lại ngoan ngoãn. Voi Damsel-face thuở ấy là thầy Tỳ-kheo dễ tin hôm nay.

Đức Phật kết luận:

- Là một Tỳ-kheo, nên hài lòng với

những gì mình nhận được, và không ham muốn những gì người khác có. Nếu ham muốn như vậy chẳng bao giờ đắc Thiền định, Trí tuệ, hoặc Thánh quả. Nếu hài lòng với những gì đang có, ông sẽ có tất cả.

Ngài nói kệ:

(365) Không khinh điều mình được, Không ganh người khác được, Tỳ-kheo ganh tỵ người Không sao chứng thiền định.

(366) Tỳ-kheo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

6. Người Bà La Môn Cúng Dường Năm Lần Thành Quả Đầu Tiên

Hoàn toàn, đối danh sắc ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến người Bà-la-môn cúng dường năm lần thành quả đầu tiên.

Khi Phật ở Kỳ Viên, có một người Bà-lamôn làm ruộng. Lúc lúa chín, ông cúng dường những bông lúa cắt đầu tiên ngoài đồng. Lúa đem về đập, ông cúng dường những hạt lúa đập xong trước tiên. Khi cất lúa vào bồ, ông lại cúng dường phần lúa đổ trong bồ đầu tiên. Khi dược nấu thành cơm, ông cúng dường bát cơm đầ tiên bới trong nồi. Khi dọn ra dĩa, ông lại cúng dường những hạt cơm đầu tiên múc ra dĩa. Cúng dường năm lần như vậy cho

người nào hiện diện lúc ấy, ông không hề nếm một miếng cho đến lúc cúng xong, do đó được gọi là"người cúng năm ần thành quả đầu tiên".

Đức Phật quan sát căn cơ biết hai vợ chồng ông có thể chứng A-na-hàm bèn đi đến nhà ông khất thực. Lúc ấy, ông Bàla-môn ngồi ăn cơm trong nhà, xây lưng ra ngoài cửa, do đó không thấy đức Thế Tôn. Bà vợ ông ta đang dọn ăn cho chồng, thấy đức Phật bèn nghĩ thầm:

- Chồng ta sau khi cúng dường năm lần,bây giờ đang ăn cơm. Nếu thấy Samôn Cồ-đàm, ông sẽ cúng hết phần cơm của mình, mà ta thì không thể nấu cơm cho ông được nữa.

Nghĩ vậy bà bèn đứng sau lưng chồng, muốn che hình ảnh đức Phật không cho

chồng thấy, tưởng như lấy tay che được mặt trăng tròn. Bà đứng vậy rồi liếc mắt trông chừng Thế Tôn, tự nói thầm: "Ông đã đi hay chưa?" Đức Thế Tôn vẫn đứng yên một chỗ. Bà vợ ráng không thốt thành tiếng: "Ông đi đi chứ", sợ chồng mình nghe được. Nhưng một lát sau, bà bước lui và nói thật khẽ: "Ông đi đi".

- Ta không đi.

Đức Phật khởi nghĩ như thế và lắc đầu. Khi đức Phật, bậc Đạo sư của trời người, nghĩ thầm: "Ta không đi" và lắc đầu, bà vợ ông Bà-la-môn không nén nổi, bật cười lớn. Đức Phật liền phóng một đạo hào quang, hiện hình Ngài trong nhà. Người Bà-la-môn đang ngồi quay lưng về phía Phật, vừa nghe tiếng cười của vợ, thì cũng thấy cả đạo hào quang sáu sắc và hình ảnh Phật. Bởi vì chư Phật, dù ở

làng mạc hay rừng sâu, không bao giờ đi khỏi khi chưa hiện thân trước những người có cơ duyên đắc đạo. Người Bà-lamôn trông thấy Phật rồi, ông lật đật rầy vợ:

- Bà này hại tôi! Khi Thái tử đứng trước nhà ta, sao bà không báo trước cho tôi biết? Bà có lỗi lớn đa nghe!

Và ông mang đĩa cơm đang ăn dở, đem ra trước Phật nói:

- Thưa Sa-môn Cù-đàm, sau khi cúng dường năm thành quả đầu tiên, tôi dùng bữa trưa. Đây là phần cơm của tôi, tôi chia làm hai, và ăn một nửa, Ngài có thể nhận phần cơm này không?

Thay vì trả lời:

- Ta không nhận cơm ông ăn dư.

Đức Phật nói:

- Này Bà-la-môn, dù là phần còn lại hay đầu tiên cũng được, chúng ta cũng giống như quỷ thần, sống bằng những thức ăn bố thí.

Ngài nói kệ:

Dù phần đầu, phần giữa, phần dư, Người khất thực đều vui lòng nhận, Không phiền hà, trách móc dư thừa, Người khôn ấy chính bậc chánh trí.

Ông Bà-la-môn nghe Phật nói như vậy trong lòng rất vui mừng, liền xưng tụng:

- Thái tử thật kỳ diệu, Ngài ở địa vị vua

của thế gian, thay vì nói "Ta không ăn cơm thừa của ông", lại nói như trên.

Và vẫn đứng ở cửa, ông hỏi tiếp:

- Thưa Ngài, Ngài gọi các đệ tử là "Tỳ- kheo". Vậy những điều gì làm nên một Tỳ-kheo?

Đức Phật nghĩ thầm: "Ta sẽ giảng cho người này bằng cách nào đây để được lợi ích nhất? Vào thời Phật Ca-diếp, Ngài giảng cho hai ông bà này nghe về Thân và Tâm, nay ta cũng sẽ giảng cho ông như vậy".

Ngài bảo:

- Này Bà-la-môn, một vị Tỳ-kheo là người không bị ràng buộc, cột trói bởi những gì thuộc về Danh (Tâm) hay Sắc

(Thân).

Ngài nói kệ:

(367) Hoàn toàn, đối danh sắc, Không chấp ta, của ta, Không chấp, không sầu não, Thật xứng danh Tỳ-kheo.

7. Đảng Cướp Đi Tu

Tỳ-kheo trú từ bi ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một nhóm lớn Tỳ-kheo.

Khi Thượng tọaKaccana ở trên một ngọn núi gần thành phố Kuraraghara trong

nước Avanti, có một Phật tử tên Sona Kutikanna sau khi thấm nhuần chân lý do Ngài giảng dạy, bèn xin xuất gia. Ngài hai lần từ chối.

- Sona, thật là một điều khó khăn khi sống đời tịnh hạnh, phải cư trú đơn độc, ẩm thực đơn độc.

Nhưng Sona quyết chí xuất gia nên xin đến lần thứ ba, và được phép gia nhập Tăng đoàn. Vì chư Tăng ở miền nam rất hiếm, thầy ở lại đó ba năm làm tròn bổn phận của một tăng sĩ. Và sau đó thầy xin phép sư phụ lên đường về Kỳ Viên, với ước mong được gặp đức Thế Tôn. Được sư phụ cho phép và kèm theo lời dặn dò, thầy đến Kỳ Viên, đảnh lễ Phật, được đức Phật đón tiếp thân mật và cho phép vào hương thất của Ngài

một mình.

Thầy Sona đi kinh hành ngoài trời hầu như suốt đêm, gần sáng mới vào hương thất nằm nghỉ một chút. Khi bình minh đến, đức Phật bảo thầy hãy tụng bài kinh "Mười sáu đoạn".

Thầy đọc xong, đức Phật cám ơn và ngợi khen "Hay thay! Hay thay!" Chư thiên, trời, rồng, Dạ xoa cho tới cõi trời Phạm thiên đều ca ngợi thầy vang rền. Lúc ấy, tại nhà mẹ thầy ở Avanti cách đấy một trăm hai mươi dặm, vị thần cư ngụ trong nhà cũng ngợi khen nhiệt liệt. Bà mẹ thầy hỏi:

- Ai đang ca tụng vậy?

- Dạ tôi đây, thưa chị.

- Ông là ai?

- Tôi là vị thần cư ngụ tại nhà chị đây.

- Từ trước tôi chẳng được nghe ông ca ngợi, sao hôm nay ông làm thế?

- Không phải tôi ca ngợi bà chị đâu?

- Vậy ông ca ngợi ai?

- Trưởng lão Kutikanna Sona, con trai chị đấy.

- Con tôi đã làm được gì?

- Hôm nay Tôn giả ở trong hương thất đức Như Lai, tụng kinh cho Ngài, và được Ngài hài lòng ngợi khen, do đó tôi cũng ngợi khen. Chư thiên các tầng trời từ cõi Ta-bà đến cõi Phạm thiên nghe lời ngợi khen của đức Tối Thắng, cũng ca ngợi Tôn giả.

- Này, có thật ông nói rằng con tôi đọc kinh cho đức Thế Tôn? Hay đức Thế Tôn đọc cho con tôi nghe?

- Con chị đọc cho đức Thế Tôn nghe đó chứ.

Vị thần nói thế làm bà cảm thấy thâm tâm hoan hỷ, nghĩ thầm:

- Nếu con ta đã đọc kinh cho đức Thế Tôn tại hương thất của Ngài, chắc cũng sẽ đọc kinh cho ta nghe được. Khi nào con ta trở về, ta sẽ yêu cầu được nghe giáo lý.

Khi được đức Thế Tôn khen ngợi, Trưởng lão Sona nghĩ thầm, "Đây chính là lúc mình bạch lên đức Phật lời thầy mình đã đặn dò". Tôn giả bèn thỉnh cầu đức Phật ban cho năm ân huệ, điều đầu

tiên là xin gia nhập nhóm năm thầy Tỳkheo đang ẩn cư trong rừng, trong nhóm này có một thầy rành thông Luật tạng. Tôn giả lưu lại bên đức Thế Tôn ít ngày nữa rồi bái biệt, rời Kỳ Viên trở về với thầy Tế độ. Ngày hôm sau, Tôn giả theo thầy đi khất thực, đến trước cửa nhà thân mẫu. Thấy con, bà hết sức vui mừng, hỏi han, săn sóc chu đáo, và nói:

- Này con, nghe đâu con được vào hương thất đức Thế Tôn một mình và đọc kinh cho Ngài nghe phải không?

- Thưa tín nữ, ai nói việc ấy?

- Con à, vị thần cư ngụ tại nhà ta lớn tiếng khen ngợi, mẹ bèn hỏi "Ai khen ngợi đó". Thần trả lời "Tôi đây", rồi thần bảo mẹ như vầy như vầy. Sau khi nghe thần nói, mẹ nghĩ: "Nếu con ta đã đọc

kinh cho đức Thế Tôn thì nó sẽ đọc cho ta nghe được". Con à, con đã đọc kinh cho đức Thế Tôn thì con đọc cho mẹ nghe được chứ! Vào ngày ấy tháng ấy mẹ sẽ chuẩn bị mọi thứ để nghe con thuyết giảng pháp nhé!

Thầy nhận lời. Sau đó bà cúng dường chư Tăng trọng thể, cho xây cất một Pháp đường rộng lớn, đem tất cả gia quyến đi nghe Tôn giả Sona thuyết pháp, chỉ chừa lại một người tớ gái trông nhà.

Lúc ấy, một đảng cướp chín trăm tên luôn luôn tìm cách lẻn vào nhà bà. Nhưng thật khó mà vào được vì toàn thể ngôi nhà có bảy lớp tường bao bọc, mỗi cửa thảy đều có chó dữ canh chừng. Những đường mương dẫn nước đều đổ đầy chì. Ban ngày chúng nóng chảy thành chất nước sền sệt, ban đêm thì

đông cứng lại. Gần các mương ấy người ta đóng từng hàng cọc sắt kiên cố. Do đó trộm cướp khó có thể vào nhà.

Nhưng vào ngày đặc biệt đó, biết rằng bà đi nghe giảng pháp, chúng đào một địa đạo xuyên qua đường mương bằng chì và hàng cọc sắt, vào tận trong nhà. Chúng để tên đầu đảng canh chừng nữ chủ, bàn bạc rằng nếu thấy bà chủ trở về khi biết có cướp vào nhà thì tên đầu đảng phải giết bà lập tức.

Hắn bèn đi đến nhà giảng pháp, đứng kế bên bà chủ nhà. Còn bọn cướp vào nhà được rồi thắp đèn sáng lên và mở cưa kho tiền đồng. Người tớ gái trông thấy chúng bèn chạy tìm nữ chủ báo tin:

- Thưa phu nhân, bọn cướp vào nhà và đang mở kho tiền đồng.

- Thây kệ chúng! Muốn lấy bao nhiêu thì lấy. Ta đang nghe thuyết pháp, đừng làm rộn ta. Hãy về đi.

Khi bọn cướp hốt sạch kho tiền đồng, chúng bèn ăn sang kho tiền bạc. Cô tớ gái lại chạy báo tin cho chủ nhân. Bà cũng trả lời như trên và tiếp tục nghe giảng pháp. Bọn cướp lại hốt hết kho tiền bạc, sang mở kho tiền vàng. Cô tới gái nóng ruột chạy đến báo tin lần thứ ba, bà cũng nói:

- Con đã làm rộn ta hai lần rồi. Ta đã bảo cứ để bọn cướp mang đi những gì chúng muốn, ta đang nghe pháp, đừng làm ồn, vậy mà con không nghe. Nếu còn nói nữa ta sẽ phạt con đích đáng đó. Hãy về nhà đi!

Tên đầu đảng nãy giờ ở cạnh bà canh

chừng, nghe thấy vậy bèn nghĩ thầm: "Nếu chúng ta lấy tài sản của một người như bà này, trời Đế Thích sẽ đánh vỡ đầu chúng ta". Hắn trở về ra lệnh cho đồng bọn trả tất cả tài sản cho bà. Bọn cướp lại để tiền đồng, tiền bạc, tiền vàng đầy vào kho như cũ. Người ta nói rằng kẻ nào sống chân thật thì được chính sự chân thật ấy bảo vệ, thật chí lý thay! Bậc Tối Thắng từng nói:

Chân thật che chở người ngay, Người chân thật sống ngày ngày đều vui. Người ngay sẽ được lợi thôi, Khổ đau phiền não chẳng lôi bao giờ.

Bọn cướp kéo đến giảng đường nghe pháp. Đến sáng, Tôn giả mới chấm dứt thời thuyết pháp và bước xuống tòa. Lúc đó, tên đầu đảng quỳ dưới chân bà Phật

tử mẹ Tôn giả:

- Xin phu nhân tha thứ cho tôi.

- Chuyện gì vậy, đạo hữu?

- Tôi ghét bà, và đứng gần với ý định sẽ giết bà.

- Không sao. Tôi tha thứ cho anh.

Tất cả bọn cướp cũng đều đến bày tỏ sự ăn năn, bà đều tha thứ hết. Họ thưa:

- Thưa phu nhân, xin bà cho chúng tôi được vào Tăng đoàn của vị giảng sư con trai bà.

Bà bèn đến bảo vị giảng sư:

- Này con, những vị hảo hán đây cảm động vì lòng tử tế của mẹ và bài thuyết

giảng của con, muốn gia nhập Tăng đoàn. Con hãy độ họ.

- Rất tốt.

Vị giảng sư cho cắt hết những chiếc váy chúng mặc lót bên trong, còn áo ngoài thì cho nhuộm màu vàng đất, rồi truyền giới cho chúng.

Khi bọn họ đã hoàn tất nhiệm vụ của một Tăng sĩ giáo đoàn, thầy cho mỗi người một đề mục thiền quán. Chín trăm thầy Sa-môn nhận chín trăm đề mục, lên trên một ngọn núi và mỗi người ngồi dưới một cội cây thiền định.

Lúc ấy, đức Thế Tôn ở tại giảng đường Kỳ Viên, cách đó một trăm hai mươi dặm, quán sát các thầy để chọn bài pháp thích hợp căn cơ. Ngài hiện đến trước

các thầy, nói kệ:

(368) Tỳ-kheo trú từ bi, Tín thành giáo pháp Phật, Chứng cảnh giới tịch tịnh, Cách hạnh an tịnh lạc.

(369) Tỳ-kheo, tát thuyền này, Thuyền không, nhẹ đi mau, Trừ tham, diệt sân hận, Tất chứng đạt Niết-bàn.

(370) Đoạn năm, từ bỏ năm, Tu tập năm tối thượng, Tỳkheo vượt năm ái, Xứng danh "vượt bộc lưu".

(371) Tỳ-kheo, hãy tu thiền, Chớ buông lung phóng dật, Tâm chớ đắm say dục, Phóng

dật, nuốt sắt nóng, Bị đốt, chớ than khổ!

(372) Không trí tuệ, không thiền, Không thiền, không trí tuệ, Người có thiền, có tuệ, Nhất định gần Niết-bàn.

(373) Bước vào ngôi nhà trống, Tỳ-kheo tâm an tịnh, Thọ hưởng vui siêu nhân, Tịnh quán theo chánh pháp.

(374) Người luôn luôn chánh niệm, Sự sanh diệt các uẩn, Được hoan hỷ, hân hoan, Chỉ bậc Bất tử biết.

(375) Đây Tỳ-kheo có trí, Tu tập pháp căn bản, Hộ căn, biết

vừa đủ, Gìn giữ căn bản giới, Thường gần gũi bạn lành, Sống thanh tịnh tinh cần.

(376) Giao thiệp khéo thân thiện, Cử chỉ mực đoan trang, Do vậy hưởng vui nhiều, Sẽ dứt mọi khổ đau.

8. Cỏ Úa, Hoa Phai

Như hoa Vassikà ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài ở tại Kỳ Viên, liên quan đến năm trăm vị Tỳ-kheo.

Chuyện kể rằng, các thầy Tỳ-kheo này sau khi khi được đức Thế Tôn cho đề

mục thiền định rồi, liền lui vào rừng sâu và bắt đầu hành thiền. Đang ngồi thiền, các thầy trông thấy những bông lài mới nở tươi tắn chỉ sáng nay thôi, chiều đã úa tàn rũ cánh gục đầu. Các thầy tự nghĩ: "Chúng ta phải diệt trừ được thâm sân si trước khi những đóa hoa lìa cành". Và các thầy càng nỗ lực chuyên chú vào việc hành thiền, như vừa được tiếp thêm sức mạnh mới. Đức Thế Tôn quán sát các thầy Tỳ-kheo ấy và dạy rằng:

- Này các Tỳ-kheo, cũng như đóa hoa kia thoát khỏi cành, một vị Tỳ-kheo cần phải gắng sức thoát khỏi mối khổ sanh tử.

Vẫn ở tại hương thất, Ngài phóng một đạo hào quang và nói kệ cho các thầy Tỳ-kheo:

(377) Như hoa Vassikà, Quăng

bỏ cánh úa tàn, Cũng vậy vị Tỳ-kheo, Hãy giải thoát tham sân.

Nghe xong, tất cả năm trăm thầy Tỳ- kheo đều đắc quả A-la-hán.

9. Vị Sa Môn Nhàn Tịnh

Thân tịnh, lời an tịnh ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Santakaya.

Tỳ-kheo Santakaya là một vị Sa-môn không bao giời mắc lỗi khiếm nhã trong cách đi đứng và mọi oai nghi cử chỉ. Thầy không bao giờ ngáp lớn hoặc dang

tay đưa chân thô tháo, luôn luôn có vẻ điềm tĩnh, trang nhã. Chuyện kể rằng thầy vốn được sanh ra từ bụng một con sư tử. Loài sư tử mỗi khi kiếm được mồi, chúng thường vào trong những động vàng bạc châu báu, mã não và nằm ở đấy bảy ngày trên một lớp bột vàng trộn với bột hoàng thạch. Ngày thứ bảy, khi trỗi dậy, chúng quan sát chỗ nằm, nếu thấy có dấu vết di chuyển của đuôi, tai, hoặc bốn chân làm bụi bột tung tóe, chúng liền tự bảo: "Thế này là chưa xứng với dòng dõi của mình". Và ở lại nhịn đói thêm bảy ngày nữa, giữ gìn cẩn thận hơn. Cho đến khi không thấy bụi bột dấy lên, chúng tự nói "Đây mới xứng với dòng dõi của ta". Chúng mới rời ổ, ngáp và duỗi tay chân, quan sát tứ phía, rống lên ba tiếng và đi tìm mồi. Được sanh từ bụng một con sư tử như thế nên thầy luôn có vẻ điềm tĩnh.

Tư cách trang nhã của thầy khiến các thầy khác chú ý và đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng con không hề thấy Sa-môn nào như thầy Santakaya. Khi thầy đi đứng, không bao giờ thầy lúc lắc tay chân, không hề ngáp và quơ tay, đá giò....

Đức Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo, một vị Sa-môn nên như Trưởng lão Santakaya, an tịnh trong khi đi đứng, trong lời nói, tư tưởng.

Ngài nói kệ:

(378) Thân tịnh, lời an tịnh, An tịnh, khéo thiền tịnh, Tỳ-kheo bỏ thế vật, Xứng danh "bậc tịch tịnh".

10. Vị Sa Môn Và Chiếc Khố Rách

Tự mình chỉ trích mình ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Nangalakula.

Thuở ấy, có một người nghèo khổ chuyên đi làm thuê. Một ngày kia có vị Sa-môn thấy anh đang đi trên đường, trên người chỉ đóng chiếc khố rách, vai vác cái cày. Vị Sa-môn hỏi:

- Nếu anh chỉ kiếm sống bằng cách ấy, sao không đi tu cho khỏe?

- Bạch Ngài, ai mà chịu cho con, một người làm thuê đi tu?

- Nếu anh muốn, ta sẽ độ cho.

- Thật là tốt phước cho con. Nếu Ngài độ con xuất gia, con xin làm Sa-môn.

Vị Sa-môn đem người cày thuê về tinh xá Kỳ Hoàn tự tay tắm rửa cho y. Vị Samôn bảo chú Sa-di mới hãy treo chiếc khố rách với cái cày trên một nhánh cây gần tịnh thất. Từ đó thầy có tên là Nangalakula, Tôn giả "Thợ Cày".

Sau một thời gian sống trong tu viện, với những thực phẩm cúng dường sung túc, Tôn giả "Thợ Cày" trở nên bất mãn. Không chống chọi nổi sự dày vò, thầy nhủ thầm: "Ta không muốn đắp chiếc y vàng do đàn việt cúng nữa". Thầy đến dưới gốc cây, và tự sỉ nhục mình: "Mi thật xấu xa, không thành tâm chút nào. Bộ mi muốn mặc chiếc khố rách này, trở

về thế tục để làm thuê hay sao?" Sau khi tự cảnh tỉnh mình, thầy lại trở về tu viện, hăng hái tu hành. Vài hôm sau, cơn bất bình lại kéo đến. Thầy cũng ra gốc cây nhìn chiếc khố rách và tự khiển trách như trước. Cứ thế, mỗi khi buồn bực, thầy đến gốc cây để lại lấy ý chí.

Các vị Sa-môn để ý thầy thường lui tới gốc cây, bèn hỏi:

- Này huynh Thợ Cày, huynh đến đó làm gì thế?

- Thưa chư vị, tôi đến viếng vị giáo thọ của tôi.

Vài hôm sau, thầy chứng A-la-hán. Các vị Sa-môn thấy thầy không đến gốc cây bèn hỏi đùa:

- Này huynh, lâu nay không thấy huynh lui tới đường này, chắc huynh không đến vị giáo thọ nữa?

- Thưa vâng, khi tôi còn vướng bận thế gian, tôi thường lui tới đường này. Nhưng nay tôi chẳng còn liên hệ gì với thế gian nữa, tôi không cần phải đi.

Các vị Sa-môn nghe thế đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thầy ấy nói điều không thật, thầy ấy vọng ngữ.

Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, thầy ấy nói đúng. Thầy ấy đã tự khuyên răn mình và đã đạt được Thánh quả.

Ngài nói kệ:

(379) Tự mình chỉ trích mình, Tự mình dò xét mình, Tỳ-kheo tự phòng hộ, Chánh niệm, trú an lạc.

(380) Tự mình y chỉ mình, Tự mình đi đến mình, Vậy hãy tự điều phục, Như khách buôn ngựa hiền.

11. Người Thấy Chánh Pháp Là Thấy Ta

Tỳ-kheo nhiều hân hoan....

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Trưởng lão Vakkali.

Tại thành Xá-vệ, có một thanh niên dòng Bà-la-môn. Một ngày nọ, chàng thấy đức Như Lai đi và thành khất thực. Trông tướng hảo uy nghiêm của đức Phật, chàng rất yêu thích, và chán ghét hình ảnh của mình, chàng nghĩthầm: "Ta sẽ tình cách để được nhìn

đức Như Lai suốt ngày". Chàng bèn theo Phật xuất gia và ở trong Tăng đoàn. Thầy Sa-môn này cứ luôn luôn tìm chỗ đứng có thể chiêm ngưỡng đức Thế Tôn, chẳng màng đến kinh kệ và thiền định. Đức Như Lai biết vậy, và đợi cho trí tuệ của thầy thuần thục, Ngài không nói một lời. Ngày nọ, đức Phật nghĩ:

"Bây giờ trí tuệ của thầy ấy đã thuần thục". Ngài bèn bảo:

- Này Vakkali, đâu có gì thích thú khi ngắm một hợp thể bất tịnh gọi là thân

Ta? Này Vakkali, ngườii nào thấy pháp là thấy Ta.

Nhưng mặc lời khuyên của đức Như Lai, thầy Vakkali vẫn không thể rời tia mắt khỏi đức Phật, hoặc lìa khỏi chỗ Phật ngồi. Cuối cùng đức Phật nghĩ:

"Thầy Sa-môn này sẽ không bao giờ tỉnh ngộ, trừ phi gặp một cơn xúc động lớn". Lúc ấy, mùa an cư đã đến, đức Như Lai tìm nơi an cư. Ngài về thành Vương Xá, đuổi thầy Vakkali trở lại Trúc Lâm. Và suốt ba mùa trăng, Vakkali không được thấy Phật, không được nghe Ngài nói. Buồn quá, thầy sinh ra ý tưởng muốn tự tử. Thầy bèn leo lên ngọn Linh Thứu và định nhảy xuống chết.

Đức Thế Tôn biết thầy quá đau khổ và chán đời, Ngài nghĩ thầm: "Nếu

thầy Vakkali không được sự an ủi của ta, thấy sẽ làm hỏng cả dịp chứng quả Thánh". Lập tức Ngài bèn hiện thân trước thầy Vakkali, lúc đó đang toan đâm đầu xuống núi. Vừa thấy đức Như Lai, thầy liên cảm thấy yêu đời, nỗi buồn khổ tiêu tan. Và như rót đầy nước vào một đáy hồ khô cạn, đức Như Lai đã làm tuôn dậy mối hoan hỷ trong lòng thầy. Ngài nói kệ:

(381) Tỳ-kheo nhiều hân hoan, Tịnh tín giáo pháp Phật, Chứng cảnh giới tịch tịnh, Các hạnh an tịnh lạc.

Đức Như Lai đưa tay về phía thầy Vakkali và bảo:

Đến đây Vakkali! Nhìn Như Lai

chớ sợ. Ta sẽ đưa tay đỡ Như kéo voi sa lầy

Vakkali, đến đây! Nhìn Như Lai chớ sợ. Ta giúp ngươi giải thoát, Như gỡ được mặt trời, Ra khỏi cơn nhật thực.

Đến đây, Vakkali Nhìn Như Lai chớ sợ. Ta sẽ giải thoát người, Như gỡ vầng trăn tỏ Cho khỏi bị nguyệt thực.

Thầy Vakkali nghĩ thầm: "Ta vừa thấy được đấng Thập Lực, và Ngài bảo ta hãy đến bên Ngài!" Lòng thầy tràn ngập hân hoan. "Ta làm sao đến được?", thầy tự nghĩ thế. Đứng trên đỉnh núi cao, dù chẳng thấy có đường đi, thầy tung mình nhảy vào không trung đến trước mặt

đấng Thập Lực ngay khi vừa nghe những chữ đầu của câu Pháp Cú. Và trong lúc đang bay, suy niệm bài kệ của đức Thế Tôn, thầy chế ngự được cơn hoan lạc và chứng A-la-hán cùng một lúc với các thần thông. Và đầy lòng cảm thán đức Như Lai, thầy hạ

xuống đất, đảnh lễ đức Phật. Thế Tôn xếp thầy đệ nhất trong hàng đệ tử có lòng tin chân thật.

12. Vị Sa Môn Và Long Vương

Tỳ-kheo tuy nhỏ tuổi.....

Thế Tôn dạt những lời này khi Ngài đang ở tại Pubbarama, liên quan đến Sa- di Sumana

Chuyện quá khứ:

12A. Chàng Annabhhàra Nghèo Khổ Và Quan Chưởng Khố Sumana Giàu Có

Vào thời Phật Padumuttara, có một thanh niên gặp Phật vào lúc Ngài đang ở giữa tứ chúng tuyên bố một thầy Tỳkheo nọ là Thiên nhãn đệ nhất. Lòng mong muốn đạt đến địa vị ấy, chàng thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo đến nhà thọ thực suốt bảy ngày, rồi phát nguyện: "Bạch Thế Tôn, con nguyện xin được thành Thiên nhãn đệ nhất dưới thời một vị Phật tại thế".

Đức Phật Padumuttara quán sát rồi thọ ký:

- Một trăm ngàn kiếp nữa, dưới thời Phật Thích Ca, người thanh niên này sẽ được Thiên nhãn đệ nhất, mang tên A-na-luật.

Sau khi được thọ ký, mỗi ngày chàng đều cảm thấy như sẽ được đắc thần thông vào ngày mai. Phật nhập Niết-bàn rồi, chàng hỏi các thầy Tỳ-kheo phải tu hành như thế nào để đắc Thiên nhãn thông. Chàng cho thắp đuốc thành vòng tròn bảy hải lý quang ngôi tháp vàng thờ Phật, lấy ánh sáng tôn vinh Ngài. Hết kiếp ấy, chàng thọ sanh lên cõi trời. Sau nhiều kiếp tái sanh suốt một trăm ngàn kiếp, chàng đầu thai vào một nhà nghèo ở Ba-la-nại. Chàng khuân vác cỏ mướn cho quan chưởng khố Sumana nên có tên là annabhàra, người khuân vác cỏ ăn. Quan chưởng khố Sumana thường cúng dường bố thí rộng rãi tại đôi thị này.

Một hôm, đức Phật Độc Giác Uparittha xuất diệt tận định, và tự quán sát: "Hôm nay ta sẽ độ ai?" Một tư tưởng liền đến trong đầu Ngài: "Hôm

nay ta sẽ độ annabhara", và ngài tiếp tục quán sát: "Lúc này Annabhara đang mang cỏ cắt trong rừng về". Ngài bèn lấy y bát, dùng thần thông bay đến trước mặt Annabhara. Chàng thấy bát trống trong tay Ngài, bèn thưa:

- Bạch Ngài, Ngài chưa được cúng dường ư?

- Ta đang khất thực, hỡi chàng trai tốt phước.

- Vậy thì, bạch Ngài, xin Ngài đợi giây lát.

Ném bó cỏ, chàng vội vã về nhà hỏi vợ:

- Mình ơi, có để dành phần ăn cho tôi không?

- Dạ có ạ.

Annabhara lại vội quay về gặp vị Phật Độc Giác, đỡ lấy bát của Ngài. Chàng nghĩ thầm: "Lâu nay mỗi lần muốn cúng dường, mình không có gì để cúng. Còn khi có vật thực để cúng, mình lại chẳng gặp được vị nào. Hôm nay mình có được cả hai, thật may mắn làm sao!". Chàng về đến nhà, múc cơm vào bình bát, mang đến cúng dường đức Phật, phát nguyện:

- Bạch Ngài, xin cho con được thoát khỏi cuộc sống đọa đày hiện nay của con. Xin cho con đừng bao giờ phải nghe tiếng "không có".

Vị Phật Độc giác liền hồi hướng công đức cho chàng:

- Này thiện nam tử, sẽ được vậy.

Vị thần trú trong chiếc lọng của quan chưởng khố Sumana kêu lên:

- Ôi đức Phật Uparittha được cúng dường món vật thực cao quý biết bao!

Và thần ba lần tán thán Annabhara.

Quan chưởng khố hỏi:

- Lâu nay ông không thấy ta bố thí sao?

Thần đáp:

- Chẳng phải tôi tán thán ông cúng dường đâu. Tôi đang ca ngợi chàng Annabhara cúng dường

Phật Uparittha đấy.

- Hay thay! Ta đã cúng dường biết bao nhiêu từ trước đến giờ thần chẳng ca ngợi. Còn chàng Annabhara làm mướn cho ta chỉ cúng một bữa ăn lại được khen. Ta sẽ trả giá mua phần cúng dường này về phần ta.

Quan chưởng khố cho gọi Annabhara đến hỏi:

- Hôm nay, anh có cúng dường ai không?

- Thưa ông chủ có ạ. Tôi đã cúng dường phần cơm tôi cho Phật Độc Giác Uparittha.

- Anh cầm đồng xu này và nhường cho tôi phần cúng dường ấy nhé!

- Thưa ông, không được đâu.

Quan chưởng khố tăng giá lên một ngàn đồng, Annabhara vẫn không chịu. Ông bèn nói:

- Thôi được rồi, nếu anh không nhường phần cúng dường ấy thì hãy lấy một ngàn đồng này và hồi hướng cho tôi phần phước vậy.

- Xin ông hãy để tôi hỏi ý kiến Ngài rồi quyết định ạ.

Chàng chạy đến gặp đức Phật Độc Giác.

- Bạch Ngài, quan chưởng khố trao con một ngàn đồng và yêu cầu hồi hướng công đức cho ông ấy. Con phải làm sao?

Đức Phật dùng thí dụ đáp:

- Như trong làng kia có một trăm nhà, một người chỉ thắp một ngọn đèn nhà mình rồi các nhà khác đến đó châm đèn mang về. Vậy ánh sáng đó phải của ngọn đèn dầu đầu tiên không?

- Bạch Ngài trong trường hợp ấy ánh sáng của cây đèn đầu tiên đã gia tăng lên.

- Thiện nam tử, việc cúng dường của anh cũng thế. Dù một môi cháo, một muỗng cơm, khi ta hồi hướng phước đức do công cúng dường ấy qua những người khác, phước sẽ gia tăng theo số người được hồi hướng. Đây anh chỉ cúng dường một phần ăn. Nhưng khi anh hồi hướng quan chưởng khố phước đức ấy thì nó tăng lên gấp đôi, một thuộc về anh và một thuộc quan chưởng khố.

- Bạch Ngài, quý hóa quá.

Annabhàra từ giã vị Phật Độc Giác đến gặp quan chưởng khố:

- Thưa ông, xin ông hãy nhận phần phước đức cúng dường của tôi.

- Đây anh cầm lấy tiền.

- Tôi không bán đâu ạ. Tôi tặng ông phần phước đức ấy là từ lòng tin của tôi thôi.

- Vậy cũng tốt. Về phần tôi, tôi cảm phục nhân cách cao quý của anh lắm. Anh bạn, hãy nhận số tiền này đi. Từ nay anh khỏi cần cực nhọc làm thuê mướn cho tôi nữa. Anh hãy cất một căn nhà nơi đường phố lớn mà ở. Lúc nào cần thức gì, anh cứ lại kho tôi lấy.

Aáy là quả hiện báo do cúng dường bữa ăn cho một vị xuất định diệt thọ tưởng.

Nhà Vua nghe chuyện cũng cho gọi Annabhàra đến, xin chàng một phần phước đức, ban thưởng chàng rất hậu và cho làm chức chưởng khố.

Bây giờ Annabhàra là bạn hữu của quan chưởng khố Sumana. Chàng tiếp tục làm việc phước thiện cho đến khi mãn kiếp, được thọ sanh lên cõi trời. Qua nhiều lần tái sinh trong cõi trời và người, chàng thọ sanh vào một gia dình hoàng tộc dòng Thích Ca, hoàng thân Amitodana, tại thành Ca-tỳ-la-vệ, dưới thời đức Phật hiện tại. Sau mười tháng cưu mang, phu nhân Amitodana mới sinh chàng, đặt tên A-na-luật. Tôn giả là em út vương tử Mahanam, anh em chú bác của Phật. Tôn giả được nuôi dưỡng trong sự chăm sóc cưng chiều, là vị vương tử có phước báo rất lớn.

Chuyện hiện tại:

12B. A-Na-Luật Xuất Gia

Một hôm sáu vị vương tôn chơi đánh bạc ăn bánh, A-na-luật thua, nhờ người đi xin bánh nơi thân mẫu. Phu nhân sắp đầy bánh vào một đĩa vàng lớn đem đến. Các vương tôn ăn bánh xong chơi tiếp. A-naluật thua, lại xin bánh. Phu nhân ba lần cho mang

bánh tới, lần thứ tư bà nhắn: "Không có bánh nữa". Chưa bao giờ nghe chữ "không có" nên nghe mẫu thân nhắn, chàng tưởng tượng: "Chắc có thứ bánh gọi là "không có" bèn bảo người hầu:

- Đi xin ít bánh "không có"Phu nhân nghe vậy bèn nghĩ: "Con ta chưa hề nghe tiếng "không có". Ta làm sao giảng cho nó hiểu đây?".

Phu nhân rửa sạch một chiếc bát vàng, lấy chiếc bát vàng khác úp lên, rồi bảo người hầu đem đi nói:

- Đây, con trao cái này cho cậu.

Lúc ấy, chư thiên cõi trời giữ thành tự nghĩ: "Trong kiếp trước, chủ nhân chúng ta là Annabhàra đã cúng dường phần thức ăn mình cho vị Phật Độc Giác Uparittha, và phát nguyện: "Xin đừng bao giờ nghe tiếng "không có". Chúng ta biết hết đầu đuôi câu chuyện mà có thái độ thờ ơ, coi chừng đầu nứt thành bảy miếng. Nghĩ vậy, chư thiên bèn cho vào chiếc tô ấy đầy những chiếc bánh chư thiên vẫn dùng. Người hầu mang tô đến, đặt trước mặt sáu vị vương tôn và mở ra. Mùi bánh thơm ngào ngạt khắp cả kinh thành. Hơn thế, mỗi miếng bánh được cho vào miệng liền gây cảm

giác khoan khoái cho đủ cả bảy ngàn dây thần kinh vị giác.

Vương tử A-na-luật nghĩ thầm: "Đúng là lâu nay mẹ không thương mình, chưa bao giờ mẹ làm cho mình ăn thứ bánh "không có" này.

Chàng đến gặp mẹ, hỏi:

- Mẹ ơi, mẹ không thương con phải không?

- Kìa con, nói gì vậy? Mẹ cưng con hơn mắt mẹ, quý con hơn tim mẹ mà.

- Mẹ thân yêu ơi, nếu mẹ thương quý con, sao trước giờ mẹ không cho con ăn thứ bánh "không có" này?

Phu nhân hỏi người hầu:

- Này con, trong chiếc bát có gì không?

- Thưa phu nhân, có. Trong bát đầy những chiếc bánh con chưa từng thấy bao giờ.

Phu nhân suy nghĩ: "Con ta thường làm việc thiện. Chắc chư thiên đã cho bánh của các vị".

Vương tử A-na-luật lại bảo:

- Mẹ thân yêu ơi, con chưa bao giờ được ăn thứ bánh ấy. Từ rày mẹ chỉ chiên bánh này cho con ăn thôi nhé.

Về sau mỗi khi cậu đòi "cho con ăn bánh", phu nhân lại rửa sạch một chiếc bát vàng, lấy chiếc bát vàng khác úp lên cho mang đến, và chư thiên lại sắp đầy bánh của cõi trời vào bát. Cậu cứ thế

sống trong sự chăm chút nâng niu của gia đình, chẳng bao giờ biết đến nghĩa chữ "không có", và ăn toàn bánh chư thiên.

Khi nhiều vị vương tôn công tử thuộc hoàng tộc Thích-ca nối tiếp nhau lần lượt xuất gia, nhập vào Tăng đoàn đức Thế Tôn, ngài Mahanam đến gặp cậu em Ana-luật bảo:

- Này em, gia đình ta chưa có ai xuất gia làm Sa-môn. Hai anh em mình phải có một người xuất gia theo Phật mới được.

Cậu đáp:

- Từ trước tới giờ em quen sống được chăm sóc chu đáo. Em không thể xuất gia làm Sa-môn được đâu anh.

- Thế thì em coi sóc ruộng vườn đi, anh sẽ xuất gia.

- Coi sóc ruộng vườn là làm sao?

Cậu không biết đến cả chuyện thực phẩm từ đâu có, làm sao biết việc trông nom ruộng vườn?

Có lần ba vương tử A-na-luật, Bạt-đề và Kiếp-tân-na bàn tán về vấn đề: "Cơm từ đâu có?". Kiếp-tân-na nói trước:

- Cơm lấy từ kho ra.

(Kiếp-tân-na từng thấy người ta đem gạo chất vào kho nên tưởng rằng cơm từ kho mà có).

Bạt-dề bảo Kiếp-tân-na:

- Cậu chẳng biết gì cả. Cơm lấy từ trong nồi cơm. (Một hôm Bạt-đề thấy cơm được bới từ nồi nấu cơm ra nên bảo cơm từ nồi mà có).

A-na-luật bảo hai vương tử:

- Các cậu đều không biết gì. Cơm lấy từ chiếc liễn vàng có quai nạm ngọc kia. (Cậu chưa từng thấy người ta giã gạo hay nấu cơm, chỉ thấy cơm sau khi đã được múc từ nồi nấu ra, đặt trước mặt cậu trong chiếc liễn vàng).

Như vậy, làm sao vị vương tôn có phước báo lớn này lại rành chuyện ruộng vườn?

Vương tử Mahanam bảo:

- Này A-na-luật, anh sẽ cho em hay một gia chủ phải làm gì nhé! Trước hết em

cho cày ruộng..

Ông bắt đầu giảng giải cho em nghe các thứ công việc. Nghe anh liệt kê một dọc nhiệm vụ công tác mà một vị chủ nhân phải đảm đương, cậu nói:

- Em chẳng làm xong vai trò chủ nhân ấy đâu.

Em xin phép mẫu thân xuất gia làm Samôn. Cùng với năm ông hoàng khác của dòng Thích Ca, cậu từ giã thành Ca-tỳla-vệ, trước hết đến vườn xoài Anupiya gặp Phật xin

xuất gia. Tôn giả tu hành tinh tấn và sau một thời gian chứng Tam minh. Tôn giả có thể dùng Thiên nhãn thấy suốt ba ngàn đại thiên thế giới dễ dàng như ngắm trái cây trong lòng bàn tay. Ngồi trên đơn, Tôn giả ngâm kệ:

Ta biết hết đời ta những kiếp trước Ta đã đắc thiên nhãn, đắc thần thông. Tam thông ta đạt, và ta thấu triệt. Giáo pháp nhiệm mầu của đức Thế Tôn.

Rồi Tôn giả suy nghĩ: "Ta đã làm những gì để được như vậy?". Liền khi ấy, Tôn giả biết: "Vào thời Phật Padumuttara, ta đã có lời phát nguyện. Sau thời gian luân hồi qua lại, ta được tái sanh ở Ba-la-nại vào thời nọ và sống bằng nghề làm mướn cho quan chưởng khố Sumana. Tên ta là Annabhàra".

Tôn giả ngâm kệ tiếp:

Trong một kiếp ta là người cắt cỏ Tên Annabhàra, kẻ làm mướn nghèo cùng Ta đã cúng

dường bữa cơm thật khiêm nhường Cho vị Phật Uparittha danh tiếng.

Bỗng Tôn giả chợt nghĩ: "Quan chưởng khố Sumana bây giờ ở đâu? Ông đã tặng ta tiền đổi lấy phần cơm ta cúng dường Phật Uparittha, và nhận phần phước đức cúng dường ấy". Tôn giả liền thấy được quan chưởng khố ngay: "Nơi rừng Vinjha, tại một chân núi ở thị trấn Munda, có Phật tử tên là Mahà Munda. Con trai lớn của ông tên là Mahà Sumana, còn người con trai thứ tên là Culla Sumana, chính là quan chưởng khố Sumana tái sinh".

Thấy được quan chưởng khố rồi, Tôn giả nghĩ tiếp: "Ta có nên đến đấy không?" Tôn giả quán sát và thấy rằng khi Tôn giả vừa gặp, Culla Sumana tuy mới bảy

tuổi cũng sẽ xuất gia và đắc quả A-la-hán rất nhanh. Quán sát xong xuôi, vì mùa mưa sắp đến, Tôn giả dùng thần thông bay đến cổng làng.

Chuyện hiện tại:

12C. Sa-Di Sumana Và Long Vương

Trong một kiếp quá khứ, Phật tử Mahà Munda là bạn thân của Tôn giả A-naluật. Do đó, đến giờ khất thực, thấy Tôn giả đắp y, ông bảo người con trai lớn là Mahà Sumana:

- Này con, Trưởng lão A-na-luật tôn quý của cha đã đến. Nếu thấy chưa có ai cầm bát Ngài, con hãy ra đỡ bát đem vào đây, cha sẽ sửa soạn chỗ ngồi cho Ngài.

Mahà Sumana vâng lời. Phật

tử Munda tiếp rước cúng dường hết sức chu đáo, và thỉnh Tôn giả ở lại an cư mùa mưa. Ngài nhã nhặn nhận lời. Suốt ba tháng an cư, vị Phật tử thuần thành chăm sóc Tôn giả cung kính tận tình như chỉ mới một ngày vậy.

Đến buổi đại lễ Pavàranà, ông đem đường mật, dầu ăn, gạo.v.v.. đặt dưới chân Tôn giả, thưa:

- Bạch Ngài, xin Ngài nhận những phẩm vật này.

- Thôi đủ rồi, đạo hữu, tôi chẳng dùng các thứ này mấy.

- Bạch Ngài, đây là phần thường cúng dường cho các vị an cư. Thỉnh Ngài nhận

cho con.

- Thôi đủ rồi, đạo hữu ạ.

- Bạch Ngài, sao Ngài không nhận?

- Tôi không có Sa-di thị giả.

- Bạch Ngài, vậy xin cho con trai tôi, Mahà Sumana, làm Sa-di thị giả Ngài.

- Này đạo hữu, Mahà Sumana chắc không được.

- Vậy xin Ngài nhận Culla Sumana vào Tăng đoàn.

- Tốt lắm.

Tôn giả nhận lời rồi, cho Culla Sumana xuất gia. Chưa bao lâu cậu đã

đắc quả A-la-hán. Tôn giả ở lại thêm nửa tháng rồi nghĩ: "Ta sẽ về thăm đức Thế Tôn". Từ biệt gia quyến ông Mahà Munda, Tôn giả bay đến vùng Hy Mã, và đáp xuống ở Arannakutika.

Tôn giả vốn tính rất năng động nên sau một đêm kinh hành vào giấc đầu hôm và giấc khuya, Tôn giả bị chứng khó tiêu. Chú Sa-di để ý thấy thầy tái xanh, hốc hác, bèn thưa hỏi:

- Bạch thầy, thầy bị bệnh sao ạ?

- Ta bị khó tiêu.

- Bạch thầy, có bao giờ thầy bị bệnh này chưa?

- Có.

- Bạch thầy, lấy thuốc gì chữa?

- Này chú, nếu ta uống nước hồ Anotatta thì ổn ngay.

- Vậy con sẽ đi kiếm nước ấy.

- Này Sa-di, chú có làm được không?

- Bạch thầy, được ạ!

- Thế thì long vương Pannaka đang ở hồ Anotatta biết ta. Hãy cho vị ấy biết là chú đến xin một bình nước làm thuốc.

- Vâng ạ.

Chú Sa-di đảnh lễ thầy, bay lên không trung đến hồ Anotatta cách đó năm trăm hải lý.

Hôm ấy long vương đang định mở hội

vui chơi dưới nước, có ca vụ giúp vui. Do đó thấy chú Sa-di đến gần, long vương nổi giận, nói thầm: "Tên Sa-di trọc đầu kia đi lung tung chân bắn cả bụi đất lên đầu ta. Chắc hẳn kiểu này là đi lấy nước ở hồ Anotatta về uống đây. Được, ta sẽ chẳng cho hắn một giọt nào tất". Long vương bèn nằm xuống, giương vây ra che kín hết cái hồ rộng đến năm mươi hải lý, như ta lấy chiếc dĩa lớn đậy lên cái ấm. Chú Sa-di quan sát thấy cung cách Long Vương, bèn nghĩ: "Ngài đang giận". Chú nói kệ:

Hãy nghe, hỡi Long vương! Kẻ sức mạnh phi thường Và sức nóng kinh khiếp, Ta vượt bao dặm đường Đến xin người chút nước Vì chữa bệnh thầy ta.

Long vương đáp:

- Nơi phía đông có dòng sông hùng mạnh, Tuôn chảy ra biển cả, gọi sông Hằng, Đến đấy đi, đến lấy nước mà uống!

Chú Sa-di nghe, nghĩ thầm: "Con rồng này không muốn cho ta nước. Vậy phải dùng vũ lực, hiện đại thần thông lấy nước mới được". Chú bảo Long vương:

- Đại vương, thầy tôi dạy phải lấy nước hồ Anotatta chứ không lấy ở đâu khác. Giờ tôi phải lấy nước này thôi. Đại vương đi đi, chớ kiếm cách cản trở tôi mãi.

Chú nói kệ:

Chỉ nước hồ này tôi mới lấy Chỉ

nước hồ đây tôi mới cần Nếu đủ quyền năng và sức mạnh Tự điều phục đi, hỡi rồng thần!

Long vương đáp:

Sa-di! Lời ngươi ta tán thán. Nếu ngươi đủ sức, đủ trưởng thành, Thì nước hồ ta, ngươi cứ lấy, Trổ tài cho xứng bực hùng anh.

Sumana trả lời:

- Đại vương, vậy thì tôi lấy nước đây.

Long vương thách:

- Ngươi lấy được cứ lấy.

- Được lắm. Quyết định chắc chắn một

lời thôi đấy.

Chú buộc long vương phải nói ba lần như trên. Rồi chú tự nghĩ: "Ta cần phải biểu dương sức mạnh giáo pháp Phật-đà ngay trong chuyện lấy nước này". Chú bay lên trời gặp chư thiên. Chư thiên đảnh lễ chú, thưa:

- Bạch Ngài, Ngài cần gì?

- Sắp có trận chiến xảy ra giữa tôi và long vương Pannaka, ngự ở hồ Anotatta. Mời chư vị đến xem ai thắng bại.

Cứ thế, chú đi mời Tứ Thiên Vương, Đế
Thích, Suyyama, Santusita,
Paranimmita-Vasavatì, và nói như trên.
Rồi chú đi xa hơn, đến tận chín cõi trời
Phạm Thiên. Chín vị Phạm thiên đều đến đảnh lễ chú và thưa:
- Bạch Ngài, Ngài cần gì?

Chú lại nói như trên. Như vậy, chú qua hết các thế giới chỉ trong chốc lát, viếng tất cả cõi trời, trừ ra cõi Vô Tưởng và cõi Vô Sắc Đại Phạm, và chú cũng nói những lời ấy. Tất cả chư Thiên tụ hội trên hồ Anotatta, đông kín đặc bầu trời y như khi ta đổ bột chì vào trong đấu vậy. Xong xuôi, chú Sa-di mới đứng trên không bảo long vương:

Hãy nghe, hỡi Long vương! Kẻ sức mạnh phi thường, Và sức nóng kinh khiếp, Ta vượt bao dặm đường Đến xin ngươi chút nước Về chữa bệnh thầy ta.

Long vương đáp:

Sa-di! Lời ngươi ta tán thán Nếu ngươi đủ sức, đủ trưởng thành Thì nước hồ ta, ngươi cứ lấy, Trổ tài cho xứng bực hùng anh.

Buộc long vương phải nói ba lần như vậy xong, chú Sa-di liền hiện thân thành Phạm thiên cao mười hai hải lý, từ trên không bay xuống đạp lên vây long vương, ép đầu hắn xuống, rồi dùng hết sức bình sinh đè lên người long vương. Giống như người có sức mạnh đạp tấm da ướt, chú Sa-di vừa đạp lên chiếc vây long vương, nó liền cuộn từ khúc cỡ bằng cái muỗng và tuột đi. Từ mỗi chỗ khúc cuộn tuột đi đó, bắn lên những vòi nước cao bằng thân cây thốt nốt. Chú chỉ việc đứng trên không trung đưa bình ra hứng.

Chư thiên trầm trồ tán thán. Quá hổ thẹn và căm giận chú Sa-di, mắt long vương quắc lên, đỏ như dâu chín, lòng tự nghĩ: "Gã này rủ rê chư thiên đến rồi đạp lên vây ta để làm nhục. Ta sẽ tóm hắn, cho tay hắn vào mồm ta và bóp nhừ tim hắn ra. Hoặc ta sẽ túm chân hắn ném xuống sông Hằng". Long vương giở hết tốc lực đuổi theo chú Sa-di, nhưng vẫn không kịp.

Sumana về đến nơi liền đặt bình nước vào thay thầy chú, thưa:

- Bạch thầy, mời thầy dùng nước.

Lúc ấy, long vương vừa đuổi theo đến nơi, vội thưa Tôn giả:

- Bạch Ngài, vị Sa-di của Ngài đã lấy nước mà tôi không cho. Xin Ngài chớ

uống.

- Này Sa-di, đúng như vậy không?

- Bạch thầy, mời thầy cứ việc dùng. Nước này là chính long vương đã cho con đấy ạ.

Tôn giả biết chú Sa-di đắc quả A-la-hán không thể nói lời vọng ngữ nên liền uống. Được vài ngụm, Tôn giả thấy dễ chịu.

Long vương bạch:

- Bạch Ngài, vị Sa-di của Ngài đã gọi chư Thiên đến và làm nhục tôi trước mặt họ. Tôi định xé tim chú ấy ra, hoặc túm chân ném chú xuống sông Hằng.

- Đại vương, vị Sa-di này có đại thần

thông, Đại vương không đánh lại đâu. Vậy hãy sám hối mà đi về.

Không cần ai nói long vương cũng biết dư chú Sa-di có đại thần thông, rượt theo chú chẳng qua vì quá mất mặt mà thôi. Do đó long vương vâng lời Tôn giả, sám hối chú Sa-di và kết bạn với chú. Long vương nói:

- Từ rày trở đi khi nào cần nước hồ Anotatta, Ngài khỏi phải nhọc mình đi lại. Xin nhắn một tiếng, tôi sẽ đích thân mang đến.

Rồi long vương từ biệt.

Tôn giả A-na-luật đem chú Sa-di theo về. Đức Thế Tôn biết Tôn giả đang trên đường đến gặp Ngài, bèn ở lại lâu đài Mẹ Migara chờ. Các thầy Tỳ-kheo thấy

Tôn giả đến đều ra đón, đỡ y bát cho Tôn giả. Vài thầy xoa đầu, nhéo tai Sumana, đùa:

- Sa-di ơi, chú không thấy tu hành cực khổ sao?

Đức Phật thấy vậy nghĩ: "Các Sa-môn này đùa cợt chú Sa-di thật là lầm lớn. Các ông ấy tự do cầm nắm người chú như ta tóm cổ một con rắn độc, không biết chú có đại thần thông. Hôm nay ta nên cho họ biết tài đức của Sadi Sumana".

Trưởng lão A-na-luật đến đảnh lễ Phật và ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn thân mật hỏi Tôn giả, rồi quay sang bảo ngài A- nan:

- Này A-nan, ta muốn lấy nước

hồ Anotatta để rửa chân. Ông hãy đưa bình đựng nước cho các Sa-di đi lấy nước!

Tôn giả A-nan cho gọi hết năm trăm vị Sa-di của tinh xá, trong đó có Sumana nhỏ tuổi nhất. Tôn giả bảo chú Sa-di lớn nhất:

- Này Sa-di, đức Thế Tôn muốn rửa chân bằng nước hồ Anotatta. Hãy mang bình đi lấy nước nghe.

- Bạch Ngài, con không làm việc ấy được.

Chú Sa-di lớn tuổi nhất không muốn đi liền thưa vậy. Tôn giả lần lượt hỏi các Sa-di khác, chú nào cũng từ chối. Thế không có vị Sa-di nào đắc quả A-la-hán sao? Tất nhiên là có, nhưng sở dĩ các vị

từ chối vì biết: "Lẵng hoa này chẳng phải kết dành cho chúng ta. Chính là vì Sadi Sumana đấy". Còn những vị chưa đắc quả Tu-đà-hoàn thì từ chối vì họ biết không đủ sức đảm đương công tác ấy.

Cuối cùng đến phiên Sumana. Tôn giả A- nan lặp lại:

- Này Sa-di, đức Thế Tôn muốn rửa chân bằng nước hồ Anotatta, và biểu chú đem bình đi lấy nước.

- Bạch Ngài, nếu đức Thế Tôn muốn con đi lấy nước, con sẽ đi.

Chú đảnh lễ Phật, thưa:

- Bạch Thế Tôn, con được biết Ngài muốn con đi lấy nước hồ Anotatta.

- Đúng thế, Sumana.

Chú chọn trong đám bình hũ bằng vàng của tinh xá do bà Visàkhà đặt làm để cúng dường, một chiếc hũ lớn bằng sáu mươi bình nước thường. Chú tự bảo: "Mình chẳng cần quảy nó lên vai làm chi". Chú xách hũ lủng lẳng nơi tay, bay vút lên không, nhắm hướng vùng Hy Mã thẳng tiến.

Chú Sa-di còn ở xa, long vương đã thấy vội ra đón, đỡ chiếc hũ đặt lên vai mình và nói:

- Bạch Ngài, chừng nào Ngài còn có con hầu hạ trong cõi giới này, Ngài đâu cần nhọc sức tự mình đi? Nếu cần nước, sao Ngài không tin cho con hay?

Đổ nước đầy hũ rồi tự vác lên vai, long

vương thưa:

- Xin Ngài đi trước, con sẽ đích thân mang hũ nước.

- Đại vương đừng đi. Đức Thế Tôn biểu tôi đi đấy.

Chú buộc long vương phải quay lại, và đưa tay cầm miệng hũ, chú bay lên biến mất dạng vào không trung.

Đức Phật thấy chú về, bảo các thầy Tỳ- kheo:

- Này các Tỳ-kheo, các ông hãy xem vẻ trang nhã của chú Sa-di. Chú bay trong không trung thanh thoát như một con ngỗng chúa.

Sumana đặt hũ nước xuống, đảnh

lễ Phật. Phật hỏi:

- Sumana, con bao nhiêu tuổi?

- Bạch Thế Tôn, con được bảy tuổi.

- Vậy thì Sumana, hôm nay con được thọ giới Tỳ-kheo.

Và đức Phật truyền giới cụ túc cho Sumana. Trong Tăng đoàn tương truyền chỉ có hai vị Sa-di bảy tuổi được thọ cụ túc giới: Sumana và Sopàka.

Sumana được thọ giới Tỳ-kheo rồi, các thầy Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường:

- Chư huynh đệ, thật là một việc tốt đẹp biết bao! Vị Sa-di này thần thông thật là siêu việt. Chúng ta chưa từng thấy thần

thông cao tuyệt như thế.

Lúc ấy, đức Phật đi đến hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn luận việc gì?

Khi nghe các thầy bạch lý do, Ngài bảo:

- Này các Tỳ-kheo, sự chứng đắc ấy ngay cả một Tỳ-kheo nhỏ tuổi vẫn có thể đạt được trong giáo pháp ta, nếu người ấy tinh tấn.

Ngài nói kệ:

(382) Tỳ-kheo tuy nhỏ tuổi, Siêng tu giáo pháp Phật, Soi sáng thế gian này, Như trăng thoát khỏi mây.

XXVI. Phẩm Bà La Môn 1. Bà La Môn Đại Hỉ

Hãy tinh tấn đoạn dòng ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Bà-la-môn Đại Hỉ, Pasàdabahula.

Một hôm, sau khi nghe Phật thuyết pháp, một vị Bà-la-môn hoan hỉ đến nỗi từ đó đều đặn mỗi ngày ông thỉnh mười sáu vị Tỳ-kheo đến nhà cúng dường. Mỗi khi các thầy đến, ông ra đón, đỡ bình bát và mời:

- Xin cung thỉnh Ngài A-la-hán vào. Xin mời Ngài A-la-hán ngồi.

Dù thưa thỉnh với bất cứ thầy Tỳ-kheo

nào, ông đều xưng tụng là A-la-hán. Những thầy chưa chứng Sơ quả nghĩ thầm: "Ông cư sĩ này tưởng trong chúng ta có thầy chứng A-la-hán". Còn các thầy chứng A-la-hán lại nghĩ: "Ông cư sĩ không biết chúng ta đắc A-la-hán". Kết quả: Tất cả các thầy đều buồn lòng và không đến nhà ông nữa.

Ông Bà-la-môn hết sức buồn khổ. Ông nghĩ: "Tại làm sao các vị Tỳ-kheo cao quý ấy lại không đến nhà mình nữa kìa?". Ông vào tinh xá đảnh lễ Phật và bạch sự việc. Đức Thế Tôn hỏi các thầy Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, vậy nghĩa là sao?

Các thầy bạch Phật lý do. Phật bảo:

- Nhưng này các Tỳ-kheo, các ông không

muốn ông ấy gọi mình là A-la-hán ư?

- Bạch Thế Tôn, không ạ.

- Thế nhưng đây chỉ là cách một người bày tỏ lòng hoan hỉ, và việc biểu hiện niềm hoan hỉ ấy đâu có gì sai trái? Tấm lòng quí mến các vị A-la-hán của ông Bà-la-môn thật là vô bờ. Do đó, việc đúng đắn nhất đối với các ông là phải diệt trừ tham ái và chỉ lấy việc chứng đắc A-la-hán làm sự mong muốn duy nhất của mình.

Ngài nói kệ:

(383) Hỡi này Bà-la-môn Hãy tinh tấn đoạn dòng, Từ bỏ các dục lạc, Biết được hành đoạn diệt, Ngươi là bậc vô vi.

2. Thế Nào Là "Hai Trạng Thái"?

Nhờ thường trú hai pháp ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài ở tại Kỳ Viên, liên quan đến nhiều vị Tỳ- kheo.

Một ngày nọ, có ba mươi Sa-môn ở xứ khác đến Kỳ Viên đảnh lễ đức Phật và ngồi một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất biết rằng các thầy có đủ điều kiện chứng Ala-hán, bèn đến trước đức Phật thưa:

- Bạch Thế Tôn, Ngài thường dạy về "hai trạng thái", thế nào là "hai trạng thái?".

Đức Phật dạy:

- Này Xá-lợi-phất, hai trạng thái là Thiền định và Trí tuệ.

Ngài nói kệ:

(384) Nhờ thường trú hai pháp, Đến được bờ bên kia, Bà-la-môn có trí, Mọi kiết sử dứt sạch.

3. Thế Nào Là Bờ Kia?

Không bờ này bờ kia ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ma vương.

Một ngày nọ, ma vương giả dạng đến

chỗ đức Phật và hỏi Ngài:

- Bạch Thế Tôn, Ngài hay nhắc đến "bờ bên kia". Xin cho biết cái gì là "bờ bên kia"?

Đức Phật biết đó là ma vương, Ngài bảo:

- Này ma vương, ông liên hệ gì đến "bờ bên kia"? Chỉ có người thoát khỏi tham dục mới đạt đến đó thôi.

Ngài nói kệ:

(385) Không bờ này bờ kia, Cả hai bờ không có, Lìa khổ, không trói buộc, Ta gọi Bà-lamôn.

4. Thế Nào Là Bà-La-Môn?

Tu thiền, trú ly trần ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la-môn.

Ngày nọ, một ông Bà-la-môn chợt nghĩ: "Đức Phật thường gọi các đệ tử là Bà-lamôn, còn ta cũng sanh trưởng trong dòng Bà-la-môn, ta cũng đáng được gọi như thế".

Nghĩ vậy, y bèn đến chỗ Phật và nói lên vấn đề ấy. Đức Phật nói:

- Ta không gọi ai là Bà-la-môn, chỉ vì dòng dõi. Ta chỉ gọi những người đạt đến quả vị A-la-hán là Bà-la-môn.

Ngài nói kệ:

(386) Tu thiền, trú ly trần Phận sự xong, vô lậu, Đạt được đích tối thượng Ta gọi Bà-la-môn.

5. Đức Phật Sáng Ngời

Mặt trời sáng ban ngày ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại lâu đài Mẹ Migàra, liên quan đến Tôn giả A-nan.

Vào ngày lễ Tự tứ, vua Ba-tư-nặc đến tinh xá, nhà vua trang phục tô điểm thật rực rỡ, tay mang đầy hương hoa, chuỗi ngọc. Lúc ấy Tôn giả Ca-lưu-đà-di ngồi ở vòng ngoài chúng hội Tỳ-kheo, đang

nhập định, toàn thân tỏa ra một luồng hỷ lạc, sáng như vàng. Và mặt trời đang lặn, mặt trăng vừa mọc. Tôn giả A-nan ngắm ánh mặt trời hoàng hôn, ngắm ánh trăng đang lên, nhìn vẻ rực rỡ của châu ngọc trên người vua, nhìn vàng hào quang sáng quanh Ngài Ca-lưu-đà-di, và cuối cùng nhìn đức Như Lai. Hào quang trên thân đức Thế Tôn vượt xa hơn tất cả.

Ngài đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay con ngắm ánh sáng của những thân và vật ấy, chỉ có hào quang Ngài làm cho con mãn nguyện, vì thân Ngài chiếu ánh sáng rực rỡ hơn hẳn các ánh sáng khác.

Đức Phật bảo:

- Này A-nan, mặt trời chiếu sáng ban

ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, nhà vua thì sáng khi trang điểm lộng lẫy, các vị A-la-hán thì sáng khi nhập định thoát phàm. Nhưng chỉ có chư Phật luôn luôn chiếu sáng ngày cũng như đêm, rực rỡ hơn gắp năm lần.

Ngài nói kệ:

(387) Mặt trời sáng ban ngày. Mặt trăng sáng ban đêm. Khí giới sáng Sát-lỵ. Thiền định sáng Phạm chí. Còn hào quang đức Phật, Chói sáng cả ngày đêm.

Chú giải:

Giới đức của Phật có oai lực sáng tỏ, làm lu mờ điều bất thiện.

Đức hạnh của Ngài có oai lực làm lu mờ các tật xấu. Oai lực của trí tuệ che lấp vô minh. Oai lực của chánh hạnh che lấp điều bất chánh.

6. Thế Nào Là Tỳ Kheo?

Dứt ác gọi Phạm Chí ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo.

Một người Bà-la-môn nọ xuất gia theo thầy khác chứ không theo Phật, rồi lại nghĩ: "Sa-môn Cồ-đàm gọi đệ tử là Tỳkheo. Ta cũng đáng được gọi như thế". Y bèn đến gặp Phật và nói lên vấn đề ấy.

Đức Phật nói:

- Ta không gọi ai là Tỳ-kheo chỉ vì lý do ông đưa ra. Ta chỉ gọi người đã trừ được lậu hoặc và cấu nhiễm là Tỳ-kheo, "Người đã xa lìa".

Ngài nói kệ:

(388) Dứt ác gọi Phạm Chí, Tịnh hạnh gọi Sa-môn, Tự mình xuất cấu uế, Nên gọi bậc xuất gia.

7. Đức Nhẫn Nhục Chinh Phục Sự Tàn Ác.

Chớ có đập Phạm Chí ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Xá-lợi-phất.

Một ngày nọ, các thiện tín ngồi chung lại và ca ngợi đức hạnh của Tôn giả Xá-lợi- phất:

- Vị Tôn giả thầy chúng ta, thật là đức nhẫn cao đến nỗi dù ai mắng chửi hay đánh đập, Ngài cũng không giận.

Lúc ấy, có một Bà-la-môn ngoại đạo hỏi:

- Ai mà không hề giận dữ?

- Thầy chúng tôi, Tôn giả Xá-lợi-phất.

- Chắc hẳn chưa ai chọc giận được ông ấy?

- Chưa hề có chuyện ấy đâu, Bà-la-môn.

- Được rồi, tôi sẽ chọc giận ông ta.

- Ông cứ thử xem.

- Tin tôi đi, tôi biết cách nên hành động như thế nào với ông ta.

Hôm sau, Tôn giả vào thành khất thực. Ông Bà-la-môn đi theo sau lưng Tôn giả tống một quả đấm vũ bão vào lưng Ngài. Tôn giả chỉ hỏi: "Cái gì thế?" mà không hề quay lại dòm và tiếp tục đi. Trước thái độ ấy, ông Bà-la-môn cảm thấy ân hận tràn ngập: "Ô! Thật là tôn quí thay đức hạnh của Tôn giả!".

Ông ta sụp xuống dưới chân Ngài:

- Xin Ngài hãy tha lỗi cho tôi.

- Chuyện gì vậy?

- Tôi muốn thử Ngài nên đã đấm vào lưng Ngài.

- Được, tôi không giận ông.

- Nếu Ngài sẵn lòng tha lỗi cho tôi, xin từ đây hãy chỉ đến nhà tôi thọ thực thôi.

Và ông đỡ lấy bát Tôn giả, đưa Ngài về nhà cúng dường bữa trưa. Tôn giả vui vẻ trao bát.

Vài kẻ ngoại cuộc thấy vậy rất tức tối.

- Tên ngoại đạo ấy đã đánh thầy chúng ta, một vị đáng lý không ai được xúc phạm, tội ấy không thể tha thứ. Chúng ta phải giết hắn.

Họ nắm đất, đá, gậy gộc, kéo đến đứng trước cửa nhà người Bà-la-môn. Khi Tôn giả thọ thực xong trở ra, Ngài để bát cho người Bà-la-môn ôm, những người kia thấy ông ta đi ra với Tôn giả, bèn kêu:

- Bạch Tôn giả, xin Ngài ra lệnh cho ông Bà-la-môn trở lại.

- Này các đạo hữu, các ông muốn gì?

- Tên Bà-la-môn ấy đã đánh Ngài, và chúng con muốn xử hắn đích đáng.

- Sao? Ông ấy đánh ta hay đánh các ông?

- Thưa, đánh Ngài.

- Nếu vậy, ông ấy đã xin lỗi ta, các ông về đi.

Tôn giả khuyên các Phật tử, và cho phép ông Bà-la-môn về, Tôn giả trở lại tinh xá.

Các vị Tỳ-kheo hết sức bất bình.

- Thế này là sao? Một người Bà-la-môn đánh Tôn giả Xá-lợi-phất mà Ngài lại đến chính nhà của người ấy thọ thực! Ông ta đánh cả Tôn giả rồi thì còn kính trọng ai nữa? Ông sẽ đánh người này người nọ lung tung cho coi.

Đức Thế Tôn nghe chuyện, bảo các thầy Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, không có việc người Bà-la-môn đánh Bà-la-môn, chỉ có Bàla-môn phàm tục đánh vị Bà-la-môn thánh quả. Bởi vị nào đã chứng quả Ana-hàm hoàn toàn dứt trừ hết mọi giận

dữ.

Ngài nói kệ:

(389) Chớ có đập Phạm Chí! Phạm Chí chớ đập lại! Xấu thay đập Phạm Chí! Đập trả lại xấu hơn!

(390) Đối vị Bà-la-môn, Đây không lợi ích nhỏ, Khi ý không ái luyến, Tâm hại được chặn đứng, Chỉ khi ấy khổ diệt.

8. Ngài Di Mẫu Thọ Giới

Với người thân, miệng, ý ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài

đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến ngài Ma-ha Ba-xà-ba-đề.

Trước khi công khai công bố Bát kỉnh pháp, đức Phật đã nói riêng cho Ngài Di Mẫu hay, và Ngài cúi đầu thọ lãnh giới pháp ấy, giống như người đã quen thuộc với việc được trang sức cúi đầu nhận vòng hoa thơm. Tất cả các vị trong nhóm của Ngài cũng làm y như vậy. Thầy Tế độ và Thân giáo sư của Ngài không ai khác hơn là chính đức Thế Tôn. Ngài đã được gia nhập Tăng đoàn của Phật.

Về sau, một số Tỳ-kheo ni trong nhóm Ngài lại bàn tán về việc Ngài được thọ giới:

- Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề không có thầy Tế độ, không có Thân giáo sư. Bà tự tay lãnh thọ y vàng một mình.

Nghe thế, các Tỳ-kheo ni khác bất mãn không chịu làm lễ Bố tát và lễ Tự tứ với bà. Họ đến bạch Phật câu chuyện, Ngài dạy:

- Chính ta trao Bát kỉnh pháp cho bà, ta là thầy Tế độ, là Giáo sư của bà. Kẻ đã từ bỏ được những lỗi lầm cả về thân, miệng, ý, đã thoát mọi tham dục, với những người như thế không nên nuôi dưỡng tư tưởng bất mãn.

Ngài nói kệ:

(391) Với người thân, miệng, ý, Không làm các ác hạnh, Ba nghiệp được phòng hộ, Ta gọi Bà-la-môn.

9. Tôn Kính Người Đáng Tôn Kính

Từ ai, biết chánh pháp ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Xá-lợi-phất được nghe bài kệ Phật pháp đầu tiên từ Tôn giả Ác Bệ, và từ ngày chứng quả Tu đà hoàn, Tôn giả khi nghe ngài Ác Bệ nơi nào, luôn luôn hướng về phía ấy chấp tay cung kính, và luôn nằm xây đầu về hướng ấy. Các thầy Tỳ-kheo bàn tán:

- Tôn giả Xá-lợi-phất theo tà đạo, mỗi ngày đều lễ tứ phương.

Và họ đến bạch Phật. Phật gọi Tôn giả đến hỏi:

- Này Xá-lợi-phất, họ báo cáo ông kính lễ tứ phương, có đúng không?

- Bạch Thế Tôn! Ngài biết con, Ngài biết rằng con có hay không có kính lễ phương hướng.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Xá-lợi-phất không hề kính lễ phương hướng. Chỉ vì kính lễ Tôn giả Ác Bệ, người đầu tiên mà Xá-lợi-phất được nghe pháp nên mới làm thế. Một vị Sa-môn kính trọng người dạy pháp như người Bà-la-môn kính thờ lửa thiêng.

Ngài nói kệ:

(392) Từ ai, biết chánh pháp, Bậc Chánh giác thuyết giảng, Hãy kính lễ vị ấy, Như Phạm chí thờ lửa.

10. Thế Nào Là Bà-La-Môn?

Không vì đầu bện tóc ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la-môn bện tóc.

Chuyện kể rằng, một ông Bà-la-môn chợt nghĩ: "Ta thuộc dòng dõi Bà-la-môn thuần túy. Sa-môn Cồ-đàm thường gọi đệ tử Bà-la-môn. Ta cũng đáng được gọi như thế?".

Nghĩ rồi, y bèn đến chỗ Phật và nói lên vấn đề ấy. Đức Phật bảo:

- Này Bà-la-môn, ta không gọi ai là Bàla-môn chỉ vì người ấy đầu bện tóc, chỉ vì dòng dõi, huyết thống. Ta chỉ gọi người đã thâm nhập chân lý là Bà-lamôn.

Ngài nói kệ:

(393) Được gọi Bà-la-môn, Không vì đầu bện tóc, Không chủng tộc, thọ sanh, Ai thật chân, chánh, tịnh, Mới gọi Bàla-môn.

11. Người Bà-La-Môn Gian Xảo

Kẻ ngu có ích gì...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài

đang ở tại Pháp đường, liên quan đến người Bà-la-môn gian xảo, treo ngược mình lên cây như dơi.

Tại thành Tỳ-xá-ly, có một Bà-la-môn muốn cầu lợi dưỡng, y bèn leo lên cây xoài gần cổng thành, móc hai chân vào cành, lộn đầu xuống đất, la lên:

- Hãy đem cho ta một trăm đồng vàng! Hãy cho ta xu bạc! Cho ta một người tớ gái! Nếu các ngươi không cho những điều ta yêu cầu, ta sẽ buông chân ra, chết tại đây và trở thành ác thần phá hoại thành này.

Lúc ấy, đức Phật cùng chư tăng vào thành khất thực. Các thầy Tỳ-kheo trông thấy người Bà-la-môn treo ngược người lên cành cây, và khi rời thành, các thầy thấy y còn treo trên cây. Dân cư trong

thành thầm nghĩ: "Ông nội này đã treo ngược từ sáng tới giờ, nếu để ổng chết chắc chắn chúng ta không thể sống yên ở thành này". Và lo sợ cho thành Tỳ-xá-ly xinh đẹp, họ đem chất dưới gốc xoài những thứ y yêu cầu. Người Bà-la-môn leo xuống, thu chiến lợi phẩm và ra đi.

Các thầy Tỳ-kheo lại thấy người Bà-lamôn gian xảo kia đi lang thang gần tinh xá đang rống lên như một con bò. Các thầy nhận ra y ngay, bèn hỏi:

- Này bạn, có phải bạn đã đạt được những gì yêu cầu?

- Phải.

Các vị đến bạch đức Phật. Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần

đầu tiên người ấy gian xảo như một tên bợm. Thời quá khứ y cũng như vậy. Nhưng trong kiếp này y lừa gạt được những kẻ chất phác kia, còn kiếp trước, y chẳng đánh lừa được người khôn ngoan.

Rồi Ngài kể chuyện:

Chuyện quá khứ:

11A. Nhà Ẩn Tu Giả Dối Và Kỳ Đà Chúa

Ngày xưa, có một nhà ẩn tu ở gần một làng sống về nghề nông, và ông ta là một tên đạo đức giả. Lúc ấy, có một gia đình thường hay cúng dường thức ăn cho ông ta, dù ngày hay đêm họ đều chia sớt phần ăn cho nhà ẩn tu như họ đã chia cho con cái họ. Một chiều nọ, họ nướng thịt kỳ đà và để dành một phần cho nhà ẩn tu. Thầy

tu nọ ngửi mùi thịt thơm phức bèn hỏi:

- Thịt gì đấy?

- Thịt kỳ đà.

Hôm sau, thầy khất thực được một mớ bơ, sữa đông và tiêu đem về cất trong lều cỏ. Gần lều thầy, có một cái đồi, một con kỳ đà chúa ở đấy. Nó thường viếng thầy và rất kính trọng thầy. Nhưng hôm ấy thầy muốn giết con kỳ đà nọ, bèn giấu một cây gậy trong áo, đến gần đồi cát và giả vờ ngủ. Khi con kỳ đà rời hang, đến gần chỗ thầy, thấy vẻ nằm đặc biệt khác thường, nó nghĩ thầm: "Hôm nay Sư phụ có vẻ làm sao ấy, ta không thích", và nó quay đầu bò trở về lại. Thầy tu thấy kỳ đà bò lui bèn ném cây gậy theo định giết, nhưng cây gậy rơi không trúng. Con kỳ đà lật đật nhảy vào hang, ngóc đầu ra

nói:

- Tưởng thầy tu chân thật, Muốn gần, tôi đến nhanh, Gậy cầm, thầy toan giết, Lộ chân tướng giả danh. Kẻ ngu có ích gì, Bện tóc với da dê, Nội tâm toàn phiền não, Ngoài mặt đánh bóng suông.

Nhà tu còn muốn dùng các thứ vật thực để dụ kỳ đà:

- Kỳ đà, mau quay lại! Đến nếm món cháo này. Muối, tiêu, dầu ta có, Muốn gì sẽ được ngay.

Kỳ đà đáp:

- Càng nghe thầy nói, tôi càng muốn

chạy xa.

Và kỳ đà nói kệ:

Thật đúng khi tôi chọn, Chỗ ẩn tít trên đồi, Thầy cho dầu, tiêu, muối, Với tôi, chúng ích gì!

Rồi nó nói tiếp:

- Rất tiếc khi trước tôi lầm tưởng thầy là nhà ẩn tu, nhưng khi thầy cầm gậy giết tôi, lớp áo đạo đức đã rơi xuống. Hỡi người vô tri, có ích gì khi thắt tóc bím. Có ích gì khi mặc áo da dê mà đầy những móng vuốt? Bên trong là dục vọng, bên ngoài lại điểm tô.

Đức Phật kết luận:

- Nhà ẩn tu ấy là người Bà-la-môn hiện

nay, còn kỳ đà chúa là Ta.

Ngài nói kệ:

(394) Kẻ ngu có ích gì, Bện tóc với da dê, Nội tâm toàn phiền não, Ngoài mặt đánh bóng suông.

12. Bà KisaGotami , Vị Tỳ Kheo Ni Tu Hạnh Đầu Đà

Người mặc áo đống rác ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ngụ tại núi Linh Thứu, liên quan đến Tỳ-kheo ni Kisa Gotami.

Vào buổi đầu hôm, trời Đế Thích cùng

chư Thiên đến vây quanh đức Phật nghe pháp. Họ kính cẩn ngồi một bên để lắng nghe những lời dạy từ hòa của đức Thế Tôn. Lúc ấy, Đại Đức Tỳ-kheo ni Kisa Gotami chợt nghĩ: "Ta sẽ đến viếng đức Thế Tôn". Bà bay lên không trung, đến chỗ Phật, nhưng thấy trời Đế Thích bèn quay lui. Đế Thích thấy vậy hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, ai mới đến vừa thấy Ngài liền trở ra?

Đức Phật bảo:

- Đại vương, đó là đệ tử ta, Tỳ-kheo ni Kisa Gotami, người có hạnh Đầu đà bậc nhất.

Ngài nói kệ:

(395) Người mặc áo đống rác

Gầy ốm, lộ mạch gân, Độc thân thiền trong rừng, Ta gọi Bà-la-môn.

13. Thế Nào Là Bà-La-Môn?

Ta không gọi Phạm Chí ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la-môn.

Một người Bà-la-môn thầm nghĩ: "Samôn Cồ-đàm thường gọi các đệ tử là Bàla-môn. Ta sanh trưởng trong dòng Bàla-môn, vậy ông ấy phải gọi ta danh hiệu Bà-là-môn". Nghĩ thế, ông đến yêu cầu Phật điều ấy. Phật nói:

- Ta không gọi ai là Bà-la-môn chỉ vì họ sanh ra từ một người mẹ dòng Bà-lamôn. Người nào không sở hữu những của cải thế gian, không chạy theo những thứ thế tục, chỉ người ấy ta gọi Bà-lamôn.

Ngài nói kệ:

(396) Ta không gọi Phạm Chí, Vì chỗ sanh, mẹ sanh, Chỉ được gọi tên suông, Nếu tâm còn phiền não, Không phiền não chấp trước, Ta gọi Bà-lamôn.

14. Diễn Viên Xiếc Uggasena

Đoạn hết các kiết sử ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Uggasena. Chuyện này đã được kể đầy đủ chi tiết trong phần chú giải bài kệ bắt đầu bằng câu: "Bỏ quá, hiện, vi lai".

Lúc ấy, các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Uggasena nói: "Tôi không sợ", chắc chắn thầy ấy đã nói dối.

Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, giống như con ta, kẻ nào đã dứt trừ mọi ràng buộc, kẻ ấy chẳng còn sợ hãi.

Ngài nói kệ:

(397) Đoạn hết các kiết sử, Không còn gì lo sợ, Không đắm

trước buộc ràng, Ta gọi Bà-la- môn.

15. Tranh Cãi Về Sức Kéo

Bỏ đai da, bỏ cương ...

Đức Thế Tôn, dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến hai người Bà-la-môn.

Hai người Bà-la-môn nọ có hai con bò, một tên Tiểu Hồng (Culla Rohita), và một tên Đại Hồng (Mahà Rohita). Một hôm, hai ông Bà-la-môn bàn cãi, so sánh hai con bò của nhau, ai cũng nói "Bò tôi mới là số dzách!".

Cãi lộn hết hơi rồi, họ nghĩ ra cách thử

sức kéo của bò. Lập tức họ đánh xe bò ra bờ sông Aciravati, thi nhau chất lên xe bò mình nào cát, đá thật đầy và bắt bò kéo. Nhưng mặc cho họ thúc giục, chiếc xe vẫn không nhúc nhích và thình lình dây thừng đều bị đứt. Các vị Tỳ-kheo lúc ấy ra sông tắm, thấy vậy về bạch Phật. Ngài dạy:

- Này các Tỳ-kheo, đó là những dây bên ngoài, có thể cắt đứt. Nhưng một vị Samôn phải cắt đứt những sợi dây giận dữ và tham dục ở nội tâm.

Ngài nói kệ:

(398) Bỏ đai da, bỏ cương, Bỏ dây, đồ sở thuộc, Bỏ then chốt, sáng suốt, Ta gọi Bà-la-môn.

16. Đức Thế Tôn Chế Ngự Kẻ Sân

Giận

Không ác ý, nhẫn nhục ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này trong khi Ngài đang trù tại Trúc Lâm, liên quan đến Akkosa Bhàradvàja.

Khi Phật ở tại Trúc Lâm, có một tín nữ Bà-la-môn đã chứng quả Tu-đà-hoàn, mỗi khi bà hắt hơi, ho, hoặc trợt té, đều buột miệng:

- Nam mô Phật Đà! Như Lai Tối tôn, Vô thượng giác!

Chồng bà là một Bà-la-môn quạu quọ, không tin Phật, và rất bực mình khi nghe vợ mình cứ xưng tụng đức Phật. Ngày kia, trong khi dọn cơm cho các vị Bà-lamôn, bà trợt chân và cũng buộc miệng

niệm danh hiệu Phật rất lớn. Ông Bà-lamôn nổi giận, nghĩ thầm: "Thiệt là hết chịu nổi. Mụ vợ ngốc của ta mỗi lần trợt té cứ lải nhải tôn xưng ông Sa-môn đầu trọc như là thói quen si ám".

Ông bảo bà:

-Này, tôi cho bà biết, tôi sẽ đánh bại ông thầy bà bằng một cuộc tranh luận ngay bây giờ.

- Ông cứ tự tiện, tôi chưa thấy ai có thể thắng đức Thế Tôn cả. Ông cứ đi và hỏi Ngài một câu.

Ông Bà-la-môn đến chỗ Phật, không cần chào, đứng một bên và hỏi Ngài:

Muốn được sống an tịnh, Phải dẹp bỏ thứ gì, Để không còn ưu

bi? Điều gì nên trừ khử? Xin nói cho nghe thử! Ông giảng dạy cách nào, Để người nghe được mau, Thực hiện việc trừ khử?

Đức Phật đáp:

Sân hận khi không còn, Sẽ được sống an tịnh, Sân hận được trừ khử, Ưu sầu không theo mình. Gốc rễ sân độc địa, Ngọn nhánh lại ngọt ngào, Người trí luôn ca ngợi, Người dẹp được sân hờn, Bởi sân khi diệt sạch, Ưu bi sẽ chẳng còn.

Người Bà-la-môn nghe Phật nói, tin nhận bèn xuất gia và đắc A-la-hán. Em trai ông nghe tin ông đã xuất gia theo Phật

bèn giận dữ đến mắng chửi Phật. Nhưng đức Phật cũng chinh phục người này bằng thí dụ "vật thực cho khách", rồi y cũng xuất gia theo Phật chứng A-la-hán. Hai người em út hết, cũng như hai anh, đến rầy rà đức Phật, rốt cuộc cũng bị chinh phục, xuất gia và chứng quả A-lahán.

Ngày đó, các Tỳ-kheo bàn tán ở Pháp đường:

- Thật là kỳ diệu thay, hạnh nhẫn nhục của chư Phật. Cả bốn anh em đến mắng chửa đức Thế Tôn mà Ngài không đáp lời nào, còn khiến họ quy y.

Lúc ấy, đức Phật đến gần hỏi:

- Các ông tụ họp ở đây bàn tán chuyện gì?

Các thầy bạch Phật. Ngài giải thích:

- Này các Tỳ-kheo, vì Ta có sức từ nhẫn, vì ta là người không gây tội giữa thế gian đầy lỗi lầm, nên Ta là nơi nương tựa chân thật cho chúng sanh.

Ngài nói kệ:

(399) Không ác ý, nhẫn chịu, Phỉ báng, đánh, phạt hình, Lấy nhẫn làm quân lực, Ta gọi Bàla-môn.

17. Tôn Giả Xá Lợi Phất Bị Mẹ Mắng.

Không hận, hết bổn phận ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài

đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Xá-lợi-phất.

Khi Phật ở tại tinh xá Trúc Lâm, một hôm ngài Xá-lợi-phất dẫn năm trăm vị Tỳ-kheo đi khất thực và đến trước nhà bà mẹ Ngài trong làng Nàlaka. Bà mẹ mời chư Tăng vào nhà, chuẩn bị chỗ ngồi và trong khi dọn thức ăn cho Tôn giả, bà mắng Ngài:

- Hừm! Đồ ăn mày! Mi lang thang từ nhà này sang nhà nọ để xin cơm thừa canh cặn không được, phải liếm láp cháo dính trên vá, trên muỗng! Vậy mà mi cũng từ bỏ gia tài ức triệu để làm thầy tu. Thiệt nhục nhã cho mẹ mi! Ăn đi!

Và khi dọn thức ăn cho các thầy Tỳ- kheo, bà cũng rủa:

- Mấy người đã rũ rê con ta để làm đầy tớ cho mấy người đây hả? Ăn đi!

Tôn giả Xá-lợi-phất không nói một tiếng, nhận thức ăn, và đi về tinh xá. Khi ngài La-hầu-la đem cơm dâng Phật, đức Thế Tôn hỏi:

- Này La-hầu-la! Hôm nay ngươi đi tới đâu?

- Dạ, đến nhà của bà cô con, bạch Thế Tôn!

- Bà ấy có nói gì với thầy ngươi không?

- Bạch Thế Tôn, bà ấy mắng chửi dữ dội.

- Bà ấy nói những gì?

La-hầu-la kể lại cho đức Phật nghe câu

chuyện, và Ngài hỏi:

- Rồi thầy ngươi trả lời ra sao?

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả chẳng trả lời gì hết.

Các vị Tỳ-kheo nghe chuyện, bàn tán với nhau:

- Này chư huynh! Cao quý thay đức nhẫn của Tôn giả Xá-lợi-phất! Dù cho mẹ Ngài mắng chửi như thế đó, Ngài chẳng hề giận một chút nào.

Đức Thế Tôn nghe thế bèn dạy:

- Này các Tỳ-kheo, người nào thanh trừ được mọi dục vọng xấu, người ấy không còn sân giận.

Ngài nói kệ:

(400) Không hận, hết bổn phận, Trì giới, không tham ái, Nhiếp phục, thân cuối cùng, Ta gọi Bà-la-môn.

18. A-La-Hán Có Phàm Thân Hay Không?

Như nước trên lá sen ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tỳkheo ni Uppalavannà. Chuyện được kể đủ chi tiết trong phần chú giải bài kệ bắt đầu bằng câu: "Người ngu nghĩ là ngọt, khi ác chưa chín mùi". Truyện kể tiếp rằng:

Sau đó ít lâu các Tỳ-kheo bàn tán ở Pháp đường: "Chắc các vị đã trừ hết lậu hoặc vẫn còn phải thỏa mãn nhục dục. Tại sao không? Họ đâu phải cây lá hay đất cục mà cũng mang thân người với máu thịt, do đó thế nào cũng còn ưa khoái lạc".

Đức Thế Tôn nghe chuyện bèn giải thích:

- Này các Tỳ-kheo, không bao giờ người đã thanh trừ ái dục lại yêu thích khoái lạc hay thỏa mãn nhục dục. Như một giọt nước rơi trên lá sen không bao giờ dính lại, nó lăn tròn và rơi xuống, như hạt cải không bao giờ dính trên đầu cây kim, cũng như tình ái không bao giờ ràng buộc hay còn vương vấn nơi những vị đã tận trừ ái nhiễm.

Ngài nói kệ:

(401) Như nước trên lá sen, Như hạt cải đầu kim, Người không nhiễm ái dục, Ta gọi Bàla-môn.

19. Người Nô Lệ Trút Gánh Nặng

Ai tự trên đời này ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một người Bà-la-môn.

Khi chưa có điều luật không cho phép nhận nô lệ trốn chủ vào Tăng đoàn, một hôm người nô lệ của một Bà-la-môn đến xin xuất gia. Y được nhận vào Tăng đoàn và chẳng bao lâu chứng A-la-hán. Người Bà-la-môn tìm khắp nơi nhưng không

gặp. Một hôm đức Phật dẫn vị A-la-hán ấy vào thành khất thực, người Bà-la-môn trông thấy ở cổng thành bèn níu y của Tôn giả nọ. Đức Phật quay lại hỏi:

- Này Bà-la-môn, chuyện gì vậy?

- Thưa Ngài Cồ-đàm, đây là kẻ tôi tớ của tôi.

- Này Bà-la-môn, gánh nặng đã rời khỏi y.

Nghe đức Phật nói, người Bà-la-môn lập tức hiểu rằng người ấy đã chứng A-la- hán. Ông hỏi lại:

- Có thật không, thưa Cồ-đàm?

Đức Phật xác nhận:

- Thật vậy, gánh nặng của người ấy đã buông xuống rồi.

Ngài nói kệ:

(402) Ai tự trên đời này, Giác khổ, diệt trừ khổ, Bỏ gánh nặng, giải thoát, Ta gọi Bà-lamôn.

20. Khamà Trí Tuệ.

Người trí tuệ sâu xa ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại núi Linh Thứu, liên quan đến Tỳ-kheo ni Khemà.

Ngày nọ, lúc đầu hôm, vua trời Đế Thích

dẫn chư thiên đến nghe Phật thuyết pháp, lúc ấy Tỳ-kheo ni Khemà cũng khởi nghĩ: "Ta sẽ đến thăm đức Thế Tôn".

Bà bay đến chỗ Phật, gặp Đế Thích và chư thiên, bèn đảnh lễ Phật rồi lui ra, Đế Thích hỏi Phật:

- Ai vậy, thưa Thế Tôn?

- Này Đại vương, đó là Tỳ-kheo ni Khemà, trí tuệ đệ nhất, biết rõ đâu là đạo và đâu không phải là đạo.

Ngài nói kệ:

(403) Người trí tuệ sâu xa, Khéo biết đạo, phi đạo, Chứng đạt đích vô thượng, Ta gọi Bàla-môn.

21. Vị Sa Môn Và Thiên Thần

Không liên hệ cả hai ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Tissa Pabbhàravàsì.

Đại đức Tissa Pabbhàravàsì khi nhận đề mục thiền quán từ đức Phật, bèn vào rừng cư trú. Đại đức tìm được một cái hang kín đáo thích hợp. Khi vừa đến hang, Ngài thấy lòng an tịnh, bèn nghĩ thầm: "Nếu ở đây, ta sẽ đạt được mục tiêu tối thượng, làm xong bổn phận của Sa-môn". Khi ấy vị thần ở hang cũng nghĩ: "Một vị Sa-môn đạo hạnh đã đến ở đây, thiệt là khó xử cho ta khi ở chung với người. Có lẽ Ngài chỉ trú đêm, rồi đi

nơi khác". Thần bèn dắt con cái rời hang.

Ngày sau, Tôn giả vào làng khất thực. Một nữ thí chủ trông thấy Ngài đem lòng kính ngưỡng bèn mời vào nhà cúng dường, và phát nguyện sẽ cúng dường đầy đủ những món cần thiết trong ba tháng an cư. Tôn giả nghĩ rằng: "Nhờ Phật tử này ta sẽ đạt được sở nguyện", bèn nhận lời thỉnh. Rồi Ngài trở về động cũ. Trông thấy Ngài về tới, thần hang nghĩ: "Chắc có ai mời Ngài. Ngày mai hay mốt Ngài sẽ đi". Như thế nửa tháng trôi qua, vị thần thất vọng: "Chắc chắn Tôn giả sẽ ở đây suốt mùa mưa. Thiệt khó cho khi ở chung với vị Sa-môn đạo hạnh, mà cũng không thể mời Ngài đi nơi khác. Ta có thể tìm lỗi của Ngài không?" Nữ thần dùng thiên nhãn quan sát cuộc đời của vị Sa-môn từ khi xuất gia đến lúc vào rừng, chẳng thấy có tỳ

vết. "Đức hạnh của vị này hoàn toàn tinh khiết. Ta sẽ tìm cách kiếm chuyện và có thể nói lỗi Ngài được".

Nữ thần đến nhà thí chủ của Tôn giả, nhập vào đứa bé trai nhỏ nhất, và bẻ cổ nó, đứa bé tự dưng trợn mắt và sùi bọt mép. Người mẹ hoảng sợ kêu lên:

- Sao con tôi như thế này?

Nữ thần nói với bà:

- Ta đã bắt con ngươi, nhưng không làm hại gì. Ngươi chỉ cần xin vị Tỳ-kheo hằng đến đây khất thực một ít cây thuốc cho con ngươi uống, ta sẽ buông tha.

- Thà con tôi chết, tôi không bao giờ xin Ngài điều ấy.

- Nếu không xin, ngươi hãy yêu cầu Tôn giả đặt thuốc vào mũi con ngươi.

- Tôi cũng không thể làm như vậy.

- Thôi được, hãy rửa chân Tôn giả, và lấy nước rảy lên đầu con ngươi.

Khi Tôn giả đến như thường lệ, bà dọn thức ăn ra cho Ngài và bưng một thau nước đến cho Tôn giả rửa chân. Bà xin Tôn giả nước rửa ấy rảy lên đầu con trai, Tôn giả bằng lòng và đứa bé được buông tha.

Vị thần đứng chờ ở cửa hang. Thọ trai xong, Tôn giả đứng lên và vẫn không rời đề mục thiền quán, Ngài từ giã nữ thí chủ trở về hang, vừa đi vừa thầm ôn ba mươi hai thứ cấu tạo nên thân. Tôn giả mới đến cửa hang, nữ thần đã nói:

- Xin chào thầy lang mát tay. Ngài chớ vào đây nữa.

Tôn giả liền dừng lại hỏi:

- Ngươi là ai?

- Tôi là vị thần trú ở đây.

Tôn giả thầm nghĩ: "Ta có từng bao giờ làm thầy thuốc không?" Ngài quán sát suốt cuộc đời mình từ lúc xuất gia vào Tăng đoàn, thấy chẳng có một tỳ vết gì hoen ố, bèn bảo nữ thần:

- Ta chẳng bao giờ làm thầy thuốc cả. Tại sao ngươi nói vậy?

- Chẳng bao giờ ư?

- Đúng thế, chẳng bao giờ.

- Tôi sẽ cho thầy hay.

- Vâng, xin cứ nói.

- Thầy hãy nhớ lại xem. Ngày hôm nay thôi, thầy có rảy nước rửa chân lên đầu con bà thí chủ đang hộ trợ thầy, bị ma bắt không?

- Có, ta có rảy nước như thế.

- Thầy không thấy là đã làm thầy lang ư?

- Vậy ra ngươi nói ta làm thầy thuốc là việc ấy?

- Đúng thế.

Tôn giả tự nghĩ: "Quả thực ta đã có quyết tâm đúng đắn. Ta đã thực sự giữ được giới hạnh tương ứng. Ngay cả vị thần

này cũng không tìm được tỳ vết nơi đức hạnh ta, do ta nghiêm trì bốn giới thanh tịnh. Bà chỉ tìm được chuyện ta rảy nước rửa chân lên đầu một cậu bé".

Với ý nghĩ đã giữ được đạo hạnh trọn vẹn thanh tịnh, Tôn giả cảm thấy vô cùng hoan hỉ. Rồi Tôn giả chế ngự cảm xúc ấy và chẳng rời đi một bước, Ngài đắc quả A-la-hán.

Ngài dạy nữ thần:

- Ngươi đã vô cớ xúc phạm ta là một Tỳ- kheo phạm hạnh thanh tịnh. Hãy đi đi, đừng ở đây nữa.

Ngài nghiêm nghị nói kệ:

Cuộc sống ta trong sạch, Phạm hạnh không vết tỳ. Thanh tịnh

tăng chớ mắng, Mau ra khỏi rừng đi.

Tôn giả ở lại hang đến hết mùa an cư rồi trở về chỗ Phật. Các thầy Tỳ-kheo hỏi:

- Này huynh, huynh đã đạt được mục đích tối thượng, làm tròn bổn phận một Sa-môn chưa?

Tôn giả kể kinh nghiệm vừa qua cho các thầy nghe, bắt đầu từ lúc đến hang ở. Các thầy hỏi:

- Này huynh, khi nữ thần kia nói huynh như thế huynh có nổi giận không?

- Không, tôi không giận.

Các thầy Tỳ-kheo đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối. Thầy nói khi nữ thần bảo thầy nọ kia, thầy không giận.

Đức Thế Tôn lắng nghe họ kể hết chuyện. Ngài dạy:

- Này các Tỳ-kheo, con ta không sân giận. Thầy ấy chẳng chuyện trò với cư sĩ hoặc tu sĩ, sống đời độc cư, thiểu dục và tri túc.

Ngài nói kệ:

(404) Không liên hệ cả hai, Xuất gia và thế tục, Sống độc thân, ít dục, Ta gọi Bà-la-môn.

22. Vị Sa Môn Và Người Đàn Bà

Bỏ trượng, đối chúng sanh ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo.

Một thầy Tỳ-kheo nọ sau khi nhận đề mục thiền quán liền lui vào rừng sâu, chuyên chú hành thiền và đắc quả A-lahán. Thầy tự nghĩ: "Ta sẽ đến trình lên đức Thế Tôn niềm an lạc vô biên vừa đạt được này". Và thầy rời khu rừng, lên đường trở về. Lúc ấy, tại một xóm làng thầy vừa đi ngang, có người đàn bà cãi nhau với chồng. Khi ông chồng đi khỏi nhà, cô nghĩ: "Ta sẽ về nhà ta". Cô liền ra đi trên đường, thấy vị Sa-môn, cô lại nghĩ: "Ta nên đi gần Tôn giả này", rồi cô đi theo thầy Tỳ-kheo bén gót. Tôn giả chẳng hề nhìn ngó gì đến cô cả.

Ông chồng trở về nhà không thấy cô vợ đâu thì biết ngay: "Chắc cô ả về nhà mẹ", ông liền đi kiếm. Khi trông thấy cô, ông nghĩ: "Cô này không thể nào đi qua rừng một mình được đâu. Cô ả đi với ai?" Bỗng ông thấy vị Sa-môn: "Chắc thầy này dẫn cô ả đi rồi đây". Ông bèn tiến đến đe dọa thầy Tỳ-kheo, cô vợ kêu lên:

- Vị Sa-môn đức hạnh này chẳng hề nhìn ngó hay hỏi han tôi tiếng nào. Xin đừng xúc phạm thầy.

- Bộ bà muốn nói bà bỏ đi kiểu này đây hả? Ta sẽ cho hắn một trận xứng đáng với tội của riêng bà thôi đấy.

Trong cơn tức giận vì căm ghét người đàn bà, ông đánh thầy Tỳ-kheo như tử rồi dẫn cô vợ về.

Thân thể vị Sa-môn đầy những lằn roi khi thầy về tu viện, các thầy khác chà xát người cho thầy để ý thấy các vết roi bèn hỏi. Thầy kể lại đầu đuôi câu chuyện. Các thầy nói:

- Nhưng này huynh, khi ông kia đánh huynh như vậy, huynh có nói gì không? Huynh có nổi xung không?

- Không, thưa chư huynh. Tôi không giận.

Các thầy bạch lên đức Phật câu chuyện và thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi thầy Tỳ- kheo có giận không, thầy ấy nói chẳng giận. Thầy ấy nói dối.

Đức Thế Tông lắng nghe chuyện họ kể

và dạy:

- Này các Tỳ-kheo, kẻ nào đã trừ được lậu hoặc liền bỏ hết roi gậy. Dù ai đánh họ, họ cũng không sân giận lại.

Ngài nói kệ:

(405) Bỏ trượng, đối chúng sanh. Yếu kém hay kiên cường, Không giết, không bảo giết, Ta gọi Bà-la-môn.

(Xem tiếp Phần 2)

XXVI. Phẩm Bà La Môn (2) 23. Bốn Vị Sa Di Thân thiện giữa thù địch ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến bốn vị Sa-di.

Bà vợ của người Bà-la-môn nọ sửa soạn một bữa ăn cho bốn vị Sa-môn được đặc biệt chọn mời. Bà bảo ông chồng:

- Ông hãy đến tinh xá và bảo họ chọn cho bốn vị Bà-la-môn lão thành, rồi rước về nhé!

Ông Bà-la-môn đến tinh xá, thưa:

- Xin chọn cho bốn vị Bà-la-môn và đưa họ ra gặp tôi.

Những vị được chọn rơi nhằm bốn chú
Sa-di mới lên bảy tuổi nhưng đã đắc quả
A-la-hán, gồm các Tôn giả Samkicca,
Pandita, Sopàka và Revata. Bà vợ người
Bà-la-môn chuẩn bị các chỗ ngồi rất lộng lẫy, sang trọng và đứng chờ. Vừa thấy bóng các Sa-di, bà đã giận sôi lên, nổ một tràng dài nghe như muối kêu trên lò lửa:

- Ông đến tinh xá mà đưa về bốn đứa trẻ nít chẳng lớn bằng cháu chắt ông.

Bà không chịu mời các chú ngồi lên chỗ đã soạn sẵn, lại trải chỗ ngồi khác thấp hơn và kêu họ:

- Ngồi đây này!

Xong bà bảo ông chồng:

- Ông ơi, ông đi mời vài vị Sa-môn lão thành về đây.

Ông Bà-la-môn đến tinh xá, gặp Tôn giả

Xá-lợi-phất, thưa:

- Xin mời Ngài về nhà tôi.

Ông đưa Tôn giả về nhà. Thấy các vị Sa- di ngồi đó, Tôn giả hỏi:

- Các Sa-môn này đã thọ trai chưa?

- Dạ, chưa.

Khi biết chủ nhà chỉ nấu bốn phần ăn, Tôn giả nói:

- Xin mang trả bát cho tôi.

Rồi Tôn giả ôm bát, rồi nhà ông Bà-la- môn. Bà vợ hỏi:

- Thầy ấy nói gì thế?

- Thầy nói:"Các viï Sa-môn ngồi đây

đáng được thọ nhận vật thực. Xin trả bát cho tôi". Nói xong thầy ấy cầm bát và đi về.

Bà vợ bảo:

- Chắc ổng không muốn ăn, thôi ông đi mau lên, kiếm một vị Sa-môn khác đưa về đây.

Ông Bà-la-môn trở lại tinh xá lần nữa, và gặp Tôn giả Mục-kiền-liên, cũng thưa như trước và dẫn Tôn giả về nhà. Ngài Đại Mục-kiền-liên thấy các chú Sa-di, cũng hỏi y như Tôn giả Xá-lợi-phất và cầm bát đi thẳng. Bà vợ nói:

- Các Tôn giả này không muốn thọ trai. Ông hãy đến tinh xá lần nữa đi, và chỉ mời vị Sa-môn lão thành thôi.

Bấy giời các Sa-di từ sáng sớm chưa có hột cơm nào vào bụng. ngồi đói run rẩy. Do sức mạnh của phước đức họ, ngai trời Đế Thích nóng lên. Ngài tìm hiểu nguyên nhân, thấy nhóm Sa-di ngồi từ sáng đang đói lả người đến kiệt sức, liền nghĩ: "Ta có nhiệm vụ phải đến đấy". Ngài cải trang thành một Sa-môn già lọm khọm, đến tinh xá và ngồi vào chỗ dễ thấy nhất giữa các vị Sa-môn. Ông Bàla-môn trông thấy Đế Thích, nghĩ: "Mụ vợ ta hẳn sẽ hài lòng". Ông mời Đế Thích về nhà. Bà vợ vừa trông thấy Đế Thích liền tươi cười hớn hở, lấy thảm và chiếu đôi phủ lên một chỗ ngồi, mời chào rối rít:

- Kính bạch Đại đức tôi quí, xin mời Ngài an tọa.

Đế Thích vào nhà liền đến đảnh lễ bốn vị

Sa-di, năm vóc gieo sát đất, rồi Ngài kiếm chỗ ngồi kiết già dưới đất gần mé bộ ván thấp nơi các chú đang ngồi.

Bà vợ ông Bà-la-môn thấy thế, nói:

- Đúng là ông rước về nhà một vị Samôn thiệt đó. Ông đưa về vị này lớn bằng cha ông mà thầy ấy lại đi chào các chú Sa-di tuổi bằng cháu chắt ổng. Ta đâu cần người như ổng. Đuổi ổng ra đi!

Ông Bà-la-môn nắm vai Đế Thích, rồi kéo tay, đẩy lưng,ráng sức lôi Ngài ra ngoài, nhưng Đế Thích ngồi không nhúc nhích. Bà vợ bảo:

- Ông nắm một tay, tôi sẽ nắm tay kia.

Hai ông bà nắm cả hay tay Đế Thích, hì hục đẩy sau lưng, ráng lôi được Ngài ra

khỏi cửa. Nhưng Đế Thích hóa phép ngồi yên chỗ cũ, hai tay vẫy lia lịa chào họ.

Hai ông bà trở vào thấy Ngài ngồi y đó thì sợ hãi, ré lên khủng khiếp và đề Ngài tự do. Bấy giờ Đế Thích cho biết Ngài là ai. Hai ông bà liền mời khách thọ trai. Xong xuôi, năm vị khách từ giã. Một vị Sa-di bay xuyên qua nóc nhà. Vị thứ hai xuyên qua mái trước, vị thứ ba tung mái sau, vị thứ bốn chui xuống đất, còn Đế Thích thì ra bằng một ngõ khác nữa. Cứ thế, năm vị mỗi vị rời ngôi nhà kia một kiểu. Từ đó ngôi nhà được biết đến với tên "Nhà có năm cửa.

Các vị Sa-di về tinh xá, các thầy Tỳ-kheo hỏi:

- Sao? Chư huynh đi thọ trai thế nào?

- Thôi, xin chư huynh chớ hỏi nữa! Vợ ông Bà-la-môn vừa thấy chúng đệ đã nổi giận đùng đùng. Bà không cho chúng đệ ngồi vào chỗ dọn sẳn, mà bảo ông chồng: "Ông mau mau đi rước cho một vị Samôn lão thành". Thầy tế độ của chúng đệ đến, thấy chúng đệ đó liền nói: "Các vị Sa-môn đang ngồi đây cần được cúng dường cơm". Nói xong, Tôn giả yêu cầu trả bát rồi đi. Bà vợ lại nói: "Ông làm ơn đi rước cho một vị Sa-môn lão thành khác". Ông chồng đưa Tôn giả Mụckiền-liên về nhà. Khi thấy chúng đệ, Tôn giả lại nói y như Tôn giả Xá-lợi-phất và đi luôn. Bà vợ bảo chồng: "Các vị Tôn giả này không muốn thọ trai. Ông Bà-lamôn ơi, ông hãy đến tinh xá và rước cho tôi một vị Sa-môn lão thành thôi". Ông chồng lần này rước đúng Đế Thích cải trang Sa-môn dẫn về. Lúc ấy, hai ông bà mới cho chúng đệ ăn.

- Nhưng thế chư huynh không giận sao?

- Không, chúng đệ chẳng giận.

Các thầy Tỳ-kheo nghe họ trả lời, bèn đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, các Sa-di này nói "chúng tôi không giận" là nói dối.

Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, người đã trừ được lậu hoặc chẳng kháng cự kẻ chống đối họ.

Ngài nói kệ:

(406) Thân thiện giữa thù địch, Ôn hòa giữa hung hăng, Không nhiễm, giữa nhiễm trước, Ta gọi Bà-la-môn.

24. TônGiả Đại Bàn-Đặc Có Còn Tham, Sân Không?

Người bỏ rơi tham, sân ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Đại-bàn-đặc (Big Wayman)

Khi Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc (Little Wayman) ba tháng không thuộc nổi một bài kệ, anh của Ngài là Tôn giả Đại Bànđặc đuổi Ngài ra khỏi tinh xá, đóng cửa lại rồi bảo:

- Chú thiếu khả năng, không hiểu nổi Phật pháp, còn hạnh phúc thế gian chú cũng rời bỏ rồi. Đâu còn lý do gì để chú tiếp tục ở lại đây? Chú hãy đi đi.

Các thầy Tỳ-kheo bàn tán về chuyện ấy, nói:

- Này chư huynh, Tôn giả Đại Bàn-đặc làm thế này thế nọ. Chắc chắn ngay cả những vị đã xa lìa cấu nhiễm thỉnh thoảng vẫn còn sân hận.

Lúc ấy, đức Phật đi đến hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán việc gì?

Các thầy bạch lên Phật vấn đề. Ngài dạy:

- Này các Tỳ-kheo, không phải đâu. Những kẻ đã xa lìa cấu nhiễm trong tâm chẳng còn các hoặc, tham, sân và si. Ông ấy hành động như vậy chỉ vì ông đặt Phật pháp, và tinh thần Phật pháp lên trên tất cả.

Ngài nói kệ:

(407) Người bỏ rơi tham, sân Không mạn, không ganh tị. Như hột cải đầu kim Ta gọi Bàla-môn.

25. Sức Mạnh Tập Khí

Nói lên lời ôn hòa ...

Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Pilindavaccha.

Thượng tọa Pilindavaccha dường như có thói quen nói năng với cư sĩ và Sa-môn bằng những lời lẽ chỉ dùng để gọi những kẻ lang thang cầu bơ cầu bất.

- Này đến đây, cha nội!

Hoặc:

- Thôi đi đi, lão đê tiện.

Một hôm, nhiều thầy Tỳ-kheo đến phàn nàn với đức Phật về hành vi của Tôn giả. Các thầy nói:

- Bạch Thế Tôn, Thượng tọa Pilindavaccha gọi các thầy Tỳ-kheo bằng những từ chỉ dùng cho hạng đầu đường xó chợ.

Đức Phật cho gọi Tôn giả đến, hỏi:

- Có người nói lỗi ông là đã gọi các Tỳ- kheo bằng những cử chỉ dùng cho hạng đầu đường xó chợ. Có không, Vaccha?

- Bạch Thế Tôn, có ạ! Con có lỗi ấy.

Đức Phật nhớ lại xem các kiếp trước vị Thượng tọa đó đã ở đâu, rồi Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, các ông đừng giận Tỳ-kheo Vaccha. Chẳng phải ông Vaccha còn nuôi lòng hận ghét bên trong mà nói năng với Tỳ-kheo huynh đệ như thế đâu. Thực tế là ông ấy đã qua năm trăm kiếp tái sanh vào nhà một người Bà-la-môn, và ông ấy đã sử dụng loại ngôn từ này quen thuộc trong suốt một thời gian lâu dài đến nỗi giờ đây nói với ai cũng thế, chỉ do sức mạnh của tập khí thôi. Người đã trừ được lậu hoặc chẳng bao giờ dùng lời lẽ thô bỉ, độc ác, chẳng bao giờ nói những lời khiến người vừa nghe liền thấy tổn thương. Chi do sức mạnh tập khí mà người đệ tử ấy của

Ta nói năng kiểu ấy.

Ngài nói kệ:

(408) Nói lên lời ôn hòa, Lợi ích và chân thật, Không mất lòng một ai, Ta gọi Bà-la-môn.

26. Thầy Tỳ Kheo Bị Kết Tội Trộm Cắp

Ở đời vật dài, ngắn ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo.

Tại thành Xá-vệ, có một người Bà-la- môn mang nặng tà kiến, một hôm vì sợ

tấm vải choàng ngoài của mình có mùi mồ hôi, bèn cởi ra để ở ngoài, rồi ngồi quay mặt vào nhà mình. Lúc ấy, có một vị Sa-môn đã đắc A-la-hán, sau khi thọ trai đang đi về tinh xá , thấy tấm vải và nhìn quanh không có ai, thầy nghĩ nó vô chủ liền lượm nó như thầy từng lượm vải rách bị liệng bỏ, và cầm đi. Ông Bà-lamôn trông thấy liền đi đến mắng chửi Tôn giả:

- Này lão Tỳ-kheo đầu trọc kia, ngươi lấy tấm vải của ta đấy.

- Này Bà-la-môn, tấm vải này của ông ư?

- Đúng.

- Tôi nhìn quanh không thấy ai, tưởng nó là đồ bỏ đi liền nhặt lấy. Đây, trả ông.

Nói rồi Tôn giả đưa tấm vải cho ông Bàla-môn. Khi về tinh xá, thầy kể chuyện cho các thầy Tỳ-kheo nghe. Các thầy bèn trêu Tôn giả:

- Này huynh, tấm vải huynh nhặt dài hay ngắn, thô hay mịn?

- Thưa chư huynh, tôi chẳng cần biết nó dài hay ngắn, thô hay mịn. Tôi không tham đắm nó. Tôi nhặt chỉ vì nghĩ nó là đồ người ta bỏ, thế thôi.

Các thầy nghe nói vậy bèn bạch Phật câu chuyện, và thưa:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối.

Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, không phải đâu. Tỳ- kheo này đã nói rất thật. Kẻ nào trừ được lậu hoặc không lấy vật người khác.

Ngài nói kệ:

(409) Ở đời, vật dài, ngắn, Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu, Phàm không cho không lấy, Ta gọi Bà-lamôn.

27. Tôn Giả Xá Lợi Phất Bị Hiểu Lầm.

Người không có hy cầu ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Xá-lợi-phất.

Một thời nọ, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng năm trăm Tỳ-kheo đến kiết hạ an cư tại một tinh xá và ở đấy suốt ba tháng an cư. Dân chúng trông thấy Tôn giả liền đến hứa xin cúng dường tứ sự. Nhưng sau khi Tôn giả cử hành xong lễ Tự tứ rồi, các vật dụng cúng dường vẫn chưa được mang đến hết. Trước lúc lên đường về gặp đức Thế Tôn, Tôn giả dặn dò các Tỳkheo ở lại:

- Khi nào người ta đem các món cúng dường kia đến cho các Tỳ-kheo trẻ và Sa-di, xin các thầy nhận và gởi đi dùm. Còn nếu họ không đem đến, cũng xin các thầy làm ơn nhắn giúp tôi một tiếng.

Xong, Tôn giả đi về chỗ đức Phật ở.

Các thầy Tỳ-kheo bàn tán:

- Nghe những lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói hôm nay, cũng thấy lòng tham còn rơi rớt nơi ông ấy. Tôn giả còn dặn về những món người ta cúng dường cho các Tỳkheo cùng đoàn mình: "Xin các thầy gởi đi dùm, hoặc không thì làm ơn nhắn giúp tôi một tiếng!".

Lúc ấy đức Phật đi đến, hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán chuyện gì?

Các thầy Tỳ-kheo thưa câu chuyện. Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, con Ta không còn tham. Trong tâm ông ấy chỉ nghĩ: "Mong rằng các thí chủ không bị mất phước, mong rằng các Tỳ-kheo trẻ và Sa-di không bị thất thoát những lợi dưỡng cao

quý". Do vậy ông ấy mới dặn dò như thế.

Ngài nói kệ:

(410) Người không có hy cầu, Đời này và đời sau, Không hy cầu, giải thoát, Ta gọi Bà-lamôn.

28. Tôn Giả Mục Kiền Liên Bị Hiểu Lầm

Người không còn tham ái ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Mục-kiền-liên.

Câu chuyện tương tự như chuyện trên.

Kết cuộc, biết Tôn giả Mục-kiền-liên đã dứt được tham ái, Phật nói kệ:

(411) Người không còn tham ái, Có trí, không nghi hoặc, Thế nhập vào bất tử, Ta gọi Bà-la-môn.

29. Bỏ Cả Tốt LẫnXấu

Người sống ở đời này ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Pubbàràma, liên quan đến Tôn giả Revata.

Câu chuyện này đã được kể đầy đủ chi tiết trong phần chú giải bài kệ bắt đầu với câu: "Làng mạc hay núi rừng".

Chuyện kể tiếp rằng:

Lại một hôm các thầy Tỳ-kheo bàn tán trong pháp đường:

- Ôi, vị Sa-di đó được lợi lạc lớn lao biết mấy! Ôi! Phước đức của chú thật vô lượng vô biên! Tưởng tượng một người mà xây dựng được năm trăm chỗ ở cho năm trăm thầy Tỳ-kheo.

Lúc ấy, đức Phật đi đến, hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán việc gì?

Các thầy bạch Phật câu chuyện. Ngài dạy:

- Này các Tỳ-kheo, Revata chẳng có phước hay vô phước. Người ấy đã buông

bỏ cả hai.

Ngài nói kệ:

(412) Người sống ở đời này, Không nhiễm cả thiện ác, Không sầu, sạch không bụi, Ta gọi Bà-la-môn.

30. Tôn Giả Nguyệt Quang

Như trăng, sạch không uế..

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Nguyệt Quang, Candàbhà.

Chuyện quá khứ:

30A. Người Thợ Rừng Cúng Dường Chiếc Đĩa Mặt Trăng

Thuở lâu xa thời quá khứ, có một thương gia sống ở Ba-la-nại, một hôm tự bảo: "Ta sẽ đi về vùng biên giới kiếm gỗ đàn hương". Ông mua thật nhiều quần áo, đồ trang sức.v.v. dẫn theo năm trăm cỗ xe đi về vùng biên địa, dừng lại nghỉ đêm tại một cổng làng, và hỏi các cậu bé chăn bò trong rừng:

- Trong làng này có ai làm nghề đi rừng không?

- Có

- Ông ta tên gì?

- Tên như vậy, như vậy.

- Vợ và con ổng tên gì?

- Tên như thế, như thế.

- Nhà ổng ở đâu?

- Ở chỗ như vầy, như vầy.

Thương gia ngồi trên cỗ xe thật êm, đi theo lời chỉ dẫn của các chú bé, đến trước cửa nhà người thợ rừng liền xuống xe, vào nhà hỏi thăm bà chủ nhà có phải tên nọ, tên kia không.

Bà chủ thầm nghĩ: "Đây chắc bà con mình". Bà nhanh nhẩu đem ghế mời ông ngồi. Thương gia lại nói tên ông chủ nhà, hỏi thăm:

- Ông bạn tôi đâu rồi?

- Thưa Ngài, ông ấy đi rừng.

- Các cháu A, cháu B đâu?

Ông hỏi thăm tỉ mỉ từng người trong nhà, gọi tên đủ cả. Xong, ông biếu tặng các thứ quần áo, đồ trang sức mang theo, và bảo:

- Khi nào ông bạn đi rừng về, xin trao áo quần và những món này cho ông ấy.

Bà chủ nhà hết sức trọng vọng, tôn kính thương gia. Chồng vừa từ rừng về đến, bà nói:

- Ông ơi, thương gia này mới đến thăm nhà mình đã hỏi han đầy đủ từng người, biết hết tên tuổi, rồi tặng quà thứ này thứ kia.

Người thợ đi rừng cũng tiếp đãi thương gia lịch sự. Chiều tối, thương gia nằm chơi trên chiếc chõng tre, hỏi chủ nhà:

- Này bạn, những lúc đi quanh chân núi này, bạn có thấy gì lạ không?

- Không, chỉ thấy thấy có lắm cây màu đỏ.

- Nhiều hả?

- Vâng, nhiều.

- Chúng ta hãy đi xem những cây đó.

Hai người đến chân núi, chặt được vô số cây đàn hương đỏ, chất hết lên năm trăm cỗ xe. Lúc quay về thành, thương gia bảo anh thợ rừng:

- Bạn ạ, nhà tôi ở Ba-la-nại, anh cứ đi như thế, như thế sẽ kiếm ra. Thỉnh thoảng xin mời bạn hạ cố đến chơi.

Rồi ông nói thêm:

- Quà cáp tôi không quí gì hơn loại cây có cành màu đỏ này, bạn nhớ mang cho tôi thứ ấy và chi thứ ấy thôi.

- Dạ được.

Và lâu lâu anh thợ rùng đi thăm thương gia, chỉ mang theo gỗ đàn hương. Đáp lại, thương gia tặng anh tiền bạc hậu hĩ.

Khi đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, một ngôi tháp vàng được xây để thờ xálợi. Vào dịp ấy, anh thợ rừng mang thật nhiều gỗ đàn hương đến Ba-la-nại. Ông bạn thương gia liền lấy một số lớn gỗ ấy

đem nghiền thành bột và ông đổ đầy một đĩa bột gỗ đàn hương, bảo anh thợ rừng:

- Đi bạn, trong lúc chờ cơm chín, ta hãy đến chỗ đang xây tháp.

Hai người đến tháp thành kính dâng bột gỗ đàn hương cúng dường xá-lợi Phật. Anh thợ rừng thì làm một chiếc đĩa mặt trăng cũng bằng gỗ đàn hương và đặt trong tháp.

Chuyện hiện tại:

30B. Sa Môn Nguyệt Qauang

Khi hết kiếp, anh thợ rừng được sanh lên cõi trời trong khoảng thời gian giữa hai vị Phật Ca-diếp và Thích-ca. Vào thời Phật hiện tại, anh thọ sanh ở Vương Xá, trong nhà một người Bà-la-môn giàu có.

Từ rốn cậu bé phát ra vòng hào quang lớn bằng chiếc đĩa mặt trăng nên cậu được đặt tên Nguyệt Quang, Candàhà. Người ta nói đây là phước báo do anh đã cúng dường chiếc đĩa mặt trăng kia ở trong tháp Phật.

Một số Bà-la-môn nghĩ thầm: "Nếu chúng ta mang người này đi theo sẽ chinh phục được cả thế giới". Thế rồi họ cho anh ngồi lên một cỗ xe, mang đi khắp nơi, gặp ai cũng bảo: "Kẻ nào lấy tay sờ vào thân người Bà-la-môn này sẽ nhận được những quyền lực và những sự vinh hiển như thế, như thế".

Người ta trả một trăm đồng hoặc một ngàn đồng để được đặc ân sờ vào người Nguyệt Quang. Cứ lang thang như thế, một hôm họ vào thành Xá-vệ và nghỉ tại một nơi gần tinh xá Kỳ Viên.

Lúc ấy năm chục triệu thiện tín thành Xá-vệ đang cúng dường chư Tăng trước bữa điểm tâm. Sau bữa điểm tâm họ mang hương hoa, áo quần, thuốc men đến nghe Phật thuyết pháp. Các người Bà-la-môn thấy, hỏi:

- Các bạn đi đâu đó?

- Đến nghe đức Thế Tôn thuyết pháp.

- Lại đây này! Đến đằng kia được ích gì? Không có thần thông nào hơn thần thông của Bà-la-môn Nguyệt Quang của chúng tôi đây. Kẻ nào sờ vào thân vị ấy sẽ có những quyền lực và những sự vinh hiển như thế, như thế. Hãy đến chiêm ngưỡng.

- Thần thông của ông Bà-la-môn các người thì thấm vào đâu. Chỉ có đức Thế

Tôn mới có đại thần thông thôi.

Hai bên tranh cãi kịch liệt một hồi, rốt cuộc chẳng phe nào thắng. Nhóm người Bà-la-môn đề nghị:

- Chúng ta hãy đến tinh xá xem Nguyệt Quanh hay đức Thế Tôn của các người, ai có đại thần thông.

Đức Phật vừa thấy Nguyệt Quang liền khiến cho vòng hào quang biến mất, cho nên trước mặt đức Phật, anh chàng chẳng hơn gì một con quạ nằm trong thúng than. Những người Bà-la-môn vừa kéo Nguyệt Quang ra xa, vòng hào quang sáng rực trở lại như trước. Họ mang anh đến trước Phật, vòng hào quang biến mất. Cứ thế đến lần thứ ba, Nguyệt Quang thầm nghĩ: "Chắc chắn vị này giở huyễn thuật làm cho vòng hào quang của

ta mất đi". Anh hỏi Phật:

- Có phải Ngài biết chú thuật làm hào quang của tôi mất đi không?

- Đúng, ta biết chú thuật ấy.

- Xin Ngài hãy truyền chú thuật cho tôi.

- Chú thuật này không truyền cho người thế tục được.

Nguyệt Quang bèn nói với các người Bà- la-môn:

- Chừng nào ta học được chú thuật sẽ trở thành nhân vật siêu phàm nhất Diêmphù-đề này. Các người hãy ở lại chờ ta xuất gia, trong vài ngày thôi sẽ học được chú thuật.

Anh xin Phật xuất gia làm Sa-môn.

Đức Thế Tôn dạy đề mục thiền quán về ba mươi hai thứ cấu tạo nên thân, Nguyệt Quang hỏi:

- Cái này là sao ạ?

Phật dạy:

- Trước khi học chú thuật kia, phải học qua cái này.

Lâu lâu, những người Bà-la-môn lại đến hỏi:

- Anh đã học xong chú thuật chưa?

- Chưa, tôi còn đang học.

Chỉ vài ngày sau anh đắc quả A-la-hán.

Nhóm người Bà-la-môn đến nữa, anh bảo:

- Thôi, các ông hãy đi đi. Ta đã đến một nơi không bao giờ còn trở lại.

Các vị Tỳ-kheo bạch lên Phật câu chuyện:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối!

Đức Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo, ông ấy đã nói thật. Tỳ-kheo này không còn tham đắm các thú vụi thế gian.

Phật nói kệ:

(413) Như trăng, sạch không

uế, Sáng trong và tịnh lặng, Hữu ái được đoạn tận, Ta gọi Bà-la-môn.

31. Bảy Năm Trong Bụng Mẹ

Vượt đường nguy hiểm này ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang trú tại Kundadhàvana, gần Kundakoli, liên quan đến Tôn giả Sìli.

Thuở ấy, bà Suppavàsà thuộc dòng Câulợi, mang thai một đứa bé đến bảy năm. Lúc sanh nở, vì đứa bé nằm lệch, bà bị những cơn đau xé ruột, liền tự bảo: "Đức Thế Tôn thật là bậc Giác ngộ Tối thượng. Ngài đã giảng dạy cho ta con đường

thoát những khổ não như khổ này. Chúng tăng của Tăng đoàn đức Thế Tôn quả thật là những vị rất tinh tấn. Các Ngài đã nỗ lực diệt những khổ não như khổ này. Niết-bàn quả thực là an lạc, không còn những khổ não như khổ này".

Bà nhẫn chịu cơn đau nhờ những quán tưởng ấy. Rồi bà yêu cầu chồng đến hầu Phật, nhân danh bà xin đảnh lễ Ngài. Đảnh lễ xong, ông bạch Phật nguyện ước của bà. Phật nói:

- Chúc bà Suppavàsà, người phụ nữ trẻ dòng Câu-lợi, dồi dào sức khỏe. Chúc bà sanh con trai, khỏe mạnh, hạnh phúc.

Phật vừa chúc lành xong, bà Suppavàsà liền sanh một cậu bé trông thật hồng hào, vui tươi. Sau đó, bà thỉnh đức Phật cùng chư Tăng đến nhà cúng dường long trọng

suốt bảy ngày. Từ khi chào đời, con bà ngày ngày lo việc lọc nước cho chư Tăng. Thời gian sau cậu xuất gia làm Samôn và đắc A-la-hán.

Một hôm các thầy Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường:

- Chư huynh nghĩ coi! Một vị Sa-môn cao quí như vậy, đầy đủ khả năng chứng A-la-hán, phải chịu khổ suốt bảy năm trong bụng mẹ. Thầy ấy quả đã trải qua những thống khổ

ghê gớm.

Lúc ấy, đức Phật đi đến hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán chuyện gì?

Các thầy bạch Phật câu chuyện.

Phật dạy:

Này các Tỳ-kheo, đúng thật như vậy. Ông ấy giờ đây đã thoát hết các khổ, đạt đến Niết-bàn an lạc.

Ngài nói kệ:

(414) Vượt đường nguy hiểm này, Nhiếp phục luân hồi, si, Đến bờ kia thiền định, Không dục ái, không nghi, Không chấp trước, tịch tịnh, Ta gọi Bà-la-môn.

32. Cô Gái Giang Hồ Quyến Rũ Thầy Tỳ Kheo Sundarasamudda

Ai ở đời, đoạn dục ...

Đức Thế Tôn dạy những lời trên khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Mỹ Hải, Sundarasamudda.

Mỹ Hải, Sundarasamudda Kumàra, là một thanh niên người Xá-vệ, địa vị cao sang, sanh trưởng trong một gia đình giàu có, tài sản lên đến ức triệu. Một hôm, sau bữa ăn sáng, trông thấy dân chúng cầm hương hoa đến tinh xá Kỳ Viên nghe pháp, chàng hỏi:

- Các bạn đi đâu thế?

- Đi nghe đức Thế Tôn thuyết pháp.

- Tôi cũng đi nữa.

Chàng theo họ vào ngồi ở mé ngoài của chúng hội. Đức Phật biết được tư tưởng chàng nên giảng pháp theo thứ lớp từ

thấp đến cao. Mỹ Hải nghĩ: "Thật không thể nào làm chủ một gia đình mà giữ được phạm hạnh trọn vẹn thanh tịnh, bóng ngời như chiếc vỏ sò".

Bài pháp của Phật khiến chàng nức lòng, muốn xin xuất gia. Đợi chúng hội giải tán hết, chàng đến xin đức Phật cho gia nhập Tăng đoàn. Phật dạy:

- Như Lai chỉ nhận cho vào Tăng đoàn kẻ nào đã được cha mẹ cho phép.

Về đến nhà, cũng giống như chàng Ratthapàla và những người khác, chàng nỗ lực ráo riết, xoay sở đủ cách xin cho được phép của cha mẹ để xuất gia. Và chàng cũng được làm Sa-môn, gia nhập Tăng đoàn đức Phật. Thành Tỳkheo rồi, thầy làm tròn mọi bổn phận của một Tăng sĩ. Một hôm, thầy nghĩ: "Ta ở

lại đây phỏng có ích gì?". Thầy rời Kỳ Viên, đến thành Vương Xá, ngày ngày đi khất thực.

Một hôm, thành Xá-vệ mở lễ hội lớn. Cha mẹ thầy trông thấy bạn bè xưa của thầy vui chơi thỏa thích giữa các thứ xa hoa của ngày hội huy hoàng thì lòng buồn rười rượi. Hai ông bà khóc lóc, than thở:

- Ôi, con ta ngày nay đâu được hưởng những thứ vui này!.

Khi ấy, có một cô gái giang hồ sang trọng đến nhà họ chơi, thấy bà mẹ khóc, liền hỏi:

- Mẹ ơi, sao mẹ khóc?

- Tôi nghĩ đến con trai tôi hoài nên khóc.

- Nhưng thưa mẹ, anh ấy đâu?

- Xuất gia rồi, đang ở với các thầy Sa- môn.

- Chúng ta không thể kêu anh ấy về lại sao mẹ?

- Cũng được đấy. Nhưng nó có chịu đâu. Nó đã rời Xá-vệ đi Vương Xá rồi.

- Giả sử con kêu anh ấy về, mẹ sẽ cho con gì nào?

- Chúng tôi sẽ để cô làm nữ chủ gia sản này.

- Tốt lắm, mẹ hãy cho con tiền lệ phí.

Nhận được món tiền, cô mướn thật nhiều người hầy giúp việc, rồi lên đường đến

Vương Xá.

Cô hỏi thăm con đường Tôn giả thường đi khất thực và mua một ngôi nhà nơi đó để ở. Từ sáng sớm, cô lo chuẩn bị những món ăn thầy thường thích, và khi thấy thầy đi khất thực, cô đem đến cúng dường. Sau vài ngày, cô thưa:

- Bạch Đại đức, xin Ngài ngồi đây để dùng bữa.

Cô đưa tay xin bình bát và Tôn giả vui vẻ trao liền. Cô dọn cho thầy những món thật ngon, rồi thưa tiếp:

- Bạch Đại đức, hằng ngày đi khất thực, xin Đại đức cứ ghé lại đây. Ngài sẽ được vui lòng.

Dần dần, cô dẫn dụ được thầy đến ngồi ở

hàng hiên nhà cô, dùng những món ăn thích khẩu.

Ít hôm sau, cô kêu vài cậu bé vào cho ăn bánh để kết thân, rồi bảo:

- Này, mấy cháu! Khi nào thấy Tôn giả đến đây, các cháu kéo nhau tới nhé. Cứ tung bụi lên rõ nhiều. Cô rầy bảo thôi, các cháu cũng đừng thèm để ý.

Ngày mai lại, trong lúc Tôn giả đang dùng bữa, bọn trẻ đến đá bụi bay mù mịt. Cô chủ rầy la, bọn chúng vẫn trơ trơ. Hôm sau nữa, cô thưa:

- Bạch Đại đức, tụi nhỏ này tung bụi mù mịt thế này. Con rầy tụi nó cũng chẳng nghe. Xin Đại đức vào trong nhà ngồi.

Từ đó, cô mời Tôn giả vào luôn trong

nhà ngồi dùng bữa. Rồi cô lại đút lót bọn trẻ, dặn:

- Khi Tôn giả đang dùng bữa, các cháu chơi đùa thật ồn ào lên nhé. Cô có bảo thôi, các cháu đừng để ý.

Bọn trẻ làm y lời cô.

Hôm sau nữa, cô thưa:

- Bạch Đại đức, chỗ này ồn ào hết chịu nổi. Con đã làm đủ cách, bọn trẻ vẫn cứ ồn. Xin thỉnh Đại đức lên tầng trên.

Tôn giả bằng lòng. Cô liền leo lên tầng cao nhất của ngôi biệt thự, thúc hối thầy vào trước và cô theo sau đóng cửa lại. Từ trước, Tôn giả luôn luôn theo đúng lệ chỉ thọ nhận thực phẩm bằng cách khất thực từ cửa nhà này qua cửa nhà khác. Nhưng

bấy giờ, thầy bị con ma tham ăn quản thúc ghê gớm đến nỗi nghe theo lời cô gái điếm, leo lên tận tầng chót của ngôi nhà bảy tầng ấy. Cô mang ghế đến cho thầy ngồi.

Cô gái giang hồ trổ hết tài nghệ, giở tất cả thủ thuật làm duyên của các bà để quyến rũ thầy Tỳ-kheo. Sau cùng, cô đứng trước Tôn giả, đọc một đoạn thơ:

Móng chân sơn đỏ chót, Dép lê kỹ nữ mang, Xuân xanh chàng đang độ, Em cũng cùng lứa trang. Hạnh phúc xin chung hưởng, Chàng sẽ là của em, Nô lệ chàng, em hứa, Cùng nhau sống ấm êm. Rồi sau ngày xuân mất, Bỏ cuộc chơi ta về, Gậy cầm tay cùng chống, Tuổi già ôi

não nề.

Tôn giả bỗng chợt tỉnh: "Hỡi ôi! Ta đã phạm trọng giới! Ta đã hành động thiếu suy nghĩ". Thầy bàng hoàng lo sợ. Vừa lúc ấy, đức Phật đang ở tại Kỳ Viên cách Tôn giả bốn mươi lăm dặm. Ngài biết hết chuyện và mỉm cười. Tôn giả A-nan hỏi:

- Bạch Thế Tôn, vì sao Ngài cười?

- Này A-nan, tại tầng lầu cao nhất của một tòa biệt thự bảy tầng trong thành Vương Xá, đang xảy ra trận chiến giữa thầy Tỳ-kheo Mỹ hải và một cô gái giang hồ.

- Bạch Thế Tôn, ai sẽ thắng? Ai sẽ thua?

- A-nan, thầy Tỳ-kheo Mỹ Hải sẽ thắng, cô gái giang hồ thua.

Nói xong, vẫn an nhiên tại chỗ, đức Phật phóng quang ảnh hiện thân đến trước Tỳ-kheo Mỹ Hải và nói:

- Này Tỳ-kheo, hãy xa lìa các thứ tham ái, hãy cởi bỏ mọi dục vọng.

Rồi Ngài nói kệ:

(415) Ai ở đời đoạn dục, Bỏ nhà, sống xuất gia, Dục hữu được đoạn tận, Ta gọi Bà-lamôn.

* Chú Giải trong Nguyên Bản:Kẻ nào ngay trong đời này diệt trừ được hai thứ tham ái, xa lìa thế tục, kẻ đã dập tắt lửa tham dục, đoạn dứt sanh tử, ta gọi

kẻ ấy là Bà-la-môn.

Phật nói kệ xong, Tôn giả Mỹ Hải đắc Ala-hán, dùng thần thông bay lên trời, xuyên qua nóc nhà cô gái điếm, trở lại thành Xá-vệ, đảnh lễ tán thán Phật thân.

Hôm ấy, các thầy Tỳ-kheo tụ họp bàn tán trong Pháp đường:

- Này chư huynh, chỉ vì vị ngon ngọt của lưỡi mà Tôn giả Mỹ Hải suýt nữa tiêu vong, may nhờ đức Thế Tôn giải cứu.

Đức Phật nghe vậy, bảo:

_ Này các Tỳ-kheo, đây chẳng phải lần đầu tiên ta giải cứu ông ấy thoát khỏi dây trói buộc của vị trần. Trong một kiếp trước cũng đã xảy ra chuyện tương tự.

Theo lời thỉnh cầu của chúng Tỳ-kheo, muốn sáng tỏ vấn đề, Ngài kể chuyện:

Chuyện quá khứ:

Cơn Linh Dương Bị Sa Bẫy Mật, Truyện Tiền Thân Vàtamiga.

(Sanjaya, vị quan coi vườn Thượng uyển của vua xứ Ba-lanại, bôi mặt lên cỏ để nhử một con linh dương hoang vào vườn. Sau đó, ông dùng mật nhử tiếp linh dương vào cung vua và bắt được nó).

Người đời có câu rằng:

Không gì nguy hiểm hơn, Cuốn lôi của vị giác, Dù đang ở gia

đình, Hay tại nhà bạn hữu. Dùng miếng ngon mồi bẫy, Sanjaya nhử luôn, Linh dương vô cung cấm, Nhốt chân, chạy hết đường.

Đức Phật kể xong chuyện tiền thân Vàtamiga liền giải thích:

- Lúc ấy Tỳ-kheo Mỹ Hải là con linh dương, vị quan đại thần nói câu kệ khiến linh dương được thả chính là Ta.

(Xem tiếp Phần 3)

XXVI. Phẩm Bà La Môn (3) 33. Jotika Và Jatila Ai ở đời đoạn ái ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Jatila.

Chuyện quá khứ:

33A. Aparàjita, Tiền Thân Của Jotika

Ngày xưa, ở xứ Ba-la-nại có hai anh em điền chủ trồng được một ruộng mía thật lớn. Một hôm người em thăm mía, nghĩ thầm: "Mình sẽ chặt cho anh ấy một cây, còn mình ăn một cây". Chàng chặt hai cây mía, bịt kín chỗ vừa chặt lại để nước mía khỏi chảy mất rồi cầm về nhà. Ngay khi người em chặt mía đem về nhà, tại Gandhamàdana có một vị Phật Độc Giác xuất định, thầm nghĩ: "Hôm nay ta sẽ độ ai đây?" Và Ngài quan

sát thấy người điền chủ. Biết rõ chàng có khả năng bố thí, đức Phật Độc Giác đắp y

mang bát dùng thần thông hiện đến trước mặt. Người em trông thấy Ngài lòng rất hoan hỉ. Chàng trải áo khoác lên chỗ đất cao, thưa:

- Bạch Ngài, thỉnh Ngài an tọa.

Và chàng bạch tiếp:

- Xin Ngài đưa bát cho con.

Chàng mở chỗ bịt cây mía, đưa lên cao và dốc vào bình bát đức Phật, nước mía chảy ra đầy bát. Ngài dùng xong, người em lại nghĩ: "Thật may mắn cho ta, vị thầy cao quý của ta đã dùng hết bát mía. Nếu anh mình đòi tiền cây mía của ổng, ta sẽ trả. Còn nếu ổng đòi được hưởng phần phước đức cúng dường, ta sẽ hồi hướng cho ổng". Thế là chàng bạch Phật:

- Bạch Ngài, xin Ngài đưa bình bát cho con lần nữa.

Chàng mở chỗ bịt, dốc cây mía thứ hai, trút nước vào bình bát Phật. Hình như chàng không hề nghĩ: "Anh mình sẽ kiếm chặt cây mía khác để ăn".

Vì đã dùng xong một bát rồi, vị Phật Độc Giác muốn chia xẻ nước mía cây thứ hai cho các vị Phật khác. Ngài ngồi xuống chỗ cũ. Hiểu ý, người em gieo năm vóc sát đất, đảnh lễ Ngài, phát nguyện:

- Bạch Ngài, với công đức cúng dường này con xin được hưởng lạc thú ở cõi trời và cõi người, và sau cùng, xin cho con đạt đến chỗ Ngài đã chứng đắc.

Đức Phật đáp:

- Sẽ được vậy.

Để hồi hướng công đức, Ngài đọc hai bài kệ bắt đầu bằng câu: "Nguyện cho tất cả mong cầu của thí chủ thành tựu viên mãn".

Xong, Ngài bay lên không trung đến Gandhamàdana và phân chia bát nước mía cho năm trăm vị Phật Độc Giác.

Chứng kiến cảnh vi diệu ấy, người em về gặp anh, người anh hỏi:

- Nãy giờ chú đi đâu?

- Em ra thăm ruộng mía.

- Chú ra ruộng mía mà không đem cây nào về ăn?

- Có anh ạ, em mang về hai cây, gặp một vị Phật Độc Giác em đã cúng dường cây của em. Rồi em nghĩ sẽ trả tiền cây mía thứ hai của anh cho anh, hoặc sẽ hồi hướng phần phước đức cho anh, nên em cúng luôn Ngài. Nào, anh định lấy tiền hay phước đức?

- Vị Phật ấy đã đáp lại ra sao?

- Ngài dùng bát nước mía cây thứ nhất và bay lên không mang bát nước cây thứ hai về Gandhamàdana chia cho năm trăm vị Phật Độc Giác khác.

Nghe xong rồi, người anh vô cùng hoan hỉ. Chàng phát nguyện:

- Với phước đức cúng dường này, con xin được chứng đắc đạo quả như vị Phật Độc Giác ấy.

Trong khi người em nguyện ba điều, chàng chỉ nguyện một câu được đắc A- la-hán.

Lúc mãn kiếp, hai anh em đều sanh lên cõi trời và sống suốt thời gian giữa hai vị Phật. Khi họ ở cõi trời, đức Phật Tỳ-bàthi xuất hiện ở thế gian. Hết phước cõi trời hai người tái sanh trong một gia đình Trưởng giả ở Bandhumatì, cũng làm anh em. Cha mẹ đặt tên cho người anh là Sena, em là Aparàjita.

Đến tuổi trưởng thành, cả hai người đều lập gia đình. Một hôm, gia chủ Sena nghe tin truyền khắp thành Bandhumatì.

- Phật bảo đã xuất hiện ở thế gian, Pháp bảo đã xuất hiện ở thế gian. Tăng bảo đã xuất hiện ở thế gian. Hãy bố thí cúng dường và tạo phước. Hãy ăn chay vào

các ngày mồng 8, 14 và rằm. Hãy đi nghe thuyết pháp.

Sena thấy dân chúng kéo nhau đi cúng dường vật thực trước bữa điểm tâm, và sau bữa điểm tâm, họ lại lũ lượt đi nghe pháp. Ông hỏi:

- Các vị đi đâu thế?

- Đi nghe đức Thế Tôn thuyết pháp.

- Tôi cũng đi nữa.

Chàng theo chân đám đông đến ngồi vòng ngoài pháp hội. Đức Phật biết được tư tưởng ông liền giảng pháp từ thấp đến cao. Nghe rồi, Sena muốn xuất gia làm Sa-môn nên thỉnh cầu Phật nhận ông vào Tăng đoàn.

Đức Phật hỏi:

- Này thiện nam tử, ông có bà con quyến thuộc gì cần phải xin phép trước không?

- Bạch Thế Tôn, có ạ.

- Vậy ông hãy đến xin phép rồi trở lại gặp Ta.

Sena về nhà bảo em trai:

- Tất cả gia tài này từ đây thuộc về chú.

- Ủa, còn anh thì sao?

- Ta định xuất gia làm Sa-môn đệ tử Phật.

- Thưa huynh trưởng, anh nói gì thế? Khi mẹ mất, anh là mẹ em. Khi cha mất, anh

là cha em. Gia sản chúng ta rất lớn. Người ta vẫn có thể sống đời cư sĩ và làm việc phước thiện chứ. Xin anh đừng xuất gia.

- Ta đã nghe đức Thế Tôn giảng pháp, và ta không thể tu hành đúng pháp nếu còn sống lẫn lộn với người thế tục. Ta đã nhất quyết xuất gia làm Sa-môn rồi chú ạ. Thôi, chú về đi.

Sena ra lịnh bảo em về nhà rồi, liền đến tinh xá xin Phật xuất gia. Chàng được thọ cu túc giới và chẳng bao lâu đắc quả A-lahán.

Người em suy nghĩ: "Ta sẽ theo lệ thường cúng dường nhân dịp anh xuất gia". Suốt bảy ngày chàng cúng dường vật thực cho đức Phật và chư Tăng.

Xong, chàng đảnh lễ anh và thưa:

- Bạch Ngài, Ngài đã được ra khỏi sanh tử luân hồi, con thì còn bị ngũ dục ràng buộc, chưa thể xuất gia làm Sa-môn. Xin Ngài dạy cho biết, con nên làm việc gì, để được phước đức lớn trong lúc sống đời cư sĩ như vầy.

- Hay lắm. Chú hãy cất một hương thất cho đức Thế Tôn.

- Dạ được.

Chàng cho mua đủ các loại gỗ, đẽo gọt bào chuốt thành cột, kèo, v.v.. để cất thất. Ván gỗ đều khảm vàng, bạc, châu ngọc, và rồi một hương thất rực rỡ toàn bằng gỗ khảm bảy báu đã hoàn thành. Mái thất cũng lợp ngói khảm bảy báu.

Trong lúc hương thất đang được thi công xây dựng, người cháu mang cùng tên với chàng, Aparàjita đi đến nói:

- Thưa chú, cháu cũng muốn đóng góp chút đỉnh. Chú hãy cho cháu kiếm phước với nhé.

- Cháu thân mến, chú không thể đáp ứng yêu cầu của cháu được. Chú định cúng dường một công trình mà phần phước đức không thể chia sẻ cho ai.

Người cháu cố nài nỉ vẫn không được. Sau đó, nghĩ rằng trước hương thất cần một chuồng voi, anh ta bèn cất một cái toàn bằng bảy báu. Trong kiếp hiện tại, người cháu ấy thọ sanh làm quan chưởng khố Ram ở Mendaka.

Hương thất có ba cửa sổ thật rộng cũng

toàn bằng bảy báu. Bên dưới các cửa sổ, người chú Aparàjita cho xây ba bể trồng hoa sen, bên ngoài bể còn được tô thêm một lớp vữa Stucco. Bể xây rồi, chàng cho đổ đầy bốn loại nước thơm và trồng năm màu hoa sen khác nhau. Chót vót trên đỉnh tháp nhọn hình quả chuông của ngôi hương thất, người ta đặt một chiếc bát bằng vàng trong đựng đầy phấn hoa để khi đức Phật ngồi bên trong, gió sẽ mang phấn hoa rải khắp kim thân Ngài. Đỉnh tháp bằng san hô, dưới cẩn ngói nạm bảy báu, lộng lẫy uy nghi như một con công đang xòe cánh múa.

Những loại châu ngọc nào trong thất bảo có thể tán thành bột được, Aparàjita cho tán hết ra rải khắp hương thất. Còn những loại không tán được, chàng đổ đầy bên trong và bên ngoài hương thất ngập đến đầu gối.

Hoàn tất mọi việc rồi, chàng đi gặp vị Sa-môn anh mình, thưa:

- Bạch Ngài, hương thất đã cất xong. Con muốn thỉnh đức Thế Tôn đến nạp thọ cho con được ân triêm công đức.

Tôn giả vào bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, cư sĩ này đến trình rằng đã cất xong một hương thất và xin thỉnh Thế Tôn đến nạp thọ.

Đức Phật đi đến cửa hương thất liền dừng lại nhìn ngắm đám châu ngọc rải đầy trong thất. Aparàjita bạch:

- Bạch Thế Tôn, thỉnh Ngài vào.

Chàng thưa thỉnh ba lần, đức Phật vẫn đứng yên lặng. Không biết tính sao,

chàng đưa mắt ngó anh.

Tôn giả hiểu ý, bảo em:

- Này em, hãy đứng trước Ngài và thưa như vầy: "Đức Thế Tôn là nơi nương tựa duy nhất của con. Xin thỉnh Ngài an trú tại hương thất này".

Vâng lời, chàng đến gieo năm vóc sát đất, đảnh lễ Phật và bạch:

- Bạch Thế Tôn, như người sau khi ẩn trú qua đêm dưới gốc cây, ra đi không chút bận tâm về cây, như người khi qua sông bỏ lại bè sau lưng không thắc mắc, con thỉnh cầu đức Thế Tôn an trú trong ngôi nhà này, chẳng phải bận lòng với đám châu báu.

Tại sao đức Phật dừng lại ở cổng? Người

ta nói rằng Ngài nghĩ: "Dân chúng sẽ kéo đến gặp Như Lai trước và sau bữa điểm tâm. Nếu họ kiếm cách lấy châu ngọc đi, chúng ta không thể ngăn họ. Nhưng thí chủ này biết đâu lại nghĩ: Thính chúng của Ngài lấy hết của báu trong hương thất mà Ngài chẳng có ý cản trở. Ông ta sẽ đem lòng oán hận Ta và phải đọa địa ngục". Thế nên, sau lời tác bạch của Aparàjita, đức Phật liền tiến vào thất.

Aparàjita cho người gác quanh hương thất với lịnh:

- Những kẻ nào có ý giấu châu ngọc trong quần áo hoặc lấy thúng, giỏ đựng, các ông phải ngăn lại. Còn ai hốt nắm trong tay, hãy cho họ đi.

Chàng loan truyền khắp thành:

- Ta đã rải đầy bảy báu trong hương thất đức Thế Tôn. Người nào đến nghe pháp có thể lấy một ít. Người nghèo được hốt đầy hai nắm tay. Người khá giả được hốt một nắm.

Sở dĩ như vậy vì chàng tính: "Những kẻ có đức tin chỉ đến để nghe pháp. Người chưa tin sẽ do lòng tham của cải dẫn dụ mà đến, được nghe pháp rồi cũng sẽ thoát khổ". Từ ý

định muốn lợi lạc chúng sanh, chàng cho rao những lời trên.

Người người đi nghe pháp đều lấy châu báu theo đúng qui định của vị thí chủ. Chàng cho đổ thêm châu ngọc đầy như cũ một lần, hai lần, roià ba lần. Dưới chân Phật, chàng để một viên ngọc thật lớn, rất quí giá, với ý nghĩ: "Kẻ nào biết chiêm ngưỡng ánh hào quang chói sáng từ kim thân Phật sẽ chẳng ưa thích gì ánh

sáng viên ngọc quý này". Và quả thật những ai trông thấy đức Phật rồi chẳng màng nhìn nhõ gì đến viên ngọc nữa.

Một hôm, có người Bà-la-môn tà kiến tự nghĩ: "Người ta nói có viên ngọc quý đặt ở chân Phật. Ta có thể lấy nó". Hắn đến hương thất trà trộn vào đám đông đảnh lễ đức Phật. Aparàjita chỉ nhìn cung cách hắn đã biết hắn có ý chiếm viên ngọc, liền nghĩ: "Ta hy vọng hắn sẽ không lấy".

Người Bà-la-môn sải tay về phía chân đức Phật, làm bộ như đảnh lễ Ngài, nhón lấy viên ngọc cho vào áo và đi ra.

Vị thí chủ không còn giữ được sự bình thản đối với người Bà-la-môn. Buổi thuyết pháp vừa xong, chàng đến trước Phật, thưa:

- Bạch Thế Tôn, đã ba lần con để châu báu đầy hương thất ngập đến đầu gối. Con chẳng hề có ý tức giận những người lấy châu báu đi, trái lại con rất hoan hỉ. Nhưng hôm nay con lại nghĩ: "Hy vọng người Bà-la-môn kia không lấy viên ngọc quí khi hắn vào trong". Đến lúc thấy hắn lấy viên ngọc đi thật, con không thể giữ nổi bình tĩnh.

Nghe xong, đức Phật bảo:

- Này thiện nam tử, người không thể ngăn cản những người khác lấy của cải của ngươi ư?

Và Ngài dạy chàng một cách. Aparàjita vâng lời, đảnh lễ Phật, phát nguyện:

- Từ nay trở đi, xin cho vua hoặc kẻ trộm dù đông đảo đến mấy cũng không lấy

được gia sản con dù một sợi chỉ. Xin cho tài sản con không bao giờ bị lửa đốt, hoặc bị nước cuốn trôi.

Đức Phật nói:

- Sẽ được vậy.

Và Ngài hồi hướng công đức cho thí chủ.

Đến ngày khánh thành hương thất, Aparàjita cúng dường vật thực và rất nhiều quà tặng cho sáu triệu tám trăm ngàn vị Tỳ-kheo của tinh xá suốt chín tháng. Hết kỳ cúng dường chàng cúng thêm mỗi vị Tỳ-kheo ba y, và cúng nhiều khúc vải may y cho vị Sa-di của Tăng đoàn đáng giá đến một ngàn đồng. Làm việc phước thiện như vậy đến mãn kiếp, chàng được tái sanh lên cõi trời. Sau nhiều kiếp ở cõi trời và cõi người, vào

thời đức Phật hiện tại, chàng sanh vào nhà một quan chưởng khố ở Vương Xá, và ở trong thai mẹ chín tháng rưỡi.

Chuyện hiện tại:

33B. Quan Trưởng Khố Jotika

Vào ngày chàng chào đời, tất cả binh khí trong thành đều xẹt lửa, châu ngọc đeo trên người dân trong thành cũng phát sáng như muốn bốc cháy, cả thành đều sáng rực. Sơm mai ấy, quan chưởng khố vào cung chầu vua. Đức vua hỏi:

- Hôm nay tất cả binh khí đều xẹt lửa, cả thành đều phát sáng. Khanh biết lý do vì đâu không?

- Muôn tâu, hạ thần biết lý do.

- Gì vậy, quan chưởng khố?

- Dạ hôm nay một thần dân của bệ hạ vừa chào đời tại nhà hạ thần. Hiện tượng này xảy ra do phước đức của nó.

- Không biết sau này nó có thành tướng cướp không đây?

- Tâu bệ hạ, không có chuyện ấy. Người vừa chào đời hôm nay phước rất lớn, do một lời phát nguyện.

- Thế thì chú bé phải được nuôi dưỡng chu đáo. Đây là số tiền trẫm cấp cho khanh mua sữa cho nó.

Vua cấp quan chưởng khố mỗi ngày một ngàn đồng tiền vàng. Đến ngày đặt tên, chú được gọi là Jotika, kỷ niệm lúc chú chào đời ánh sáng rực rỡ khắp thành.

Đến tuổi Jotika lập gia đình, người ta lo dọn đất cất nhà mới, vua Đế Thích thấy ngai vàng nóng lên: "Chuyện gì đây?" Ngài quan sát biết được họ đang sửa soạn cất nhà cho Jotika, liền nghĩ: "Người thanh niên này sẽ không ở trong ngôi nhà họ cất. Ta có bổn phận phải đến đây".

Ngài cải trang thành thợ mộc xuống chỗ bọn người đang làm:

- Các ông làm gì thế?

- Chúng tôi sửa sang đất đai để cất nhà cho Jotika.

- Thôi, đi đi. Các ông chẳng xây được nhà cho ông ấy đâu.

Đế Thích chỉ nhìn mảnh đất rộng đến

mười sáu karìsa một lần, lập tức nó trở nên bằng phẳng. Ngài nhìn thêm một lần nữa, nghĩ: "Đấy hãy nứt ra và mọc lên cho ta một tòa lâu đài bảy tầng toàn bằng bảy báu".

Một tòa lâu đài như vậy hiện ra. Đế Thích lại nhìn lần thứ ba, nói thầm: "Hãy mọc cho ta bảy bức tường bao quanh tòa lâu đài". Các bức tường liền hiện ra. Đế Thích lại nhìn một lần nữa: "Các cây như ý hãy mọc lên thành vòng bao quanh các tường". Cây liền hiện ra. Đế Thích nhìn một lần nữa: "Hãy hiện cho ta bốn vạc đầy châu báu tại bốn góc chân tòa lâu đài". Bốn vạc châu báu liền có.

Trong số các vạc châu báu, có vạc rộng gần năm cây số, có vạc rộng hơn ba cây số, vạc thì hơn hai cây số, và vạc cuối cùng rộng một cây số. Trường hợp Phật

ra đời, các vạc châu báu xuất hiện có đường kính miệng bằng nhau, còn đường kính ở đáy bằng chu vi quả đất. Đường kính các vạc châu báu xuất hiện tại nhà Jotika không biết rõ được bao nhiêu. Khi chúng hiện ra, châu ngọc đầy ngập giống như hạt thốt nốt căng đầy cơm khi ta cắt bỏ chỗ vỏ đầu hạt vậy. Ngoài ra, tại bốn góc tòa lâu đài còn xuất hiện bốn cây mía bằng vàng, mập mạp như những cây thốt nốt tơ đang độ lớn. Lá mía toàn bằng ngọc quý, thân mía bằng vàng. Người ta cho rằng những cây mía này biểu hiện phước đức của Jotika gieo trồng trong kiếp trước. Bảy lớp cửa tòa lâu đài do bảy dọa xoa canh phòng. Cửa thứ nhất do dạ xoa Jamakolì canh cùng một ngàn quyến thuộc. Cửa thứ hai do dạ xoa Uppala canh với hai ngàn quyến thuộc. Cửa thứ ba do Vajira và ba ngàn quyến thuộc. Cửa thứ tư doVajirabàhu và

bốn ngàn quyến thuộc. Cửa thứ năm do dạ xoa Kasakanda và năm ngàn quyến thuộc. Cửa thứ sáu do dạ xoa Katattha và sáu ngàn quyến thuộc. Cửa thứ bảy do dạ xoa Disàpàmukha và bảy ngàn quyến thuộc. Vậy là tòa lâu đài được canh phòng chặt chẽ cả trong lẫn ngoài. Vua Bình Sa Vương nghe Jokita làm chủ tòa lâu đài bảy tầng bằng bảy báu, có bảy lần tường và cửa bao quanh, và bốn vạc châu báu ở bốn góc, liền ban cho chàng chiếc lọng chưởng khố. Từ đó, người ta gọi chàng là quan chưởng khố Jotika.

Thuở ấy, có một phụ nữ từng làm việc phước thiện với quan chưởng khố Jotika, tái sanh ở Uttarakuru. Chư Thiên mang cô đến ở trong một căn phòng lộng lẫy chẳng kém cung vua, trong tòa lâu đài của Jotika. Cô gái chỉ mang theo làm của hồi môn một nồi gạo chừng nửa lít và ba

miếng kính cháy đỏ. Từ đấy, nồi gạo cung cấp đủ cơm cho gia đình Jotika ăn đến hết đời. Người ta kể, nếu họ muốn đổ đầy cơm lên một trăm cỗ xe, nồi gạo vẫn không vơi đi chút nào. Mỗi khi cần nấu, họ chỉ việc lấy gạo cho vào nồi đặt lên ba miếng kính. Chúng cháy đỏ rực lên, khi cơm chín chúng liền tắt. Muốn nấu nước xốt hay món cà-ri, họ cũng làm theo cách ấy. Tất cả thức ăn của gia đình đều chỉ nấu bằng ba tấm kính. Họ sống trong ánh sáng của châu ngọc quí, không biết đến ánh lửa hay đèn.

Tiếng đồn về sự giàu có vinh hiển của quan chưởng khố Jotika lan khắp xứ Diêm-phù-đề. Người người lũ lượt kéo nhau di trên những cỗ xe ngựa và đủ thứ xe cộ khác để đến xem. Quan chưởng khố cho lấy thứ gạo mang từ Uttarakuru nấu cháo yến mạch thết đãi tất cả khách

khứa ăn uống thỏa thích. Ông còn loan báo:

- Mọi người được phép tự do lấy quần áo và châu ngọc trên các cây như ý.

Vị thí chủ sai mở vạc châu báu lớn hơn một cây số, phân phát khắp nơi: "Xin mời bà con cứ lấy đủ số châu báu mình cần".

Dân chúng Diêm-phù-đề tha hồ hỉ hả khuân vác vàng ngọc đi rồi, vạc châu báu chẳng vơi một ly nào. Người ta cho đây là phước báo do Jotika đã rải đầy châu ngọc trong hương thất Phật. Số người kéo đến lâu đài Jotika để lấy áo quần, châu ngọc, tiền bạc,

đông đảo đến nỗi lúc ấy, vua Bình Sa Vương muốn đến xem tòa lâu đài cũng đành chịu. Dần dà, chán chê rồi số người xem từ từ giảm bớt. Vua

Bình Sa Vương bèn bảo phụ thân Jotika:

- Trẫm muốn xem lâu đài của con khanh.

- Tâu bệ hạ, xin vâng.

Ông về nhà kêu Jotika:

- Này con, đức vua muốn đến xem lâu đài của con đấy.

- Dạ, tốt thôi, thưa cha. Mời Ngài cứ đến.

Vua ngự giá đến cùng đoàn tùy tùng đông đảo. Ở cổng thứ nhất của tòa lâu đài, một cô nô lệ có nhiệm vụ quét rác. Thấy vua, cô đưa tay ra đỡ. Lầm tưởng là một bà vợ của quan chưởng khố, vua Bình Sa Vương khiêm tốn từ chối, không chịu đặt tay lên cánh tay cô. Tại các cổng khác cũng có những cô nô lệ giống hệt

như thế đưa tay đỡ vua, vua cũng lầm tưởng là vợ quan chưởng khố nên không chịu vịn tay.

Jotika ra lạy chào vua, đứng sau lưng, thưa:

- Tâu bệ hạ, xin rước bệ hạ vào.

Nhưng vua nhìn xuống mặt đất khảm châu ngọc và thấy như đó là một các hố đầy vàng ngọc sâu thăm thẳm, sâu bằng số một trăm người chồng chất lên nhau. Vua nghĩ: "Người nào đào hầm bẫy ta". Ngài không dám bước chân tới.

Jotika tiến lên, thưa:

- Tâu bệ hạ, đây chẳng có hầm hố gì cả. Xin bệ hạ bước theo sau hạ thần.

Vua đi lên dấu chân Jotika, rồi từ từ mạnh dạn đi quanh lâu đài, nhìn ngắm từ tầng thấp đến tầng cao nhất.

Lúc ấy, Thái tử A-xà-thế cũng nắm tay cha đi xem. Thái tử nghĩ thầm: "Phụ vương quả thật quá ngốc. Tên Jotika này tuy chỉ là một gia chủ bình thường cũng có được tòa lâu đài bảy báu để ở. Còn phụ vương làm vua lại chỉ có một ngôi nhà gỗ. Ta sẽ lên làm vua ngay, và chẳng để cho gia chủ này ở trong lâu đài một giây nào nữa đâu".

Vua lên đến tầng chót đã gần đến giờ ăn sáng, liền bảo:

- Này quan đại thần, chúng ta hãy dùng bữa ở đây.

- Tâu vâng, hạ thần cũng sắp xếp như

thế. Đồ ngư thiện đã được chuẩn bị sẵn sàng để dâng bệ hạ.

Vua tắm bằng mười sáu bình nước thơm. Xong, Ngài ngồi trên chiếc sập riêng của Jotika, dưới mái đình cẩn ngọc. Người hầy dâng vua nước rửa tay và dọn món cháo yến mạch đặc trong chiếc đĩa vàng đáng giá đến một ngàn đồng, để trước mặt vua. Tưởng

đó là món chính, vua định ăn. Quan chưởng khố vội tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, đây chưa phải món ăn, chỉ là cháo yến mạch đặc.

Người hầu lúc ấy dâng tiếp món ăn chính đựng trong chiếc đĩa vàng khác, đặt lên đĩa cháo yến mạch. Người ta cho rằng làm như thế, món ăn sau có hương vị tuyệt hảo. Nhà vua dùng rất ngon miệng, đến nỗi đủ rồi mà vẫn cứ ăn.

Quan chưởng khố sụp lạy, chấp tay cung kính thưa:

- Tậu bệ hạ, chứng ấy là đủ. Cúi xin bệ hạ dừng lại. Nếu không, bệ hạ sẽ không tiêu nổi.

Vua hỏi:

- Này gia chủ, tại sao khanh chê trách thức ăn mình?

- Muôn tâu, hạ thần chẳng dám có ý chê trách. Tất cả đoàn tùy tùng của bệ hạ đều được hạ thần đãi cùng món yến mạch và cà-ri này. Nhưng hạ thần lo cho bệ hạ.

- Sao?

- Nếu lỡ gặp lúc bệ hạ không được khỏe, người ta sẽ nói: "Hôm qua vua ngự thiện

ở nhà quan chưởng khố. Chắc quan cho làm món ăn sao đó mới ra nông nỗi". Muôn tâu, hạ thần sợ những lời ấy lắm.

- Thôi được. Dẹp thức ăn đi và đem nước cho trẫm.

Nhà vua dùng bữa xong thì đoàn tùy tùng mới được thết đãi, cũng những món ấy.

Trong khi vui vẻ trò chuyện với quan chưởng khố, vua hỏi:

- Này khanh, không có bà vợ nào của khanh sống tại lâu đài này ư?

- Muôn tâu, có ạ.

- Phu nhân đâu?

- Muôn tâu, bà ấy đang nghỉ trong phòng, không hay có bệ hạ đến.

(Mặc dù vua và đoàn tùy tùng tới chơi từ sáng sớm, phu nhân quan chưởng khố không hề hay biết)

Quan chưởng khố nghĩ: "Rõ ràng đức vua muốn gặp phu nhân".

Ông đến phòng vợ, bảo:

- Đức vua đã đến Chẳng phải bà có bổn phận đi chào đức vua sao?

Phu nhân vẫn nằm yên không nhúc nhích, chỉ hỏi:

- Ông à, người ông kêu là vua ấy là ai?

- Là quốc vương của chúng ta.

Phu nhân có ý bất mãn:

- Chúng ta còn có vị quốc vương đầy đủ uy quyền đối với chúng ta, nghĩa là việc phước thiện chúng ta đã làm có phần nào lỗi lầm trong ấy. Chắc chúng ta đã thiếu lòng tin, nên vinh hiển như vầy vẫn phải làm thần dân người khác. Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta đã cúng dường thiếu lòng tin, và đây là quả báo.

Trút xong sự bất bình, phu nhân hỏi tiếp:

- Ông à, giờ tôi phải làm gì?

- Bà cầm quạt thốt nốt này đến quạt hầu đức vua.

Trong lúc đứng quạt, mùi nước hoa từ long bào vua bay vào mắt làm phu nhân chảy hai dòng lệ. Vua thấy, bảo quan

chưởng khố:

- Này khanh, đàn bà thật kém thông minh. Chắc phu nhân đang nghĩ: "Nhà vua sẽ đoạt hết của cải chồng ta" nên sợ mà khóc đấy. Khanh hãy bảo bà ấy yên tâm. Trẫm chẳng hề khao khát của cải nhà khanh.

- Muôn tâu, không phải bà ấy khóc ạ.

- Vậy thì sao?

- Dạ, chỉ vì mùi nước hoa trên long bào bệ hạ nồng quá làm bà ấy chảy nước mắt thôi. Thật sự, bà ấy chưa bao giờ gần ánh đèn hoặc gần lửa. Khi ăn, khi ngồi, khi nghỉ ngơi cũng chỉ dưới ánh sáng châu ngọc. Muôn tâu, chắc bệ hạ vẫn sử dụng ánh đèn?

- Đúng vậy.

- Tâu bệ hạ, từ hôm nay xin mời bệ hạ thử sử dụng ánh sáng châu ngọc.

Quan chưởng khố dâng vua một hòn ngọc cực lớn. Vua ngắm nhìn ngôi nhà hồi lâu, tự nghĩ: "Jotika quả giàu thật".

Rồi Ngài từ giã.

Chuyện hiện tại:

33C. Tôn Giả Jatila

Bây giờ nói đến chuyện Jatila.

Thuở ấy, tại xứ Ba-la-nại có quan chưởng khố sinh được cô con gái vô cùng diễm lệ. Khi nàng chừng mười lăm, mười sáu tuổi, cha mẹ buộc phải ở trên

tầng cao nhất của tòa lâu đài bảy tầng, trong một căn phòng đẹp không kém cung vua, và chỉ để cô tớ gái ở cùng, canh chừng nàng. Một hôm, mỹ nhân vừa ngước mắt nhìn ra cửa sổ, thần Vijjàdhara bay ngang trông thấy liền say mê nàng. Thần bay qua cửa sổ vào phòng, cùng nàng chung chăn gối. Chẳng bao lâu, nàng thọ thai. Cô tớ gái biết, hỏi:

- Thưa tiểu chủ, thế này là sao?

- Ôi, em đừng nói với ai!

Cô sợ, bèn giữ êm. Mười tháng sau cô chủ sanh một đứa bé trai. Nàng sai mua một chiếc thùng mới đặt đứa nhỏ vào phủ tràng hoa lên trên, biểu cô tớ gái:

- Em hãy đội thùng ra sông Hằng và thả

trôi giùm ta.

Nàng dặn thêm:

- Nếu có ai hỏi thùng đựng gì, cứ nói đồ tạ lễ của ta dâng cúng!

Cô tớ gái làm y theo lời chủ.

Dưới hạ lưu sông Hằng, hai phụ nữ đang tắm. Trông thấy chiếc thùng mới bị dòng nước cuốn phăng phăng, một bà kêu lên:

- Cái thùng ấy của tôi đa nghen.

Bà kia la tiếp:

- Trong thùng có cái gì là của tôi đó.

Thùng trôi đến chỗ hai bà. Họ vớt lên và mở ra, thấy chú bé. Bà thứ nhất nói:

- Thằng bé này của tôi. Tôi có nói chiếc thùng ấy của tôi.

Bà kia cãi:

- Nó là của tôi chứ. Tôi đã nói trong thùng có cái gì thì thuộc về tôi mà.

Hai bà tranh cãi mãi, sau bèn kéo nhau ra tòa. Các vị quan tòa cũng bất lực, không dàn xếp nổi nên đưa lên triều đình. Vua lắng nghe hai bà cãi lý rồi phán:

- Bà này lấy đứa nhỏ. Bà kia lấy chiếc thùng.

Người phụ nữ được đứa bé lại là một thí chủ của Tôn giả Mahà Kaccàna. Bà nuôi chú bé với ý định: Ta sẽ cho thằng bé gia nhập Tăng đoàn của Tôn giả.

Ngày lễ sinh nhật đến, cậu được đem tắm cho thật sạch những vết do sanh sản, tóc cậu bỗng biến thành bím, do đó cậu được đặt tên Jatila. Khi cậu bé bắt đầu biết đi, Tôn giả đến nhà khất thực. Bà Phật tử đem ghế mời Tôn giả ngồi, cúng dường thức ăn. Thấy chú bé, Tôn giả hỏi:

- Này thiện tín, bà có con trai sao?

- Vâng, bạch Đại Đức. Con nuôi với ý định xin cho nó gia nhập Tăng đoàn Tôn giả. Xin Tôn giả rủ lòng thương nhận nó.

- Được.

Và Tôn giả dắt chú bé về.

Vừa đi Tôn giả vừa nghĩ: "Chẳng biết nó đủ phước làm một gia chủ giàu có không đây". Ngay đó, Tôn giả biết được cậu có

phước báo rất lớn, sau sẽ giàu sang tột bực. Nhưng giờ cậu còn bé quá, chưa hiểu biết chín chắn. Tôn giả bèn dẫn cậu đến thành Hoa Thị, vào nhà một thí chủ quen. Gia chủ đảnh lễ Tôn giả, thấy cậu bé, liền hỏi:

- Bạch Đại đức, cậu bé này theo Ngài?

- Phải, đạo hữu ạ. Cậu bé sẽ vào Tăng đoàn. Mà cậu còn bé quá. Ông hãy cho cậu ở đây ít lâu.

- Thưa vâng.

Vị thí chủ thương yêu chăm sóc cậu như con. Nhà ông tích trữ hàng hóa cả mười hai năm rồi. Một hôm, có việc đi qua làng bên, ông đem hết số hàng hóa tồn trữ chất trong một cửa tiệm, bảo cậu ở đó và dặn dò giá tiền của mỗi món hàng.

- Món này giá chừng ấy chừng ấy, món kia giá như vậy, như vậy. Nếu con nghe người ta trả giá ấy, nhớ bán nhé.

Xong, ông ra đi.

Chư Thiên bảo hộ thành đưa hết khách hàng đến tiệm cậu, cả những người cần mua hạt tiêu hoặc hạt thì là. Kết quả: Chỉ một ngày cậu bán sạch số hàng tích trữ mười hai năm. Gia chủ về thấy cửa tiệm trống trơn, hỏi:

- Con ơi, hàng mất hết rồi sao?

- Dạ, đâu có mất. Ngài để lại món gì con đều bán hết theo lời Ngài dạy. Đây là tiền bán.

Gia chủ vô cùng hân hoan.

- Cậu bé này đúng là quí nhân. Cậu có thể sống bất cứ đâu cũng no đủ.

Cô con gái ông đã đến tuổi kén chồng. Ông kêu người cất nhà và gả con cho cậu. Nhà xây xong, ông giục con rể:

- Con về nhà riêng ở đi.

Jatila vừa đặt chân lên ngưỡng cửa ngôi nhà chàng, đất sau nhà bỗng nứt ra và một núi vàng cao bốn chục mét vọt lên. Vua nghe tin có núi vàng từ dưới đất hiện lên sau nhà Jatila liền ban cho chàng chiếc lọng quan chưởng khố. Và chàng được gọi là chưởng khố Jatila.

Quan chưởng khố có ba con trai. Khi chúng trưởng thành, ông muốn xuất gia

làm Sa-môn. Ông thầm tính: "Nếu có vị chưởng khố nào gia thế giàu có như ta, họ mới cho ta xuất gia. Và ông quyết tìm cho ra. Ông cho đúc một viên gạch, một chiếc roi, một dây thừng bằng vàng, trao cho gia nhân bảo:

- Các ông mang những thứ này đi khắp xứ Diêm-phù-đề, giả bộ như không có mục đích gì, ngầm kiếm cho ta một quan chưởng khố cũng giàu có ngang bằng ta. Kiếm được rồi thì về đây.

Đám gia nhân đi từ vùng này đến xứ nọ, cho đến một hôm họ đặt chân đến thành Bhaddiya.

Quan chưởng khố Ram, Mendaka đang ở tại thành, trông thấy đám gia nhân của Jatila, hỏi:

- Này các bạn, các bạn đi đây đi đó có mục đích gì không?

- Chúng tôi chẳng có mục đích gì cả.

Quan chưởng khố thầm nghĩ: "Không thể có chuyện mấy người này đi đây đi đó tay cầm mấy vật kia, lại không có mục đích. Rõ ràng họ đang đi xem xét khắp vùng". Ông nói thêm với đám gia nhân:

- Mời các bạn vào xem vườn nhà chúng tôi.

Đám người kéo nhau vào, thấy trên một khu đất thật rộng có những con cừu vàng to bằng con voi, hoặc bằng con ngựa, hoặc bằng bò tót, đang nhảy nhót lung tung, đập lưng vào nhau, cày đất nứt nẻ lên từng đường. Đi quanh nhìn ngắm đám cừu hồi lâu, họ rời sân. Quan

chưởng khố Ram hỏi:

- Sao, các bạn gặp thứ muốn tìm rồi chứ?

- Bẩm vâng, thưa đại quan, chúng con đã tìm được.

- Vậy thì xin chào.

Ông ra dấu từ giã. Bọn gia nhân đi thẳng về nhà chủ mình. Quan chưởng khố Jatila hỏi:

- Các bạn kiếm được quan chưởng khố nào giàu bằng nhà ta không?

- Thưa chủ nhân, Ngài giàu chưa thấm tháp vào đâu. Quan chưởng khố Ram ở thành Bhaddiya giàu tới mức vầy nè.

Họ kể lại chuyện.

Nghe xong, quan chưởng khố rất hoan hỉ, nghĩ thầm: "Ta kiếm được một người rồi. Chẳng biết còn ai nữa không?".

Ông đưa cho gia nhân một tấm chăn đáng giá một trăm ngàn đồng tiền vàng, bảo:

- Các bạn hãy đi kiếm xem có nhà quan chưởng khố nào như vậy nữa không.

Chuyến này họ đến thành Vương Xá, chất một đống củi gần nhà quan chưởng khố Jotika và châm lửa đốt. Người ta hỏi lý do, họ đáp:

- Chúng tôi mang theo một tấm chăn rất quí, định bán mà chưa kiếm được người mua. Sợ mang theo bị cướp, chúng tôi tính đốt mới tiếp tục cuộc hành trình được.

Quan chưởng khố Jotika thấy họ, hỏi gia nhân:

- Mấy người kia làm gì thế?

Sau khi nghe chuyện, ông cho gọi họ đến, bảo:

- Tấm chăn giá bao nhiêu?

- Thưa, một trăm ngàn đồng.

Jotika kêu đưa cho họ một trăm ngàn đồng, rồi nói:

- Các ông đem giùm tấm chăn này cho cô tớ gái đang quét rác ở cổng lâu đài ta. Cô kia nhận tấm chăn òa lên khóc, vào gặp quan, nói:

- Thưa chủ nhân, nếu con có lỗi lầm gì

sao Ngài không đánh đập con? Ngài lại cho con tấm chăn thô xấu thế này. Con làm sao may quần áo, may áo choàng?

- Ta cho cô tấm chăn chẳng phải để cô may đồ. Cô có thể cuộn nó lại để ở chân giường, sau khi rửa chân bằng nước thơm, cô dùng nó lau chân. Được chưa?

- Bẩm vâng, thế thì được ạ.

Lúc ấy, cô gái mới chịu ôm tấm chăn đi ra.

Đám gia nhân Jatila chứng kiến sự việc ấy, về nhà nghe chủ hỏi:

- Các bạn kiếm được ai giàu bằng nhà ta chưa?

Họ vội đáp:

- Thưa chủ nhân, Ngài giàu thực chẳng thấm vào đâu. Quan chưởng khố Jotika thành Vương Xá giàu tới vậy nè.

Họ miêu tả cảnh giàu sang trong lâu đài Jotika, rồi kể câu chuyện tấm chăn. Nghe xong, ông càng vui vẻ, nói:

- Bây giờ ta có thể xin xuất gia làm Sa- môn được rồi.

Ông vào hoàng cung tâu vua:

- Tâu bệ hạ, thần muốn xuất gia làm Sa- môn.

- Được thôi, khanh cứ làm theo ý muốn.

Jatila về nhà gọi hết các con đến, trao cho con trai trưởng chiếc xẻng bằng vàng, bảo:

- Con đi ra núi vàng phía sau nhà lấy cho ta một cục vàng.

Người con cầm xẻng xúc vào núi vàng, anh cảm thấy như xúc vào đá cứng. Jatila lấy xẻng trong tay con trai trưởng, trao cho con trai thứ, bảo làm y như trước. Người con này cũng như anh, xúc vào vàng chỉ cảm thấy như xúc vào đá tảng. Jatila trao xẻng cho con út. Anh này cầm xẻng xúc thì vàng rời ra như đất mềm. Quan chưởng khố bảo:

- Thôi, đủ rồi con.

Ông bảo hai đứa con lớn:

- Núi vàng này không phải của các con. Nó chỉ thuộc về ta và thằng út. Các con hãy cùng nó chung hưởng giàu sang.

Tại sao núi vàng chỉ thuộc về người cha và đứa con út? Tại sao quan chưởng khố bị bỏ trôi sông từ lúc còn sơ sanh? Đây là quả báo của những việc làm trong một kiếp trước.

Chuyện quá khứ:

33D. Ông Thợ Vàng Và Ba Người Con.

Một kiếp xa xưa, khi ngôi tháp thờ đức Phật Ca-diếp đang được xây cất. Có một vị A-la-hán đi đến hỏi các thợ xây:

- Các bạn, tại sao mặt tháp phía Bắc xây nửa chừng thế này?

- Dạ, vì không đủ vàng.

- Tôi sẽ vào làng kêu gọi mọi người cúng dường. Các ông hãy gắng hết lòng lo

công việc.

Ngài vào thành kêu gọi:

- Hỡi thiện nam, tín nữ. Hiện không có đủ vàng xây mặt tháp phía Bắc. Xin các thí chủ đóng góp.

Sau đó, Ngài đến nhà ông thợ vàng. Gặp đúng lúc ông đang cãi nhau với vợ. Tôn giả nói:

- Vâng không đủ xây mặt Bắc ngôi tháp ông nhận lãnh làm. Việc này ông cần phải biết rõ. Đang tức giận bà vợ, ông đáp:

- Ông hãy liệng đức Thế Tôn của ông xuống sông rồi đi cho khuất mắt.

Bà vợ trách chồng:

- Ông đã phạm tội đại ác. Ông giận tôi thì cứ đánh mắng tôi, sao lại sân hận với chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai?

Người thợ vàng lúc ấy mới thấy hối tiếc. Ông sụp lạy vị A-la-hán thưa:

- Xin Đại đức hỷ xả cho con.

- Ông đâu có nói gì ta. Hãy sám hối đức Thế Tôn.

- Bạch Đại đức, con phải làm gì để được Phật xá tội?

- Này thiện hữu, ông hãy làm ba bình bông bằng vàng đặt lên hòm đựng xá-lợi Phật, rồi nhúng ướt tóc và quần áo ông để đến sám hối đức Thế Tôn.

- Thưa vâng, bạch Đại đức.

Trong lúc làm những bông hoa vàng, ông gọi người con trai trưởng lên bảo:

- Con ạ, cha đã nói lời thô ác về đức Thế Tôn. Sau khi làm xong những hoa này cha sẽ đặt lên hòm xá-lợi Phật và sám hối. Con đi theo cha nhé.

Người con không muốn đi, đáp:

- Đâu phải vì con mà cha nói lời thô ác ấy. Cha đi một mình vậy.

Ông kêu người con thứ. Y cũng không muốn đi nên trả lời như anh. Đến người con út, cậu thưa:

- Bổn phận con cái là phải làm những gì cần làm.

Cậu hứa đi cùng cha đến tháp Phật và

phụ giúp ông làm các bông hoa vàng. Xong ba bình bông, ông nhắm bề rộng của cái hòm đựng xá-lợi Phật, đặt chúng lên, nhúng ướt tóc và quần áo rồi đến sám hối Phật.

Chuyện hiện tại:

33E. Phần Kết.

Vì nguyên nhân trên, liên tiếp trong bảy kiếp Jatila vừa chào đời đã bị bỏ xuống sông, kiếp này là kiếp cuối cùng. Cũng do vì không phụ giúp cha nên hai người con lớn chẳng có phần được hưởng núi vàng, chỉ có người cha và con út được.

Quan chưởng khố sau khi dặn bảo các con liền xuất gia làm Sa-môn đệ tử Phật. Chỉ vài ngày sau, ông đắc quả A-la-hán.

Một hôm đức Phật và năm trăm thầy Tỳkheo đi khất thực đến nhà các con của Jatila, họ cúng dường vật thực cho Phật và chư Tăng suốt nửa tháng. Tối lại, các thầy Tỳ-kheo vào Pháp đường bàn tán:

- Này huynh Jatila, bây giờ huynh có tiếc nhớ núi vàng khổng lồ và các con của huynh không?

- Thưa chư huynh, tôi chẳng tiếc nhớ chúng, cũng không hãnh diện vì chúng.

Các thầy bảo nhau:

- Tôn giả Jatila nói dối, phạm tội vọng ngữ.

Đức Thế Tôn nghe các thầy nói, liền dạy:

- Này các Tỳ-kheo, đúng là ông ấy chẳng tiếc nhớ hoặc hãnh diện.

Ngài nói kệ:

(416) Ai ở đời đoạn ái, Bỏ nhà, sống xuất gia, Ái hữu được đoạn tận, Ta gọi Bà-la-môn.

34. Vua A Xà Thế Đánh Chiếm Lâu Đài Jotika

Ai ở đời đoạn ái ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tôn giả Jotika.

Sau khi âm mưu với Đề-bà-đạt-đa giết

cha là vua Bình Sa Vương để lên ngôi, vua A-xà-thế tự nghĩ: "Bây giờ ta sẽ chiếm tòa lâu đài quan chưởng khố". Vua nai nịt, chuẩn bị khí giới như lúc ra trận, kéo quân đi. Nhưng vừa thấy bóng mình và đoàn quân phản chiếu trên các bức tường chạm châu ngọc, vua nghĩ: "Chủ nhân đã sẵn sàng khí giới để chiến đấu, đang cùng gia nhân tiến ra" nên không dám tiến lại gần.

Hôm ấy ngẫu nhiên đúng vào ngày quan chưởng khố quyết định bắt đầu ăn chay. Từ sáng sớm sau bữa điểm tâm, ông đến tinh xá ngồi nghe Phật giảng pháp. Thần dạ xoa Yamakoli gác cổng thứ nhất tòa lâu đài thấy vua A-xà-thế, bèn la:

- Ngươi đi đâu vậy?

Thần đánh cho đoàn binh vua thua liểng

xiểng, tháo chạy tán loạn, và còn rượt theo đánh nữa. Vua A-xà-thế chạy trốn vào chính ngôi tinh xá quan chưởng khố đang ngồi nghe pháp. Thấy vua ông đứng dậy:

- Tâu bệ hạ, có việc gì không?

- Này khanh, làm sao mà vừa điều khiển gia nhân đánh với trẫm xong, khanh lại có thể ngồi đây giả vờ nghe pháp?

- Muôn tâu, bệ hạ đã đến đánh chiếm nhà hạ thần sao?

- Đúng vậy.

- Tâu bệ hạ, một ngàn ông vua cũng không đoạt được nhà hạ thần.

Vua nổi giận:

- Người định chiếm ngôi chăng?

- Tâu không, hạ thần chẳng có ý định làm vua. Nhưng vua hoặc giặc cướp đều không thể cưỡng đoạt của cải nhà hạ thần, dù một sợi chỉ.

- Vậy ngươi có đồng ý để ta lấy tòa lâu đài không?

- Tâu bệ hạ, trên tay hạ thần đây đang đeo hai mươi chiếc nhẫn. Hạ thần không cho bệ hạ. Bệ hạ thử lấy xem.

Vua ngồi thu mình lấy đà, nhảy lên không trung tới chín thước. Sau đó vua đứng dậy, phóng lên cao bốn mươi thước. Dù sức mạnh vô song, vua vặn vẹo cách nào cũng chẳng lôi được một chiếc nhẫn ra khỏi tay quan chưởng khố. Sau cùng, quan chưởng khố nói:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ trải áo choàng ra.

Vua vừa trải áo, quan chưởng khố duỗi hai bàn tay, hai mươi chiếc nhẫn rơi xuống.

- Muôn tâu, bệ hạ thấy đó. Không ai có thể cưỡng đoạt của cải hạ thần được.

Hành vi của vua làm quan chưởng khố rất ngao ngán. Ông thưa:

- Tâu bệ hạ, xin cho phép hạ thần được xuất gia làm Sa-môn.

Vua nghĩ thầm: "Quan chưởng khố mà làm Sa-môn, ta sẽ chiếm đoạt tòa lâu đài dễ dàng".

Vua bèn bảo:

- Khanh cứ xuất gia.

Jotika xuất gia làm Sa-môn đệ tử Phật, chẳng bao lâu đã đắc quả A-la-hán, được mọi người biết đến dưới tên Tôn giả Jotika. Ông vừa đắc quả, tất cả của cải châu ngọc, phú quí thế gian của ông đều biến mất hết, và chư thiên đưa cô vợ Satulakàyi của ông về xứ Uttarakuru.

Một hôm, các thầy Tỳ-kheo hỏi Tôn giả Jotika:

- Này huynh Jotika, huynh có nhớ tiếc tòa lâu đài hoặc vợ huynh không?

- Thưa chư huynh, không.

Các thầy đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối, phạm tội vọng ngữ.

Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, đúng là ông ấy chẳng tiếc nhớ gì những thứ ấy.

Ngài nói kệ:

(416) Ai ở đời đoạn ái, Bỏ nhà, sống xuất gia, Ái hữu được đoạn tận, Ta gọi Bà-la-môn.

35. Người Diễn Kịch Câm Xuất Gia Làm Sa Môn

Bỏ trói buộc loài người ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo trước khi xuất gia, là diễn viên kịch câm.

Có một diễn viên kịch câm đi trình diễn lang thang đây đó. Một hôm nghe Phật thuyết pháp xong, ông xin xuất gia làm Sa-môn và đắc quả A-la-hán. Khi đến làng kia khất thực, đức Phật và chư Tăng trông thấy một diễn viên kịch câm khác đang biểu diễn. Các thầy hỏi thầy Tỳkheo cựu diễn viên:

- Này huynh, ở đàng kia có một diễn viên kịch câm đang diễn trò như huynh hồi ấy. Huynh có nhớ tiếc cuộc sống cũ không?

- Thưa chư huynh, không.

Các thầy bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối, phạm tội vọng ngữ.

Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, ông ấy đã thoát được mọi buộc ràng.

Và Ngài nói kệ:

(417) Bỏ trói buộc loài người, Vượt trói buộc cõi trời, Giải thoát mọi buộc ràng, Ta gọi Bà-la-môn.

36. Người Diễn Kịch Câm Xuất Gia Làm Sa Môn

Bỏ điều ưa, điều ghét ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo trước khi xuất gia là một diễn viên kịch câm.

Câu chuyện cũng giống như chuyện trước, chỉ khác trong trường hợp này, đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, ông ấy đã bỏ điều ưa, điều ghét.

Ngài nói kệ:

(418) Bỏ điều ưa, điều ghét, Mát lạnh, diệt sanh y, Bậc anh hùng chiến thắng, Nhiếp phục mọi thế giới, Ta gọi Bà-la-môn.

37. Người Gõ Đầu Lâu

Ai hiểu rõ hoàn toàn ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Vangìsa.

Thuở ấy, tại thành Vương Xá có một người Bà-la-môn tên Vangìsa, có tài biết được người chết sanh về đâu. Ông cứ việc gõ lên chiếc đầu lâu, rồi nói:

- Người có chiếc đầu lâu này đã bị đọa địa ngục. Người kia đã hóa kiếp làm súc sanh, người này vào đường ngạ quỷ, đầu lâu kia là của một người đã sanh trở lại cõi người.

Một nhóm người Bà-la-môn suy tính: "Chúng ta có thể dùng người này để

chinh phục lòng tin mọi người". Họ khoác lên mình Vangìsa hai chiếc áo rộng màu đỏ, đưa ông đi khắp vùng và loan báo:

- Người Bà-la-môn Vangìsa này có thể gõ vào đầu lâu người chết và biết người chết đã sanh ở cõi nào. Các bạn mau mau đến hỏi xem người thân của mình chết rồi đi đâu.

Người ta kéo nhau đến, người đưa mười đồng, kẻ hai mươi đồng, hoặc cả trăm đồng tùy túi tiền, rồi hỏi về số phận của những người thân đã chết của họ.

Lang thang khắp nơi, một hôm đến thành Xá-vệ, họ ở lại gần tinh xá Kỳ Viên. Sau bữa ăn sáng, thấy người người lũ lượt cầm hương hoa các thứ đi nghe giảng pháp, những người Bà-la-môn liền hỏi:

- Các ông các bà đi đâu vậy?

- Đến tinh xá nghe pháp.

- Nghe pháp thì được gì? Không có ai hơn ông bạn Vangìsa của chúng tôi đâu. Ông ấy mà gõ lên đầu lâu người chết là biết được người ấy tái sanh về đâu. Các ông bà đến hỏi

thăm về người thân của mình đi.

Nhóm Phật tử đáp:

- Cái ông Vangìsa ấy biết gì? Đâu có ai bằng được đức Thế Tôn.

Bọn Bà-la-môn cãi:

- Không ai bằng Vangìsa.

Hai bên tranh luận om sòm. Cuối cùng,

nhóm Phật tử bảo:

- Chúng ta hãy cùng nhau đi xem thử ông Vangìsa của các ông hay đức Thế Tôn của chúng tôi ai hơn nhé!

Họ kéo nhau đến tinh xá.

Đức Phật biết hết chuyện nên cho lấy năm chiếc sọ đặt thành một hàng, sọ thứ nhất của một người đã bị đọa địa ngục, sọ thứ hai bị đọa làm súc sanh, sọ thứ ba vào cõi người, sọ thứ tư sanh về cõi trời và sọ thứ năm của một vị đã đắc A-lahán. Khi mọi người đến nơi, Phật hỏi Vangìsa:

- Người ta nói ông có thể gõ vào sọ người chết và nói được người đó đã đi về cõi nào phải không?

- Vâng.

- Vậy sọ này của ai?

- Đây là sọ một người đã bị đọa địa ngục.

- Hay thay!

Đức Phật tán thán xong hỏi về ba chiếc sọ kế tiếp. Y đều trả lời đúng. Sau mỗi câu trả lời đúng, đức Phật lại tán thán. Cuối cùng, Ngài hỏi về chiếc sọ thứ năm:

- Sọ này của ai?

Vangìsa gõ lên đầu lâu, rồi thú thật không biết người ấy đã sanh về đâu. Đức Phật nói:

- Vangìisa, ông không biết ư?

- Thưa không, con không biết.

- Ta biết.

Vangìsa thỉnh cầu:

- Xin Ngài hãy dạy cho con thuật này.

- Ta không thể dạy cho một người không phải Sa-môn.

Ông Bà-la-môn nghĩ: "Giá ta biết được huyễn thuật này, ta sẽ là người số một trên toàn cõi Ấn Độ". Y bảo những người Bà-la-môn đồng bọn:

- Các bạn hãy tìm chỗ ở lại đâu đó vài ngày. Tôi định xuất gia làm Sa-môn.

Y xin xuất gia làm Sa-môn đệ tử Phật, và được gia nhập Tăng đoàn. Các thầy Tỳ-

kheo gọi là Tôn giả Vangìsa. Đức Phật trao cho thầy Tỳ-kheo đề mục thiền quán là ba mươi hai thứ cấu tạo nên thân.

- Ông phải lặp đi lặp lại cho thuộc những thứ này mới học huyễn thuật kia được.

Thầy y theo lời Phật dặn. Các người Bà- la-môn thỉnh thoảng đến thăm chừng, hỏi:

- Ông học được huyễn thuật chưa?

- Xin các bạn đợi ít lâu. Tôi đang học đây.

Vài ngày sau, thầy đắc A-la-hán. Khi những người Bà-la-môn đến nữa, thầy nói:

- Này các huynh đệ, bây giờ tôi không

thể học nó.

Các thầy Tỳ-kheo nghe vậy, bèn đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo này nói dối, phạm tội vọng ngữ.

Đức Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo, chớ nói thế. Ông ấy giờ đây biết hết đường sanh tử của chúng sanh.

Ngài nói kệ:

(419) Ai hiểu rõ hoàn toàn,
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt châu giác ngộ, Ta gọi Bà-la-môn.
(420) Với ai, loài trời, người, Cùng với Càn-thát-bà, Không biết chỗ thọ sanh, Lậu tận bậc La-hán, Ta gọi Bà-la-môn.

38. Ông Bà Visàkha

Người không sở hữu gì ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc Lâm, liên quan đến Tỳ- kheo ni Dhammadinnà.

Khi Tỳ-kheo ni Dhammadinnà chưa xuất gia, chồng bà tên Visàkha là một Phật tử thuần thành. Một hôm, nghe Phật giảng pháp liền đắc A-na-hàm. Sau đó ông nghĩ thầm: "Bây giờ, ta nên giao hết tài sản của cải cho Dhammadinnà". Trước đây,

theo lệ thường mỗi khi về nhà, vừa thoáng thấy Dhammadinnà nhìn ra cửa sổ, ông đã mỉm cười với bà. Nhưng hôm ấy, bà đang đứng ngay tại cửa sổ, ông đi ngang chẳng hề ngó ngàng đến. Bà suy nghĩ: "Vậy là sao đây? Thôi được, đến bữa ăn mình sẽ biết chuyện gì". Tới trưa, bà dọn cơm cho ông như mọi ngày. Thay vì nói câu thường lệ: "Nàng hãy như mọi ngày. Thay vì nói câu thường lệ: "Nàng hãy ngồi xuống cùng ăn với

tôi nào". Hôm nay ông ăn trong yên lặng, chẳng hé môi thốt một lời. Bà nghĩ tiếp: "Chắc ổng giận gì rồi đa".

Xong bữa cơm, Visàkha kiếm chỗ ngồi thoải mái rồi gọi Dhammadinnà đến bên bảo:

- Dhammadinnà, tất cả của cải trong nhà này từ nay thuộc về nàng. Hãy nhận lấy!

Bà nghĩ: "Nếu giận, chẳng ai lại trao tặng của cải, mời nhận. Không biết chuyện gì nữa đây kìa?" Yên lặng một lúc, bà mời hỏi:

- Nhưng còn chàng thì sao?

- Kể từ hôm nay, tôi không dính dáng gì đến chuyện thế tục nữa.

- Ai mà đi hốt đàm dãi ông nhổ ra? Ông hãy cho phép tôi xuất gia làm Tỳ-kheo ni luôn.

- Tốt lắm!

Visàkha chấp nhận ngay. Ông đưa bà đến tinh xá của các Tỳ-kheo ni với nhiều tặng phẩm quí giá, xin cho bà được gia nhập Tăng đoàn chư Ni. Thọ giới cụ túc

xong, bà được mọi người kêu Tỳ-kheo ni Dhammadinnà.

Bà thích cuộc sống độc cư nên theo các Tỳ-kheo ni về miền quê. Sau một thời gian, bà đắc A-la-hán và cả thần thông. Bà nghĩ: "Bây giờ, những người thân của ta sẽ vì ta mà làm việc phước thiện". Bà quay về Vương Xá. Cư sĩ Visàkha nghe tin bà về, thầm nghĩ: "Bà ấy trở về vì cớ gì nhỉ?". Ông đến tinh xá các Tỳ-kheo ni, gặp vị Tỳ-kheo ni vợ cũ của mình, ông đảnh lễ và cung kính ngồi qua một bên.

Ông lại thầm tính: "Nếu bây giờ mình hỏi: Bạch sư cô, xin hỏi có phải sư cô đã chán việc tu hành không? thì thực chẳng tiện chút nào. Thôi mình sẽ hỏi như thế này". Ông hỏi bà một câu về quả vị Tuđà-hoàn, bà lập tức trả lời rất chính xác. Cư sĩ tiếp tục hỏi về các quả vị cao hơn,

và cuối cùng, hỏi đến A-la-hán. Bà tán thán:

- Lành thay, huynh Visàkha! Nếu huynh muốn biết về quả vị A-la-hán, xin đến yết kiến đức Thế Tôn và tham vấn Ngài.

Visàkha lại đảnh lễ bà, rồi đến gặp Phật kể Ngài nghe câu chuyện của họ. Đức Thế Tôn bảo:

- Đệ tử ta, Dhammadinnà, thật khéo nói. Còn về câu hỏi ông hãy lắng nghe.

Phật giảng pháp xong, nói bài kệ:

(421) Ai quá, hiện, vị lai, Không một sở hữu gì, Không sở hữu, không nắm, Ta gọi Bàla-môn.

39. Angulimàla, Vô Não

Bậc trâu chúa, thù thắng ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Angulimàla.

Câu chuyện này đã được kể trong phần chú giải bài kệ bắt đầu bằng câu: "Keo kiết không sanh thiên...".

Các thầy Tỳ-kheo hỏi Angulimàla:

- Này huynh Angulimàla, khi huynh thấy con voi độc cầm lọng đứng trước mặt, huynh không sợ sao?

- Không, thưa chư huynh, tôi chẳng sợ.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Angulimàla nói dối.

Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, Angulimàla không còn sợ hãi. Bởi vì, trong số những bậc đại sĩ đã xa lìa tham ái, những Tỳ-kheo như Angulimàla là tôn quí nhất, và không sợ hãi nữa.

Ngài nói kệ:

(422) Bậc trâu chúa, thù thắng, Bậc anh hùng, đại sĩ, Bậc chiến thắng, không nhiễm, Bậc tẩy sạch, giác ngộ, Ta gọi Bà-la-môn.

40. Phạm Hạnh Của Thí Chủ Quyết Định Phước Báu Cúng Dường

Ai biết được đời trước ...

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Kỳ Viên, liên quan đến câu hỏi của ông Bà-la-môn Devahita.

Một hôm, đức Thế Tôn bị chứng khó chịu trong người, liền bảo Tôn giả Upavàna đến nhà người Bà-la-môn tên Devahita xin nước nóng. Tôn giả đến, nói rõ chứng bệnh của đức Phật và xin ông Bà-la-môn nước nóng. Ông nghe vậy vô cùng hoan hỉ:

- Thật may mắn cho tôi quá, được dịp cúng nước nóng cho bậc Giác ngộ Vô thượng.

Ông lấy nước nóng và một bình mật mía đưa Tôn giả, ra lệnh cho một gia nhân mang phụ nước nóng đi.

Tôn giả thỉnh Phật tắm nước nóng, và pha mật bằng nước ấm cho Ngài dùng. Ngay sau đó cơn đau của Ngài dịu xuống.

Ông Bà-la-môn thầm nghĩ: "Người ta nên cúng dường ai để được phước lớn? Ta sẽ hỏi đức Thế Tôn".

Ông đến gặp Phật và đọc một bài kệ:

Bố thí ai phước lớn? Ai nên được cúng dường? Thí chủ phải thế nào? Mới được phước vô lượng?

Đức Phật dạy:

- Một người Bà-la-môn như sau, cúng dường sẽ được phước báo rất lớn.

Ngài nói kệ:

(423) Ai biết được đời trước, Thấy thiên giới, đọa xứ, Đạt được sanh diệt tận, Thắng trí, tự viên thành, Bậc mâu-ni đạo sĩ, Viên mãn mọi thành tựu, Ta gọi Bà-la-môn.

--ooOoo--

Phần Kết Đấng Pháp Vương Vô Thượng chánh đẳng chánh giác đã đạt đến Niết-bàn tối thượng. Những bài kệ Pháp Cú này được thốt ra từ kim khẩu của bậc Thánh Trí Đại hùng Đại lực ấy.

Ngài đã dạy Tứ Đế bằng 423 bài kệ. Và có đến 299 câu chuyện ra đời.

Được sống trong ngôi tu viện do triều đình xây cất tại khuôn viên hoàng cung đức vua Sirikùta, lòng tôi tràn ngập sự biết ơn.

Tôi biên soạn nên tập chú giải đúng đắn này về các bài kệ ấy, gồm 72 phần, để dễ bề đọc tụng, hoặc kể.

Phù hợp với ý và lời của các bài kệ, đặt cơ sở trên chánh pháp độ sanh của bậc Đạo sư trời và người.

Với công đức cúng dường này, xin nguyện cho tất cả ước vọng chính đáng của hết thảy chúng sanh được thành tựu, đơm kết thành hoa ngọt trái lành.

Xin chúc chư vị được thịnh vượng, an lạc và thân thể khang kiện!

--ooOoo--

- Hết -

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.